"Thời tiết đã không như ý tôi muốn. Tôi không hề có ý đưa ngài đi xa đến thế này. Nhưng thời tiết xấu đã bắt buộc chúng ta. Bây giờ bão đã tan, và nếu ngài hứa sẽ không làm gì chống lại tôi sau này, và đền bù xứng đáng cho tôi những thiệt hại tôi đã phải chịu khi dính dáng vào chuyện này, tôi sẽ quay trở lại và ngài sẽ có thể trở về nhà sau một tuần nữa."   
Sir Oliver nhìn lão cười gằn. "Ngươi đúng là một tên lưu manh vô liêm sỉ không biết giữ chữ tín với bất cứ ai!" chàng lớn tiếng. "Đầu tiên ngươi nhận tiền để bắt cóc ta; rồi sau đó ngươi đòi ta phải trả tiền để ngươi đưa ta quay trở lại."   
"Ngài hiểu lầm tôi rồi ! Tôi luộn giữ chữ tín khi những người tử tế thuê tôi, và ngài thì phải rõ chuyện đó quá đi chứ, Sir Oliver. Nhưng ai giữ chữ tín với một tên đê tiện là một thằng ngốc- mà tôi thì không phải là thằng ngốc, cả chuyện này ngài cũng biết quá rõ. Tôi đã làm tất cả những chuyện này chỉ để một tên đê tiện phải hiện nguyên hình trước mặt ngài, đồng thời tôi cũng có thể kiếm được chút lợi từ con tàu của mình. Tôi đang thẳng thắn với ngài, Sir Oliver. Tôi đã nhận được hai trăm bảng bằng tiền mặt và trang sức từ em trai ngài. Hãy trả tôi một khoản tương tự và ..."   
Nhưng lúc này, tất cả vẻ bình thản của Sir Oliver đột nhiên biến mất. Chàng rũ bỏ sự bình thản cam chịu như một chiếc áo khoác, rồi cúi người về phía trước, linh hoạt và thậm chí giận dữ.   
"Ngươi nói gì?" chàng hét lớn,   
Lão thuyền trưởng nhìn chăm chăm vào chàng, ngừng rít tẩu thuốc. "Tôi nói rằng nếu ngài chấp nhận trả tôi một khoản bằng khoản em trai ngài đã trả tôi để tôi bắt cóc ngài..."   
"Em trai ta?" chàng hiệp sĩ gầm lên. "Ngươi dám nói là em trai ta?"   
"Tôi nói là em trai ngài."   
"Lionel?" người tù vẫn khăng khăng chưa muốn tin.   
"Thế ngài còn một cậu em khác nữa sao?" thuyền trưởng Leigh hỏi lại.   
Sau đó cả hai cùng im lặng, Sir Oliver nhìn trân trối về phía trước, đầu chàng cúi gục dần xuống giữa hai vai. "Theo như ta hiểu," cuối cùng chàng lên tiếng," lão nói rằng Lionel em trai ta đã trả lão tiền để bắt cóc ta - nói tóm lại, việc ta có mặt trên con tàu bẩn thỉu của lão là do cậu ta?"   
"Thế ngài định nghi ngờ ai đây? Hay là ngài nghĩ tôi đã tự nghĩ ra trò này để giải sầu?"   
"Trả lời ta," Sir Oliver hét lên, vùng vẫy như muốn xé bung dây trói.   
"Tôi đã trả lời ngài mấy bận rồi còn gì nữa. Nhưng tôi sẽ lặp lại lần nữa, vì ngài đã tỏ ra chậm hiểu đến vậy, rằng tôi đã được trả hai trăm đồng bảng bởi em trai ngài, cậu Lionel Tressilian, để bắt cóc ngài mang đến Barbary bán làm nô lệ. Thế đã rõ chưa?"   
"Cũng rõ ràng như dối trá. Ngươi nói láo, đồ chó!"   
"Ấy, nhẹ nhàng chút nào!" thuyền trưởng Leigh cười cợt giễu.   
"Ta nói ngươi bịa đặt!"   
Leigh nhìn chàng một hồi. "Rồi ngài sẽ biết ngay thôi!" lão nói, và không thêm lời nào nữa, lão đứng lên đi tới cạnh một chiếc rương đi biển kê sát vào vách gỗ. Lão mở rương lấy ra một chiếc túi da. Từ trong túi lão moi ra một nắm đồ trang sức. Lão gí sát nắm đồ vào trước mũi Sir Oliver. "Có thể," lão nói, "ngài không lạ gì với vài món trong số này. Vì cậu em ngài không có đủ tiền mặt nên chỗ này cậu ta đã đưa tôi cho đủ số hai trăm bảng. Thử nhìn qua chúng xem."   
Sir Oliver nhận ra một chiếc nhẫn và một chiếc hoa tai hình mũi dáo bằng ngọc trai của em trai chàng; một chiếc huy chương mà chính chàng đã cho Lionel hai năm trước; và cứ thế, từng món một, chàng nhận ra cả đám đồ trang sức được bày trước mắt chàng.   
Đầu chàng cúi gập xuống ngực, và chàng ngồi như một người đã hoàn toàn tê liệt. "Chúa ơi!" chàng nấc lên đau đớn. "Vậy thì con còn ai nữa đây! Cả Lionel! Lionel!" Thân hình vạm vỡ của chàng rung lên nức nở. Hai hàng nước mắt chầm chậm lăn xuống dọc hai gò má chai sạn, biến mất dưới bộ râu rậm phủ trên cằm chàng. "Ta là một kẻ bị nguyền rủa!" chàng nói.   
Nếu không có những bằng chứng rõ ràng đến thế, không bao giờ chàng có thể tin vào một chuyện như vậy. Từ lúc chàng bị bắt cóc ngay gần cổng của Godolphin Court chàng đã cho rằng đây là việc làm của Rosamund, và sự dửng dưng phó mặc số phận của chàng đã xuất phát từ ý nghĩ rằng nàng đã hoàn toàn bị thuyết phục chàng chính là thủ phạm giết anh nàng, và hận thù đã đẩy nàng tới chỗ thuê người bắt cóc chàng. Chưa lúc nào, dù trong chốc lát, chàng nghi ngờ lời nhắn của Rosamund muốn gặp chàng mà Lionel nói lại cho chàng. Và bởi vì chàng tin rằng chàng đi tới Godolphin Court theo lời nhắn của nàng, đương nhiên chàng sẽ phải đi tới kết luận những gì đã xảy ra mới là điều nàng định làm với chàng, một vụ bắt cóc do chính nàng chủ ý, là câu trả lời cho cố gắng muốn gặp nàng của chàng ngày hôm trước, là cách để nàng có thể chắc chắn sẽ không bị quấy rầy đường đột như vậy một lần nữa.   
Kết luận này đã làm chàng đau khổ không ít; nó đã làm tê liệt mọi giác quan, mọi cảm giác của chàng, khiến chàng trở nên dửng dưng trước mọi số phận định mệnh có thể dành sẵn cho chàng phía trước. Thế nhưng nó cũng không cay đắng chua chát bằng sự thật đang bày ra trước mắt chàng lúc này đây. Nói cho cùng, với nàng ít nhất còn có nguyên cớ để giải thích cho sự hận thù đã thay thế cho tình yêu nàng dành cho chàng trước kia. Nhưng với Lionel thì có lẽ nào? Động cơ nào có thể biện hộ cho một hành động như vậy, ngoài sự ích kỷ đê hèn đáng khinh bỉ đã khiến đứa em vô ơn của chàng muốn đảm bảo chắc chắn rằng không bao giờ tội giết Peter Godolphin được gỡ khỏi đôi vai đã cam chịu gánh vác nó một cách đầy bất công, và khát vọng đáng nguyền rủa muốn chiếm đoạt gia tài bằng cách loại bỏ người không chỉ là anh trai, mà còn như một người cha và hơn thế nữa với gã? Chàng rùng mình ghê sợ. Thật không thể nào tin được, thế nhưng không nghi ngờ gì nữa đó chính là sự thật. Để đáp lại tất cả tình yêu thương mà chàng dành cho Lionel, để đáp lại tất cả sự hy sinh chàng đã cam chịu để che chở cho đứa em trai, đó là cách Lionel đã báo đáp chàng. Ngay cả khi cả thế giới chống lại chàng, chàng vẫn tin rằng Lionel gắn bó chân thành với chàng, và niềm tin đó đã giúp chàng được an ủi phần nào. Thế mà giờ đây...Cảm giác cô đơn, bị bỏ rơi xâm chiếm lấy chàng. Rồi dần dần trong cảm giác đau khổ sự căm hận từ từ bùng lên, và một khi đã bùng lên, nó nhanh chóng lớn dần cho đến khi choán lấy hết đầu óc chàng, và đến lượt mình xoá mờ đi mọi ý nghĩ khác. Chàng ngả đầu ra phía sau, đôi mắt đỏ vằn máu của chàng nhìn như dán vào khuôn mặt thuyền trưởng Leigh, lúc này đang ngồi trên chiếc rương và cũng đang quan sát chàng, nhẫn nại chờ đợi cho đến khi người tù của lão hồi phục được lý trí đã bị sự thật quá phũ phàng làm tê dại.   
"Lão Leigh," chàng nói, " lão sẽ đòi giá ra sao để đưa ta trở lại nước Anh?"   
"Sao cơ, Sir Oliver," lão nói," tôi nghĩ cái giá tôi đã được trả để bắt cóc ngài cũng không tồi lắm. Và một khoản tương tự có thể giúp sửa chữa lỗi lầm do khoản thứ nhất gây ra."   
"Lão sẽ có gấp đôi số đó khi lão đưa ta lên bờ ở mũi Trefusis," lão lập tức nhận được câu trả lời.   
Đôi mắt ti hí của lão thuyền trưởng hấp háy và đôi lông mày đỏ quạch của lão nhíu lại. Lời chấp nhận có vẻ dễ dàng quá. Chắc chắn phải có gì ẩn ý, nếu không thì lão đúng là kẻ không hiểu đời.   
"Ngài đang định giở trò gì ra thế?" lão bĩu môi.   
"Giở trò? Với lão?" Sir Oliver phá lên cười. "Có Chúa chứng dám, đồ khốn kiếp, lão tưởng ta quan tâm đến lão trong chuyện này sao, hay lão nghĩ ta vẫn còn tâm trí để nghĩ đến chuyện trả thù lão khi ta đã có quá đủ để tính sổ với kẻ khác rồi?"   
Đó là sự thật. Sự căm hận oán trách của chàng với Lionel lúc này lớn đến mức chàng chẳng còn đếm xỉa gì nữa đến phần tay đạo tặc này đã dính vào trong vụ bắt cóc chàng.   
"Ngài thề danh dự với tôi chứ?"   
"Thề? Dào ôi! Ta thề danh dự với lão ngay lập tức. Ta thề rằng lão sẽ được trả đủ số tiền ta đã nói khi lão đã đưa ta lên đất Anh. Thế đã đủ với lão chưa? Bây giờ hãy cắt dây trói cho ta, và chúng ta sẽ chấm dứt tình trạng hiện tại của ta càng nhanh càng tốt."   
"Quả thực tôi rất lấy làm hân hạnh được phục vụ những người biết điều như ngài! Ngài thật là sáng suốt. Ngài đã thấy được tất cả những gì tôi làm chẳng qua chỉ là theo lệnh, tôi chỉ là một công cụ không hơn không kém, và tất cả sự trách cứ nên dành cho những kẻ đã thuê tôi làm chuyện đồi bại này."   
"À phải, lão chỉ là một công cụ - một công cụ bẩn thỉu, loá mắt vì vàng; không hơn. Ta sẵn sàng đồng ý với lão về điểm này. Nhân danh Chúa, hãy cắt dây trói cho ta đi chứ! Ta phát chán cứ bị trói gô lại như một con vật thế này lắm rồi đây."   
Lão thuyền trưởng rút dao ra, đi tới bên cạnh Sir Oliver và lặng lẽ cắt dây trói cho chàng. Sir Oliver đứng vụt dậy đột ngột đến mức chàng cộc đầu đau điếng vào trần của khoang tàu, và thế là lại loạng choạng ngồi thụp xuống. Và đúng lúc ấy từ phía ngoài vọng lại tiếng kêu gào khiến lão thuyền trưởng phải lao vội tới cửa khoang tàu. Lão mở tung cửa, và lập tức khói thuốc lá thoát ra khỏi khoang tàu ngột ngạt để đổi lấy ánh sáng mặt trời tràn vào trong. Lão lao vội đến boong lái, và Sir Oliver - tự cho rằng lúc này chàng đã được tự do làm theo ý mình trên tàu - cũng theo sau lão.   
Phía dưới, bên mạn tàu, một đám thuỷ thủ đang xúm xít lại nhìn ra phía ngoài khơi; trên boong mũi cũng có một đám tương tự, cả đám này đều nhìn chăm chú về phía trước, hướng đất liền. Lúc đó họ đang ở ngoài khơi mũi Roca, và khi thuyền trưởng Leigh nhận thấy họ đã đi sát vào bờ hơn như thế nào kể từ lúc lão cầm lái con tàu lần cuối cùng, lão không tiếc hơi văng tục ầm ĩ chửi rủa tay thuỷ thủ cầm lái. Phía trước họ, thẳng hướng mũi tàu, và cũng thẳng hàng với cửa vịnh Tagus, một chiếc tàu lớn với những cột buồm cao đang tiến lại phía họ từ phía trong vịnh - nơi nó hiển nhiên đã nằm mai phục đợi một chiếc tàu như của họ đi qua - chiếc tàu này đang giương hết buồm theo gió thuận lướt tới rất nhanh.   
Chiếc Chim Én lúc này đã hư hại nhiều, buồm đỉnh và buồm mũi đã bị rách, và nó chẳng thể tiến nhanh hơn một hải lý trong cùng thời gian chiếc tàu Tây Ban Nha đi được năm hải lý - đây là một chiếc tàu Tây Ban Nha thì chẳng còn gì phải nghi ngờ nếu tính đến bờ biển từ đó nó vừa xuất hiện.   
"Đánh hết lái!" lão thuyền trưởng gào lên, rồi nhảy bổ đến bên bánh lái, đẩy gã thuỷ thủ sang bên bằng một cú cùi chỏ mạnh đến mức suýt nữa khiến gã lăn nhào xuống sàn boong.   
"Thì chính thuyền trưởng đã ra lệnh giữ hướng như thế," gã cự lại.   
"Đồ ngu," lão thuyền trưởng rống lên, " tao bảo mày giữ nguyên khoảng cách với bờ biển. Nếu bờ biển nhô ra , chẳng lẽ chúng ta cứ tiếp tục dông thẳng cho đến khi đâm sầm vào bờ hả?" Lão đánh tay lái thật lực, đưa con tàu quay xuôi theo hướng gió. Rồi sau đó lão trao lại bánh lái cho gã thuỷ thủ. "Cứ giữ như thế, lão dặn, rồi vừa ra lệnh lão vừa đi dọc tàu để đốc thúc việc thi hành mệnh lệnh của lão. Một đám thuỷ thủ chạy tới thang dây để thực hiện mệnh lệnh của lão, và leo lên cao xúm lại căng lá buồm đỉnh ra; số khác cũng làm vậy với buồm lái, và chẳng mấy chốc con tàu đã căng hết buồm lao thẳng ra ngoài khơi.   
Từ trên boong lái Sir Oliver quan sát chiếc tàu Tây Ban Nha. Chàng thấy nó bẻ lái chệch đi chừng một độ, đi thẳng tới để đón đầu họ, và chàng cũng nhận thấy cho dù việc đổi hướng đã giúp chiếc Chim Én vào gần hướng gió hơn, nhưng chiếc tàu Tây Ban Nha, dù chỉ căng nửa số buồm so với chiếc tàu cướp biển của Leigh, vẫn tiếp tục tiến lại gần nó hơn.   
Lão thuyền trưởng quay lại boong lái, đứng đó cau có nhìn đối phương áp sát dần, tự nguyền rủa mình đã đâm đầu vào bẫy ngu ngốc như vậy, và nguyền rủa gã thuỷ thủ cầm lái còn dữ dội hơn.   
Sir Oliver trong lúc đó lướt mắt nhìn qua tất cả vũ khí của chiếc Chim Én có thể thấy được, đồng thời tự hỏi liệu còn bao nhiêu vũ khí được bố trí ở dưới boong chính. Chàng lên tiếng hỏi lão thuyền trưởng về chuyện này với giọng bình thản như thể chàng chỉ là một người hoàn toàn bàng quan, không quan tâm gì đến tình thế hiện tại của bản thân ở trên tàu.   
"Liệu tôi có phải xuôi theo gió bỏ chạy trước bọn chúng như vậy nếu tôi được trang bị đầy đủ?" Leigh gầm gừ. "Liệu tôi có phải hạng người chạy tháo thân trước bọn Tây Ban Nha? Tôi chỉ muốn lôi nó ra xa bờ thôi."   
Sir Oliver hiểu, và im lặng không nói gì thêm. Chàng nhận thấy gã thuỷ thủ trưởng cùng bọn thủ hạ ở boong giữa đang hối hả còng người xuống khuân từng bó gươm cong và các thứ binh khí cận chiến khác đến xếp thành hàng quanh cột buồm chính. Sau đó đến lượt tay pháo thủ, một gã to con da cháy nắng, đầu quấn một chiếc khăn bạc phếch, vội vàng lao tới boong giữa, nhảy qua đám thủy thủ đến khẩu pháo bằng đồng, theo sau là hai tay trợ thủ.   
Thuyền trưởng Leigh gọi gã thuỷ thủ trưởng đến, ra lệnh cho hắn cầm lái, rồi sai gã thuyền phó lên phía boong trước, nơi một khẩu pháo khác cũng đang chuẩn bị tham chiến.   
Sau đó là một hồi đuổi bắt, chiếc tàu Tây Ban Nha không ngừng thu hẹp khoảng cách với đối thủ, bờ biển dần dần lùi lại phía sau cho tới khi chỉ còn là một dải lờ mờ nhô lên khỏi mặt biển nhấp nhô. Bất thình lình từ phía chiếc tàu Tây Ban Nha bùng lên một đám khói trắng nhỏ, rồi tiếng đại bác nổ rền tiếp theo, cuối cùng là một cột nước vọt lên cao trước mũi chiếc Chim Én.Bùi nhùi trong tay, gã pháo thủ đen trũi dưới boong giữa đứng sẵn sàng bắn trả khi có lệnh. Từ phía dưới, một trợ thủ của gã chạy lên để thông báo với thuyền trưởng bọn họ đã sẵn sàng ở dưới boong giữa và đang đợi lệnh.   
Chiếc tàu Tây Ban Nha lại nổ súng, một lần nữa đường đạn bay ngang trước mũi chiếc Chim Én.   
"Hẳn là lệnh bắt dừng tàu lại," Sir Oliver lên tiếng.   
Lão thuyền trưởng gầm gừ dưới bộ râu rậm rạp. " Nó có tầm pháo xa hơn bình thường so với các tàu Tây Ban Nha khác," lão nói. "Nhưng tôi sẽ không phí thuốc súng chỉ vì vậy. Chúng ta không có dư thuốc súng để phí phạm."   
Lão chưa dứt lời thì phát đại bác thứ ba nổ rền. Có tiếng gãy đổ răng rắc vang lên phía trên đầu họ, kéo theo là tiếng vật gì nặng rơi trong không khí rồi một tiếng động lớn khô khốc khi cột buồm chính đổ sập xuống boong tàu đè chết hai tên thuỷ thủ. Có vẻ trận chiến đã thực sự bắt đầu, nhưng thuyền trưởng Leigh vẫn không hề hấp tấp vội vàng.   
"Dừng lại!" Lão rống lên quát tay pháo thủ lúc đó đang cầm bùi nhùi chuẩn bị bắn trả.   
Chiếc tàu bị mất cột buồm chính khựng lại, và chiếc tàu Tây Ban Nha đang nhanh chóng lướt tới gần. Cuối cùng lão thuyền trưởng cũng ước chừng nó đã tới đủ gần , và ra lệnh bắn kèm một câu chửi thề. Thế là Chim Én bắn phát súng đầu tiên và cũng là cuối cùng của nó trong cuộc giao chiến ngắn ngủi. Sau tiếng súng nổ đinh tai nhức óc, khi đám khói đã tan đi, Sir Oliver nhìn thấy thành boong trước cao lừng lững của chiếc tàu Tây Ban Nha đã thủng một lỗ toang hoác.   
Thuyền trưởng Leigh cáu bẳn nguyền rủa tay pháo thủ vì đã ngắm quá cao. Sau đó lão ra lệnh cho tay thuyền phó khai hoả khẩu súng mà lão đã giao cho y phụ trách. Phát đạn thứ hai sẽ là hiệu lệnh cho một loạt pháo mạn bắn ra từ dưới khoang. Nhưng bọn Tây Ban Nha đã nhanh tay hơn lão. Thuyền trưởng của Chim Én chỉ vừa kịp giơ tay làm hiệu thì cả bên mạn chiếc tàu Tây Ban Nha đồng loạt khạc lửa.   
Chiếc Chim Én chấn động dưới loạt đạn dữ dội, lấy lại thăng bằng được trong giây lát rồi bắt đầu nghiêng dần về bên mạn trái.   
"Chết tiệt!" Leigh gào lên. "Nó bị tràn nước rồi!" còn Sir Oliver thấy chiếc tàu Tây Ban Nha dừng bắn, có vẻ như đã hài lòng với những gì nó đã gây ra cho đối thủ. Khẩu súng của gã thuyền phó đã không bao giờ lên tiếng, cũng như loạt pháo mạn từ bên dưới. Thay vào đó cú đòn bất ngờ đã làm tất cả nòng pháo trên tàu lúc này đều chĩa xuống biển; chỉ sau ba phút tất cả đã chạm mặt nước. Chim Én đã bị tử thương, và bắt đầu chìm dần.   
Hoàn toàn hài lòng rằng đối phương đã trở nên vô hại, chiếc tàu Tây Ban Nha dừng lại, chờ đợi kết cục tất yếu sẽ phải xảy ra và sẵn sàng vớt lên càng nhiều càng tốt nô lệ để trang bị cho những chiếc galley của Đức Hoàng Thượng Công Giáo trên Địa Trung Hải.   
Thế là số phận mà Lionel muốn dành cho Sir Oliver đã trở thành hiện thực; và cả thuyền trưởng Leigh cũng sẽ được chia sẻ số phận đó, một điều hoàn toàn nằm ngoài dự liệu của lão.

Rafael Sabatini

Chim Ó Biển (The Seahawk)

Phần 2: Sakh el-Bahr

P2 - Chương 1

Tù binh

Sakh-el-Bahr, Chim Ó Biển, nỗi ám ảnh trên Ðịa Trung Hải và sự kinh hoàng của nước Tây Ban Nha Công giáo, nằm sấp người trên ðỉnh mỏm ðá cao của mũi Spartel.   
Phía trên gã, dọc vách ðá, chạy dài thành những dải xanh sẫm là các hàng cây cam của Araish - khu vườn nổi tiếng trong thần thoại của các Hesperide, nõi có những quả táo vàng. Khoảng một dặm về phía ðông lưa thưa một khu trại của người Bedouin nằm giữa vùng ðồng cỏ màu mỡ xanh mướt xa hút tầm mắt về hướng Ceuta. Gần hõn, ngồi trên một tảng ðá xám trõ trụi, một gã da nâu vạm vỡ, quấn một vòng thừng bằng lông lạc ðà trên chiếc sọ cạo nhẵn nhụi, ðều ðều rít tẩu thuốc làm phát ra những âm thanh buồn bã khó chịu. Từ ðâu ðó trên vòm trời xanh ngắt phía trên vẳng xuống tiếng một chú chim hoạ mi ðang vui vẻ cao giọng hót, phía bên dưới là tấm thảm xanh mịn nhý lụa của mặt biển lặng sóng.   
Sakh-el-Bahr nằm sấp trên một chiếc áo choàng bằng len lông lạc ðà trải giữa ðám dương xỉ và cây bụi tốt um, ngay bên rìa của một vách ðá mà gã vừa leo lên. Hai bên gã ngồi xếp bằng hai gã da ðen miền Nam, cả hai ðều cởi trần chỉ ðóng một chiéc khố màu trắng, thân hình lực lưỡng của chúng bóng lên như gỗ mun dưới ánh nắng gay gắt của trung tuần tháng Năm. Mỗi tên cầm một chiếc quạt thô kệch làm bằng lá cọ khô. Nhiệm vụ của chúng là phe phẩy chiếc quạt này trên ðầu chủ nhân ðể làm dịu bớt cái nóng và cũng ðể xua bớt ruồi.   
Sakh-el-Bahr ðang ở tuổi thanh niên sung sức nhất, một người mạnh mẽ, với thân mình cường tráng của Hercules và chân tay hứa hẹn một sức mạnh của người khổng lồ. Khuôn mặt với chiếc mũi diều hâu ðược viền quanh bởi bộ râu quai nón của gã có nýớc da rám nắng, càng ðược làm nổi bật lên bởi chiếc turban trắng như tuyết ðội trên ðầu. Ðôi mắt gã, ngược lại, sáng lạ lùng. Gã mặc bên ngoài chiếc áo chẽn ngắn màu trắng một chiếc áo khoác dài màu lục may bằng một thứ lụa rất nhẹ, các gấu áo ðều ðược thêu hoạ tiết bằng vàng; chiếc quần ống rộng chỉ ngắn tới gối, ðôi chân vạm vỡ rám nắng của gã ðể trần từ gối xuống, ði một ðôi hài Moore mũi cong bằng da màu huyết dụ. Gã chỉ mang theo ngýời một con dao nặng có cán trang trí cầu kỳ cài vào thắt lưng da làm vũ khí hộ thân duy nhất.   
Cách gã chừng một hai sải tay về bên trái là một gã nữa cũng ðang nằm sấp, hai khuỷu tay chống xuống ðất, hai bàn tay khum lại phía trên lông mày ðể khỏi bị nắng làm chói, nhìn đăm đăm ra phía biển. Cả gã này cũng là một tay cao lớn hộ pháp, và mỗi khi gã cử ðộng lại có những tia nắng phản chiếu loé lên chiếc áo giáp bằng mạng sắt và chiếc mũ trụ gã ðội dýới turban. Bên cạnh gã ðặt một cây scimitar lưỡi cong to ngoại khổ ðể trong bao da màu nâu trang trí ðầy họa tiết. Gã có khuôn mặt ðẹp trai, ðể râu quai nón, nhưng nước da thì sẫm hơn nhiều người ðồng hành của gã, và da hai mu bàn tay của gã gần như có màu ðen.   
Sakh-el-Bahr không để ý nhiều đến gã này. Nằm sấp, gã nhìn xuống sườn dốc mọc ðầy cây bần và những gốc sồi quanh nãm xanh tốt; lác ðác ðôi chỗ loáng thoáng màu vàng của một cụm hoa ðang nở; xa xa bên một sườn ðá dốc nổi bật lên một ðám xương rồng xanh với những bông hoa màu tím. Phía dýới gã là một khoảng biển chầm chậm ðổi màu từ lục sẫm sang gần như trong suốt theo từng ðợt sóng. Xa hơn một chút, sau một bức bình phong thiên nhiên bằng ðá, hai chiếc galley khổng lồ có cột buồm, mỗi chiếc có năm mươi mái chèo, cùng một chiếc galliot ba mươi mái chèo ðang khẽ bập bềnh trên mặt nước, những hàng mái chèo dài màu vàng chĩa ra gần như song song với mặt nước từ hai bên sườn mỗi chiếc tàu trông xa giống như ðôi cánh của những con chim khổng lồ. Không khó khăn gì cũng có thể ðoán ra chúng ðang ở ðây ðể trốn tránh hay phục kích. Bay lượn phía trên những chiếc tàu là một ðàn mòng biển ồn ào.   
Sakh-el-Bahr nhìn ra ngoài khơi, dọc theo eo biển về hướng Tarifa và bờ biển châu Âu phía xa chỉ có thể lờ mờ nhận ra ðược trong bầu không khí mùa hè ẩm ướt. Nhưng cái nhìn của gã không hướng xa tới tận chân trời; nó chỉ dừng lại ở một chiếc tàu buồm trắng tuyệt ðẹp ðang ði qua eo biển cách ðó chừng bốn dặm. Một làn gió nhẹ ðang thổi từ hướng ðông tới, và chiếc tàu ðang giương hết buồm ra ðể ðón ðược càng nhiều càng tốt. Nó tiến lại mỗi lúc một gần, và chắc hẳn trong lúc này thuyền trưởng của nó ðang chăm chú quan sát bờ biển châu Phi thù ðịch ðể phát hiện bóng dáng những tên cướp biển liều lĩnh có thể ðe doạ nó cũng như tấn công bất cứ chiếc tàu Thiên Chúa giáo nào mạo hiểm phiêu lưu quá gần bờ. Sakh-el-Bahr mỉm cười nghĩ thầm rằng khó ai có thể ngờ ðược sự hiện diện của những chiếc galley của gã ở ðây, và bở biển châu Phi ngập nắng hẳn phải hiện lên hoàn toàn vô hại trong con mắt của tay thuyền trưởng ðang xăm xoi qua kính viễn vọng. Và từ vị trí của mình trên cao, như một con chim ó mà người ta ðã mượn tên ðặt biệt danh cho gã lượn lờ trên trời ðể rồi bất thần bổ nhào xuống con mồi, gã quan sát chiếc tàu buồm trắng và đợi cho đến khi nó đến đúng tầm tấn công.   
Một doi đất nhô ra về phía đông đã tạo ra một dải chắn gió nhô ra khỏi bờ chừng một dặm. Dưới con mắt quan sát tinh tường, vùng lặng gió này có thể phân biệt ðược từ một ðiểm nơi những con sóng nhẹ hình lưỡi liềm do gió thổi tạo ra ngừng lại và mặt biển phẳng lặng hơn. Chỉ cần con tàu nọ tiếp tục hướng về phía nam theo lộ trình hiện tại, nó sẽ bị chậm lại, và ðó là cơ hội của bọn cướp. Hoàn toàn không ngờ ðến hiểm hoạ chết người ðang chờ ðón, chiếc tàu tiếp tục thẳng tiến cho tới khi chỉ còn cách doi đất chừng nửa dặm.   
Gã cướp biển mặc áo giáp bằng mạng sắt vùng dậy ðầy kích ðộng; gã vung chân ðạp lên trời rồi lăn tròn sang phía Sakh-el-Bahr, luôn luôn bình thản chăm chú quan sát.   
"Nó sẽ tới! Nó sẽ tới!" gã kêu lên bằng thứ tiếng lingua franca ðặc trưng của vùng duyên hải bắc phi.   
"Tạ ơn Allah!" câu trả lời vang lên ngắn gọn- "nếu Người muốn."   
Một sự im lặng cãng thẳng bao trùm cả hai khi chiếc tàu tiến mỗi lúc một gần, mỗi làn gió ðẩy nó chồm lên mặt sóng hai gã lại nhìn thấy bụng tàu sơn trắng nhô lên bên dưới mạn tàu sơn ðen. Sakh-el-Bahr nheo mắt lại, tập trung nhìn vào lá cờ hình vuông trên cột buồm chính của chiếc tàu. Gã không chỉ nhận ra ðược phần nền màu ðỏ và vàng, mà cả phù hiệu hình lâu ðài và con sư tử.   
"Một chiếc tàu Tây Ban Nha, Biskaine," gã reo lên nói với tay phó tướng. " Ðược lắm. Tạ ơn Ðấng duy nhất!"   
"Liệu nó có mạo hiểm lại gần không?" Gã kia băn khoăn.   
"Yên tâm ði, nó sẽ lại gần," câu trả lời hoàn toàn tự tin. "Nó không nghi ngờ bất cứ nguy hiểm nào, và cũng chẳng mấy khi những chiếc galley của chúng ta lại có mặt xa đến vậy về phía tây. Kìa, nó ðang ðến với tất cả bộ dạng Tây Ban Nha kiêu ngạo."   
Đúng lúc gã lên tiếng chiếc tàu ði tới vùng lặng gió. Chiếc tàu vượt qua ranh giới, vì vẫn còn vài làn gió nhẹ thổi theo hướng ði của nó, hẳn nhiên với ý định tận dụng hết sức gió khi đi về hướng nam.   
"Bây giờ!" Biskaine kêu lên- Gã ðược ðặt biệt danh là Biskaine -el-Borak vì tính nhanh nhảu bốc đồng mỗi khi xung trận. Gã run lên vì sốt ruột, như một con chó săn ðang chờ ðược thả dây.   
"Chưa," câu trả lời chừng mực, bình thản. " Nó ðến gần bờ chừng nào sẽ khó thoát chừng ấy. Vẫn còn ðủ thời gian ðể nổi hiệu tấn công. Nước, Abiad," gã ra lệnh cho một trong hai tên da ðen, mà gã đã ðặt tên một cách diễu cợt là "người Trắng".   
Tên nô lệ quay sang bên cạnh, gạt ðám dương xỉ ra với lấy một chiếc vò ðất nung màu ðỏ; hắn ta tháo chiếc nút lá cọ ra và rót nước vào một cái cốc. Sakh-el-Bahr uống thong thả, ðôi mắt không rời một khắc chiếc tàu lúc này ðã hiện ra rõ mồn một qua làn không khí trong suốt. Lúc này ðã có thể trông thấy người ði lại trên boong tàu, và một người trực canh trên ðỉnh cột buồm trước. Chiếc tàu chỉ còn cách chừng nửa dặm thì bắt đầu chững lại.   
Sakh-el-Bahr ðứng bật dậy lập tức, vẫy một chiếc khăn màu lục. Từ một trong hai chiếc galley nấp sau dải ðá một hồi kèn hiệu vang lên lập tức trả lời tín hiệu của gã; theo sau là tiếng roi da rít lên trong không khí, và tiếng mái chèo cọt kẹt chuyển ðộng ðập nước trong khi hai chiếc galley lao ra khỏi nơi mai phục. Mũi tàu bịt sắt của chúng ðã ðông ðặc bọn cướp biển ðội turban, vũ khí loé sáng dưới anh mặt trời; ít nhất chừng một tá ðã trèo lên giằng ngang của mỗi cột buồmn, tất cả ðều cầm cung tên, và hai bên mạn của hai chiếc galley ðen ðặc những người ðã đứng đầy ở ðó như châu chấu, sẵn sàng nhảy xổ vào con mồi.   
Cuộc tấn công bất ngờ làm ðám Tây Ban Nha cuống cuồng. Cảnh hỗn loạn lập tức diễn ra trên boong tàu, tiếng kèn thổi, tiếng hò hét, tiếng bước chân vội vã của đám thuỷ thủ quýnh quáng chạy tới vị trí theo lệnh của viên thuyền trưởng bất cẩn. Trong cơn hoảng loạn chiếc tàu gần như bị để mặc cho tiếp tục đi tới, và những khoảnh khắc quý báu đã bị bỏ phí trong khi nó dừng sững lại dập dềnh, các lá buồm chùng xuống. Trong cơn hối hả tuyệt vọng, viên thuyền trưởng cố gắng đánh lái tàu ngược lại hướng gió, tin rằng chạy cắt gió như vậy sẽ giúp tàu của ông ta có ðược cơ hội tốt nhất để thoát ra khỏi chiếc bẫy sắp ụp xuống đầu. Thế nhưng ở nơi lặng gió đó, sức gió không đủ để giúp cố gắng này thành công. Hai chiếc galley lao thẳng góc tới đúng hướng chiếc tàu Tây Ban Nha đang di chuyển, những chiếc mái chèo dài ào ào khua nước, đám quản nô không tiếc sức vung roi để thúc giục nô lệ chèo thuyền gắng hết khả năng cơ bắp của họ.   
Sakh-el-Bahr quan sát thấy tất cả cảnh này trong lúc gã nhanh nhẹn lao xuống khỏi ðài quan sát đã giúp ích không nhỏ cho gã, theo sau là Biskaine và hai tên da đen. Gã lao xuống dốc, hết lao từ một cây sồi đỏ đến một cây bần, rồi lại lướt từ một gốc bần đến một cây sồi khác, gã nhảy từ tảng đá này sang tảng đá khác, tụt từ triền dốc nọ xuống triền dốc kia, hai bàn tay quơ đầy hai nắm đất đá lẫn cành lá cây bị dứt đứt, nhưng luôn luôn với tốc độ và sự nhanh nhẹn dẻo dai của một con výợn. Cuối cùng gã cũng xuống ðược tới bãi biển, chạy dọc qua bãi, trèo lên một dải đá đen lao tiếp đi cho tới khi đến bên chiếc galliot đã ðược để lại phía sau. Chiếc tàu đợi gã cách bờ đá một khoảng bằng xấp xỉ chiều dài mái chèo của nó, và khi gã vừa tới nơi các mái chèo này lập tức ðược nâng lên theo phương nằm ngang và giữ vững ở vị trí này. Gã nhảy xuống mái chèo, những người đi cùng theo sau, sử dụng chúng như cầu ván để leo lên tàu. Gã trèo qua thành tàu, và đặt chân lên khoảng boong tàu nằm giữa hai chiếc mái chèo và sáu người nô lệ ngồi thành hai hàng để điều khiển những mái chèo này. Biskaine theo sau gã, cuối cùng là bọn da đen. Họ vẫn còn đứng bên mạn tàu khi Sakh-el-Bahr ra lệnh khởi hành. Lập tức gã thuỷ thủ trưởng và hai phụ tá của gã chạy xuống boong giữa, vung những chiếc roi gân bò lên. Những chiếc mái chèo bắt đầu đập nước, và chiếc tàu lao ra khơi nhập bọn với hai chiếc kia trong trận chiến.   
Sakh-el-Bahr, scimitar cầm tay, ðứng trên mũi tàu, phía trước đám cýớp biển đang hăng hái, sốt ruột muốn ðược nhảy xổ vào đám kẻ thù Thiên chúa giáo. Trên đầu chúng, trên các thanh giằng ngang của cột buồm ngồi đầy đám cung thủ. Trên đỉnh cột buồm phấp phới lá cờ của gã cướp biển, màu đỏ bầm với hình trăng lưỡi liềm màu xanh lục.   
Đám nô lệ Thiên chúa giáo trần như nhộng, rên rỉ, thở hổn hển, mồ hôi nhễ nhại, oằn người ra dưới làn roi Hồi giáo để giúp chúng huỷ diệt những người anh em Thiên chúa giáo của họ.   
Phía trước trận chiến đã bắt đầu. Đám Tây Ban Nha đã kịp bắn ra một phát đại bác vội vã duy nhất đi trượt đích, và lúc này một chiếc móc bám bằng sắt của bọn cýớp biển đã bám chặt vào mạn của nó, một trận mưa tên từ trên giằng buồm của chiếc tàu Hồi giáo trút xuống boong, cùng lúc hàng đám cướp biển người Moore lúc nhúc hăng hái trèo lên mạn chiếc tàu Tây Ban Nha, bọn này càng hăng hái hơn lúc nào hết khi có dịp trả hận ðàn chó Tây Ban Nha đã đuổi chúng khỏi vương quốc của chúng ở Andalusia. Hướng tới phía chiếc tàu bị mắc bẫy là chiếc galley thứ hai, chuẩn bị áp mạn đối phương ở phía đối diện, trong lúc đám cung thủ và lính lăng đá của nó trút chết chóc lên đầu đối phương.   
Đó là một trận chiến ngắn ngủi và ác liệt. Đám Tây Ban Nha, bối rối ngay từ đầu, đã bị bất ngờ hoàn toàn, và đã không thể nào có khả năng chống trả một cách có tổ chức cuộc tấn công. Tuy thế, họ đã làm tất cả những gì có thể. Họ đã chống cự một cách kiên cường trước kẻ thù không biết thương hại. Nhưng bọn cướp biển cũng can đảm không kém, không hề run sợ trước cái chết, sẵn sàng giết chóc nhân danh Allah và Đấng tiên tri, và cũng sẵn sàng không kém nhận lấy cái chết nếu đấng Nhân từ muốn ngày tận số của chúng đến. Chúng xông lên phía trước, và đám người Castille lùi dần, bị áp đảo ít nhất ở thế một người chống lại mười.   
Khi chiếc galliot của Sakh-el-Bahr tới nơi, cuộc giao chiến ngắn ngủi đã chấm dứt, và một tên trong đám hải tặc của gã trèo lên cột buồm, giật lá cờ Tây Ban Nha và cây thánh giá gỗ đóng trên cột buồm chính xuống. Một khoảnh khắc sau đó trong một tràng hô vang như sấm dậy : ‘Alhamdollilah !’ vầng trăng lưỡi liềm màu lục đã tung bay trong gió.   
Sakh-el-Bahr mở một con ðường tiến qua boong chiếc galleon ; đám hải tặc tránh sang hai bên nhường ðường cho gã, và trong khi gã tiến tới chúng hò reo hô lớn tên gã một cách cuồng nhiệt, vung cao những thanh scimitar lên tung hô gã là con chim ó của biển cả, như biệt danh của gã, là chiến sĩ can trường nhất của Islam. Đúng là gã đã không trực tiếp tham chiến. Cuộc giao tranh đã quá ngắn và gã đã tới nơi quá chậm. Nhưng chính gã đã có sự táo bạo để tổ chức mai phục tại một nơi nằm xa về phía tây đến thế, gã chính là bộ óc dẫn dắt chúng tới chiến thắng dễ dàng nhân danh Allah đấng duy nhất.   
Sàn boong trơn nhẫy máu, ngổn ngang xác chết và những người tử thương đang hấp hối mà bọn hải tặc Hồi giáo đã bắt đầu khiêng vứt qua mạn – xác chết hay những người vẫn còn sống cũng vậy, khi đó là người Thiên chúa giáo, vì chúng cần gì những nô lệ vô dụng ?   
Bị dồn lại quanh cột buồm chính là những người Tây Ban Nha còn sống sót, bị tước vũ khí, tinh thần hoàn toàn suy sụp, một bầy cừu run rẩy khiếp hãi.   
Sakh-el-Bahr bước tới trước, đôi mắt sáng của gã nhìn họ lạnh lùng. Có khoảng chừng một trăm người, những kẻ phiêu lưu đã lên ðường từ Cadiz với hy vọng tìm kiếm vận may ở Tân Thế Giới. Cuộc hành trình của họ đã kết thúc quá chóng vánh ; họ biết số phận đang chờ đợi mình - điều khiển các mái chèo trên những chiếc galley Hồi giáo, hay, may mắn hơn, bị mang tới Algiers hay Tunis bán làm nô lệ cho một người Moore giàu có nào đó.   
Sakh-el-Bahr nhìn lướt nhanh qua đám ngýời, cái nhìn của gã dừng lại ở viên thuyền trưởng, lúc này đang đứng hơi tách ra về phía trước, khuôn mặt đỏ bầm vì căm giận và cay đắng. Viên thuyền trưởng ăn bận sang trọng với bộ đồ màu đen kiểu Castille, đôi một chiếc mũ nhung có cắm ngù lông và gắn một cây thánh giá bằng vàng.   
Sakh-el-Bahr chào ông ta kiểu cách. « Vận may chiến tranh, thưa ngài thuyền trưởng,” gã nói bằng một thứ tiếng Tây Ban Nha trôi chảy. « Xin ngài cho biết quý danh ? »   
« Ta là Don Paulo de Guzman, » viên thuyền trưởng trả lời, đứng thẳng người kiêu hãnh, và nói với giọng của một người tự hào một cách có ý thức về bản thân và không dấu sự khinh bỉ dành cho kẻ đối thoại.   
« Ðược ! Một nhà quý tộc ! Và ðược nuôi dưỡng đầy đủ, khoẻ khoắn, như tôi có thể thấy. Tại chợ Algiers ngài có thể bán ðược với giá hai trăm philip. Ngài có thể chuộc mình với giá năm trăm. »   
« Por las Entranas de Dios ! » Don Paulo bật rủa câu rủa ưa thích của mình, như tất cả những người xứ Castille mộ đạo khác. Ông ta còn đang định thêm thắt gì nữa để diễn tả chu đáo hơn cơn giận dữ của mình thì chẳng ai biết ðược, vì Sakh-el-Bahr đã khinh khỉnh phẩy tay ra lệnh điệu ông ta đi.   
« Vì lời lẽ báng bổ và thái độ bất lịch sự, chúng ta sẽ nâng tiền chuộc lên một nghìn đồng philip, » gã nói. Rồi ra lệnh cho thủ hạ - « Ðưa hắn ta đi ! Cư xử với hắn ta ðàng hoàng trong khi đợi tiền chuộc. »   
Viên thuyền trưởng vừa lớn tiếng nguyền rủa vừa bị lôi tuột đi.   
Với những người còn lại Sakh-el-Bahr chẳng lôi thôi mất thì giờ lâu. Gã để những ai có khả năng ðược trả tiền chuộc mình, và có ba người chấp nhận ân huệ này. Số còn lại gã giao cho Biskaine , người đang giữ chức Kayia, hay phó tướng, của gã, trông coi. Nhưng trước đó gã đã hỏi thuỷ thủ trưởng của con tàu xấu số xem trên tàu có nô lệ hay không. Gã ðược biết trên tàu chỉ có chừng một tá nô lệ, ðược dùng làm các việc vặt - gồm ba ngýời Do Thái, bảy ngýời Hồi giáo, và hai kẻ mắc tội dị giáo- tất cả đã bị tống xuống hầm tàu khi chiếc tàu bị tấn công.   
Sakh-el-Bahr ra lệnh ðưa những người này ra khỏi hầm tàu tối tăm. Những nô lệ Hồi giáo khi biết họ đang nằm trong tay người mình và kiếp nô lệ của họ đã chấm dứt, liền mừng rỡ hò reo, rồi cuồng nhiệt tạ ơn Allah, tới tấp thề nguyện rằng họ chỉ thừa nhận đấng duy nhất. Ba người Do Thái, đều là những người ðàn ông trẻ nhanh nhẹn, rám nắng mặc áo dài đen buông đến gối và đội một chiếc mũ đen trên mái tóc xoăn, mỉm cười nhẹ nhõm, hy vọng mình đã gặp may khi rơi vào tay những người ít nhất thì cũng gần gũi hơn với họ nếu so với người Thiên chúa giáo, cùng chung mối hận với nước Tây Ban Nha, cùng chung những nỗi đắng cay phải chịu đựng từ tay người Tây Ban Nha. Hai người mắc tội dị giáo đứng ủ rũ, hiểu rõ rằng đối với họ mọi sự cũng chỉ thay đổi từ hang hùm sang đầm sấu, và những kẻ như họ chẳng có gì nhiều để hy vọng, cho dù từ tay người Hồi giáo hay người Thiên chúa giáo. Một trong hai người là một gã vạm vỡ chân vòng kiềng, y phục trên người cũng chả khá hơn là mấy so với một mớ rẻ rách ; khuôn mặt dãi dầu sương gió của gã nhuộm màu đồng hun đen sạm, đôi mắt gã màu xanh sẫm nằm dưới đôi lông mày chổi sể trước kia màu đỏ giống như mái tóc và bộ râu của gã, nhưng lúc này đã chen đầy sợi bạc. Hai tay gã chi chít những đốm sẫm màu như da báo.   
Trong đám nô lệ, gã là kẻ duy nhất thu hút sự chú ý của Sakh-el-Bahr. Gã đứng ủ ê trước mặt tên cướp biển, đầu cúi gằm , mắt nhìn dán xuống sàn tàu, một tên nô lệ vô hồn, thờ ơ trước mọi sự, không ra sống cũng không ra chết. Tay cướp biển Hồi giáo đứng lặng yên nhìn gã hồi lâu ; rồi sau đó như bị sai khiến bởi cái nhìn chằm chặp của y, gã nô lệ từ từ ngước đôi mắt đờ đẫn lên. Ngay lập tức đôi mắt của gã trở nên linh động khác thường, vẻ lờ đờ biến mất hẳn ; chúng lại trở nên tinh anh như trước đây. Gã nô lệ hơi cúi đầu về phía trước, đến lượt mình gã trố mắt ra nhìn không chớp ; rồi với vẻ kinh ngạc gã quay đầu nhìn đám đông cướp biển đội turban đứng đông đặc xung quanh, cuối cùng cái nhìn của gã lại quay trở lại Sakh-el-Bahr.   
« Có đức chúa khai sáng ! » cuối cùng gã thốt lên kinh ngạc bằng tiếng Anh. Rồi chuyển sang vẻ cam chịu,   
« Chúc ngài một ngày tốt lành, Sir Oliver, » gã nói tiếp. « Tôi nghĩ ngài sẽ cho mình thú vui ðược treo cổ tôi lên. »   
« Allah thật vĩ đại ! » Sakh-el-Bahr bình thản đáp.

Rafael Sabatini

Chim Ó Biển (The Seahawk)

Phần 2: Sakh el-Bahr

P2 - Chương 2

Kẻ cải đạo

Làm thế nào Sakh-el-Bahr, Chim Ó Biển, tên cướp biển Hồi giáo, nỗi ám ảnh của Ðịa trung Hải, nỗi kinh hoàng của ngýời Thiên chúa giáo, thủ hạ tin cẩn của Asad-ed-Din, Basha của Algiers, lại chẳng phải ai khác mà chính là Sir Oliver Tressilian, nhà quý tộc vùng Cornwall, chủ nhân của Penarow, đã ðược kể ra khá là chi tiết tường tận trong bản thảo của Lord Henry Goade. Quý ngài đã dành hẳn ra hai trong số mười tám tập bản thảo ngài ðể lại cho hậu thế ðể thuật lại chi tiết quá trình biến chuyển lạ lùng này. Thế nhưng tất cả câu chuyện có thể ðược gói gọn lại trong một chương sách.   
Sir Oliver nằm trong số chừng hai chục người ðược thuỷ thủ ðoàn chiếc tàu Tây Ban Nha ðã đánh chìm chiếc Chim Én vớt lên; trong số này có cả thuyền trưởng Jasper Leigh. Tất cả bị ðưa về Lisbon, và tại ðây bị bàn giao lại cho Tôn giáo pháp ðình. Bởi hầu như tất cả số này ðều là những kẻ dị giáo, cũng là hoàn toàn phù hợp khi trước hết họ ðược giao cho các huynh ðệ của dòng tu St Dominic để khai sáng cải đạo. Sir Oliver vốn xuất thân từ một gia đình chưa bao giờ có tiếng nghiêm túc trong vấn ðề tôn giáo, và chàng cũng chẳng phải loại người chịu ðể bị thiêu sống trong khi chỉ cần chấp nhận quan niệm của những người khác về một trạng thái viển vông nào đó của tương lai là có thể giúp chàng tránh ðược giàn hoả. Chàng chịu làm lễ rửa tội theo nghi lễ Công giáo một cách hoàn toàn dửng dưng. Còn về Jasper Leigh, cũng có thể ðoán ra là quan niệm về ðức tin của lão cũng dễ dãi phóng khoáng chẳng kém gì Sir Oliver, và lão chẳng ðời nào lại ðể mình bị thui vàng chỉ vì vài điều giáo lý không đâu.   
Thế là cả Toà án giáo hội tràn ngập vui mừng khi cứu rỗi ðýợc hai linh hồn không may khỏi những sự trừng phạt ðang chờ ðón họ. Kết quả là sau khi ðã ðược dẫn dắt theo tôn giáo mới, cả hai đã ðược chào ðón một cách nồng nhiệt, và những dòng nước mắt ðầy cảm ðộng ðã ðổ ra như suối bởi các quan toà vì họ. Thế là xong tội dị giáo. Hai người ðã hoàn toàn ðược rũ bỏ khỏi tội lỗi này sau khi ðã làm lễ sám hối một cách đúng nghi thức tại Lisbon. Giáo hội từ biệt họ với lời chúc phúc và căn dặn họ giữ vững niềm tin vào con ðường giải thoát mà Nhà thờ ðã dẫn dắt họ vào với lòng nhân ái vô biên.   
Ðến lúc này thì sự từ biệt có vẻ chuyển ngay thành sự chối bỏ. Hậu quả là cả hai người lại quay trở lại nằm trong tay các nhà chức trách thế tục, và công lý thế tục còn phải trừng phạt họ về vụ tấn công trên biển. Đã ðành là chẳng có bằng chứng nào cho thấy họ gây hấn cả. Thế nhưng các quan toà ðã tự thoả mãn với lý lẽ rằng không có gây hấn chẳng qua là do họ chưa có cơ hội. Cứ như thế, các ngài tiếp tục lý luận rằng không nghi ngờ gì cơ hội cho một vụ tấn công ăn cướp chẳng chóng thì chầy thế nào cũng tới. Bằng chứng ðể bảo ðảm cho suy luận này là việc chiếc Chim Én vẫn tiếp tục bỏ chạy khi ðã bị bắn cảnh cáo ra lệnh dừng lại. Cứ như thế, với lối suy luận kiểu Castille chắc chắn chặt chẽ không cãi vào ðâu ðược, ý định mờ ám của tay thuyền trưởng chiếc tàu này ðã rõ như ban ngày.   
Thuyền trưởng Leigh phản ðối rằng hành ðộng của lão là do lão không tin vào người Tây Ban Nha và niềm tin rằng tất cả tàu Tây Ban Nha ðều là những chiếc tàu cướp biển mà bất cứ người ði biển lương thiện nào biết ðược thế yếu về vũ khí của mình cũng cố tránh bằng mọi giá. Ðương nhiên kiểu lý luận này chẳng hề làm ðám quan toà thiển cận kia có cảm tình hơn với lão.   
Sir Oliver thì hùng hồn lặp ði lặp lại rằng chàng không phải là thành viên trong thuỷ thủ ðoàn của chiếc Chim Én, và chàng là một nhà quý tộc đã tình cờ bị bức bách ðưa lên chiếc tàu này, nạn nhân của một âm mưu phản trắc do chính lão thuyền trưởng chủ mưu. Toà án ðã nghe lời giải thích của chàng một cách tôn trọng, và yêu cầu ðược biết tên tuổi tước vị của chàng. Ðến ðây chàng ðã tỏ ra hớ hênh ðến mức trả lời ðúng sự thật. Kết quả nhận ðược là một bài học hết sức hữu ích cho Sir Oliver; nó cho chàng thấy các tài liệu Tây Ban Nha ðược lưu trữ có hệ thống ra sao. Toà án ðưa ra các tài liệu cho phép chánh án nhắc lại cho chàng nhớ hầu hết phần ðời lênh ðênh trên biển của chàng, cũng như vô số chi tiết nhỏ nhặt ðáng phàn nàn chính chàng cũng ðã quên khuấy từ lâu lúc này chàng mới lại chợt nhớ ra, mà toàn là những việc chắc chắn sẽ chẳng làm cho bản án của chàng nhẹ ði.   
Chẳng phải bị cáo đã có mặt ở Barbados vào nãm ..., và có phải bị cáo ðã ðánh cướp chiếc galleon Maria de las Dolores? Chuyện này là gì nếu không phải là một hành ðộng cướp biển? Có phải chính bị cáo bốn nãm trước ðây ðã đánh chìm một chiếc carack Tây Ban Nha ở vịnh Funchal? Có phải bị cáo đã cùng tên hải tặc Hawkin nhúng tay vào cuộc cướp phá San Juan de Ulloa? Vân vân và vân vân. Cả núi câu hỏi trút xuống làm chàng tối tăm mặt mày.   
Chàng hầu như hối hận vì đã nhọc công chịu cải ðạo cũng như chịu đựng tất cả những thủ tục lôi thôi dưới tay ðám tu sĩ dòng St Dominic. Chàng bắt ðầu nhận ra chàng ðã chỉ phí thời gian, và cố gắng thoát khỏi ðống củi của ðám thầy tu chỉ ðể ðổi lấy việc ðược ðu ðưa trên ðầu một sợi thừng như vật hy sinh cho các vị thánh ðầy thù hằn của nước Tây Ban Nha tàn bạo.   
Tuy nhiên sự tình không ðến nước ấy. Vào thời gian ðó những chiếc galley ở Ðịa Trung Hải ðang rất thiếu người, và do hoàn cảnh này Sir Oliver, thuyền trýởng Leigh và một số người khác trong thuỷ thủ ðoàn xấu số của chiếc Chim Én ðã giữ ðược mạng sống, cho dù cũng còn phải xem xem liệu có ai trong số họ có thể thấy chuyện thoát tử tội là ðáng tự chúc mừng hay không. Bị xích thành từng ðôi ở chân bằng một ðoạn xích ngắn, họ ra nhập vào một ðoàn lữ hành ðông ðảo của những kẻ bất hạnh bị giải ði dọc Bồ Ðào Nha tới Tây Ban Nha, sau ðó quành xuống phía nam tới Cadiz. Lần cuối cùng Sir Oliver nhìn thấy thuyền trưởng Leigh là vào buổi sáng họ lên ðường rời khỏi nhà ngục Lisbon. Sau ðó, trong suốt cuộc hành trình khổ ải, mỗi người ðều biết người kia cũng ðang ở ðâu ðó trong ðoàn nô lệ chèo thuyền, nhưng họ không bao giờ gặp lại nhau nữa.   
Tới Cadiz Sir Oliver trải qua một tháng trời trong một khu tập trung có tường bao bọc nằm lộ thiên, nhưng ngay cả như vậy vẫn bẩn thỉu ðến mức không thể miêu tả ðýợc, một nơi ðầy rẫy bệnh tật, rác rưởi, cùng tất cả nỗi thống khổ vượt quá sức tưởng tượng của con người, những chi tiết về nó các bạn ðọc tò mò có thể tự tìm cho mình trong bản thảo của Lord Henry. Chúng quá ghê tởm để có thể ghi rõ ra đây.   
Vào cuối tháng ðó, chàng là một trong những người ðược lựa chọn bởi một sĩ quan ðang tìm người cho một chiếc galley có nhiệm vụ chở công chúa tới Naples. Chàng ðược chọn do cơ thể cường tráng ðã chịu ðựng ðược tất cả sự giày vò của nõi ðịa ngục trần gian ðó, cũng như nhờ vào cơ bắp rắn rỏi mà gã sĩ quan xem xét săm soi như thể gã đang đi chọn súc vật thồ hàng – mà nói cho thật thà thì quả cũng đúng là việc gã đang làm.   
Chiếc galley mà nhà quý tộc của chúng ta ðược vinh hạnh phục vụ là một chiếc tàu năm mươi mái chèo, mỗi mái chèo do bảy người điều khiển. Họ ðược xếp ngồi theo một dạng cầu thang chạy theo độ dốc của mái chèo, chạy dọc từ giữa boong tàu dốc xuống dưới khoang.   
Sir Oliver ðược xếp vào chỗ ở sát mặt boong nhất. Tại đây, trần như nhộng tựa lúc mới chào đời, chàng bị xiềng vào chỗ ngồi, và chúng tôi xin ðược nói luôn là chàng đã phải ngồi ở đó liên tục sáu tháng liền không ngắt quãng.   
Giữa cơ thể chàng với tấm ván ngồi cứng ðơ chỉ cách nhau một tấm da cừu mỏng tang bẩn thỉu. Tấm ván ngồi chỉ dài chừng mười bộ, và cũng chỉ cách những tấm ván sát cạnh có bốn bộ. Trong khoảng không gian chật chội dài mười bộ rộng bốn bộ đó, Sir Oliver và sáu người bạn chèo trải qua toàn bộ cuộc sống khốn khổ của họ - họ ngủ ngồi trong khi bị xích tại chỗ, không có đủ cả chỗ để duỗi thẳng chân.   
Dần dần sau đó Sir Oliver trở nên cứng rắn và trơ lì với kiểu tồn tại không thể tả lại bằng lời này, cuộc sống mà thực chất là cái chết dần mòn của những nô lệ chèo thuyền. Nhýng chuyến đi đầu tiên dài dằng dặc tới Naples sẽ luôn là kinh nghiệm ghê sợ nhất chàng phải trải qua trong suốt đời mình. Trong suốt sáu hay tám tiếng đồng hồ liên tục, thậm chí có một lần tới mười giờ liền, chàng phải gồng người lên đẩy mái chèo không ngõi tay. Một chân dẫm lên sàn, một chân đạp vào băng ghế phía trước mặt, nắm lấy phần thuộc về chàng của chiếc mái chèo ghê sợ nặng nề dài đến mười lăm bộ, chàng phải cúi lưng về phía trước và nhô người lên để tránh chạm phải vai của các nô lệ đầm đìa mồ hôi đang rên rỉ trước mặt, sau đó chàng phải nhấc cán chiếc mái chèo lên để phần bơi chèo ðược ấn chìm xuống nước, rồi nắm chặt lấy nó, chàng phải nhổm người lên khỏi chỗ ngồi dùng cả sức nặng của cõ thể mình kéo chiếc mái chèo trở lại, ngả người lại phía sau trong tiếng kêu loảng xoảng của xiềng sắt và tiếng cọt kẹt của tấm ván gỗ để rồi lại cúi người về phía trước một lần nữa, và cứ tiếp tục như vậy cho tới khi mọi cảm giác của chàng đều đã tê dại, mắt hoa lên, miệng khô cháy, cả thân thể trở thành một khối đau nhức nhối. Rồi tiếp theo là làn roi bỏng rát của đám cai để cố vắt nốt chút sức lực cho dù ít ỏi còn lại trong người các nô lệ chèo thuyền, đôi khi để lại trên tấm lưng trần của chàng những lằn roi rớm máu.   
Cứ như thế ngày lại ngày, lúc bị hun đến khô người đi dưới cái nắng phương nam thiêu đốt, lúc lạnh run lên từng cơn trong những ðêm lộng gió trong khi chàng trải qua những giây phút nghỉ ngơi, mệt rã rời, người ngợm bẩn thỉu đến mức không thể tưởng tượng nổi, râu tóc bết lại vì mồ hôi, không hề ðược tắm rửa ngoại trừ nhờ những cơn mưa vốn quá hiếm hoi vào thời gian này trong năm, chàng gần như choáng váng trước tình cảnh ghê rợn của những ngườì khốn khổ cùng chung cảnh ngộ, cả người chàng nhung nhúc những vật ký sinh bẩn thỉu chui ra từ tấm da cừu mục nát cùng vô vàn những thứ kinh tởm khác đầy rẫy trong cái địa ngục nổi này. Chàng ðược nuôi ăn không đủ no bằng bánh khô mốc meo và thứ gạo mục nấu qua loa, còn về đồ uống chàng luôn ðược thưởng thức thứ nước đục ngầu thường xuyên nặng muì, trừ những khi nhịp chèo gấp gáp hơn nhiều so với bình thường buộc đám cai phải đút vào miệng những nô lệ chèo thuyền vài khoanh bánh mì nhúng vào rượu vang để giúp họ hồi sức.   
Bệnh scorbut bùng phát trong chuyến ði ðó, và còn có nhiều bệnh tật khác lan rộng trong đám nô lệ, ấy là chưa kể tới điều kiện bẩn thỉu thiếu vệ sinh của những băng ghế chèo thuyền mà tất cả nô lệ đều ðược chia phần, và về khoản này thì mỗi người ðành gồng mình đem hết sức bình sinh ra chịu đựng. Với những nô lệ bị nhiễm bệnh hay những người, đã vượt quá ngưỡng chịu đựng của bản thân, tự cho phép mình ðược xỉu đi bên mái chèo, bọn quản nô chẳng để mất nhiều công sức. Những người ốm bị quẳng xuống biển, những người xỉu đi bị lôi lên boong và đánh bằng roi cho đến khi hồi tỉnh lại ; nếu không tỉnh dậy họ sẽ tiếp tục bị nện roi cho đến khi biến thành một khối khủng khiếp nhầy nhụa máu me, rồi sau đó bị hất xuống nước.   
Một hay hai lần khi họ đi theo chiều gió mùi khó chịu từ đám nô lệ bay tới khu phòng sang trọng dành cho công chúa và các tuỳ nữ, lập tức mệnh lệnh ðược ban ra phải chỉnh hướng, thế là hàng giờ liền đám nô lệ phải nai lưng ra giữ chiếc galley chếch luồng gió.   
Số nô lệ bị chết trong tuần đầu tiên của chuyến đi chiếm đến gần một phần tư tổng số nô lệ chèo thuyền. Tuy nhiên luôn có nô lệ dự trữ nhốt dưới khoang, và số này bị điệu lên bù vào những chỗ trống. Chỉ có những người thích hợp nhất mới sống sót nổi cực hình khủng khiếp này.   
Trong số những ngưòi như vậy có Sir Oliver, và cả người bạn chèo ngồi ngay cạnh chàng, một thanh niên người Moor rám nắng, vạm vỡ, bình thản, không bao giờ ca thán, người này chấp nhận số phận của mình một cách kiên cường đến mức Sir Oliver phải thầm khâm phục. Suốt một thời gian dài, hai người không nói với nhau một lời, bởi cả hai đều nghĩ tôn giáo của họ đã biến họ thành kẻ thù cho dù lúc này hai ngýời đang là bạn đồng hành trong cảnh không may. Thế rồi vào một buổi tối, một người Do Thái già xỉu đi bên mái chèo bị lôi lên boong để « đánh thức » dậy theo cách thông thường, Sir Oliver, tình cờ trông thấy gã tu sĩ mặc áo choàng đỏ đi tháp tùng công chúa đang nhìn xuống từ boong lái với đôi mắt tàn nhẫn không chút từ tâm, đã bùng lên phẫn nộ trước cảnh tượng vô nhân đạo cũng như thái độ lạnh lùng không chút động lòng của kẻ vẫn tự xưng là tôi tớ của đấng cứu rỗi nhân từ và bao dung, đến mức chàng lớn tiếng nguyền rủa tất cả những người Thiên chúa giáo nói chung, và đặc biệt là ông hoàng áo đỏ nọ của nhà thờ.   
Chàng quay sang gã người Moor bên cạnh, nói với gã bằng tiếng Tây Ban Nha-   
« Địa ngục, » chàng nói, « hiển nhiên là dành cho ngýời Thiên chúa giáo, có lẽ chính vì thế mà họ luôn kiếm cách biến thế giới này thành địa ngục. »   
May cho chàng là tiếng ðộng do mái chèo gây ra, tiếng xiềng sắt va đập loảng xoảng, và tiếng roi đập khô khốc xuống thân hình người Do Thái khốn khổ cũng đủ lớn để át tiếng chàng đi. Nhưng tay người Moor đã nghe thấy, và đôi mắt sẫm màu của y sáng lên.   
« Có một hoả ngục bảy lần hun nóng đang chờ đợi chúng, hỡi người anh em, » gã lên tiếng, với cùng sự tự tin đã giúp gã có được sự bình thản hiện tại. « Nhưng chẳng lẽ người anh em không phải là người Thiên chúa giáo sao ? »   
Gã người Moor nói bằng thứ ngôn ngữ lạ lùng của vùng duyên hải Bắc Phi, nghe giống như một số thổ âm Pháp có đá lẫn những từ Arab. Nhưng Sir Oliver, gần như bằng linh cảm, đã đoán ra gã muốn nói gì. Chàng liền trả lời, vẫn bằng tiếng Tây Ban Nha, vì cho dù tay người Moor không nói bằng thứ tiếng này song rõ ràng là gã hiểu được nó.   
« Tôi chối bỏ nó từ giờ phút này, » chàng đáp trong cơn phẫn uất. « Tôi thừa nhận rằng không có tôn giáo nào mà nhân danh nó người ta lại làm những việc như vậy . Hãy thử nhìn đứa con của địa ngục mặc áo đỏ đang đứng trên kia xem. Hãy xem y đang kiêu kỳ hít bột thơm của y để tránh cho lỗ mũi thánh thiện của y khỏi bị xúc phạm bởi thứ mùi toả ra từ những kẻ khốn khổ như chúng ta. Dù thế chúng ta cũng là những tạo vật được của Chúa được tạo ra theo đúng hình dáng của Người. Y biết những gì về Chúa ? Y biết về tôn giáo cũng nhiều như về rượu vang hảo hạng, về thức ăn ngon, về đàn bà đẹp. Y rao giảng rằng tiết hạnh là con đường dẫn tới thiên đường, và bằng chính cách sống của mình y đã tự kết án y. » Chàng bật ra một lời rủa trong khi đẩy chiếc mái chèo khổng lồ về phía trước. « Tôi, một người Thiên chúa giáo ư ? » chàng kêu lên rồi phá ra cười lần đầu tiên kể từ khi chàng bị xiềng vào băng ghế nhục hình đó. « Tôi đã đoạn tuyệt với người Thiên chúa giáo và chính Thiên chúa giáo nữa ! »   
« Hẳn nhiên chúng ta thuộc về Thượng đế, và chúng ta sẽ quay trở lại với Người , » gã Moor đáp.   
Đó là sự khởi đầu cho tình bạn giữa Sir Oliver và người Moor trẻ tuổi có tên Yusuf ben Moktar. Anh này tin rằng Sir Oliver là một người đã được ân phước của Allah khai sáng, môộtngười dã được lựa chọn để đón nhận thông điệp của đấng tiên tri. Yusuf là một người sùng đạo, và bắt đầu thuyết phục người bạn nô lệ của mình cải đạo. Tuy vậy Sir Oliver lắng nghe anh này với thái độ khá dửng dưng. Đã đoạn tuyệt với một đức tin, chàng cần phải thấy thực sự hài lòng với giáo lý của một đức tin khác trước khi chấp nhận nó, mà với chàng dường như tất cả những thứ vinh quang Yusuf không ngớt đưa ra ca tụng Hồi giáo chàng cũng đều đã được nghe sử dụng trước đây để ca tụng Thiên chúa giáo. Nhưng chàng giữ ý nghĩ này lại cho riêng mình, trong lúc đó những cuộc nói chuyện với Yusuf đã giúp chàng học lingua franca, kết quả là tới cuối tháng thứ sáu chàng nhận thấy mình đã có thể sử dụng nó như một người Mauretania với đầy đủ cách nói đầy hình ảnh của người Hồi giáo, cũng như cách lý luận thông thường của tiếng Arab.   
Chính vào cuối tháng thứ sáu của cuộc đời nô lệ đó đã xảy ra biến cố giúp Sir Oliver lấy lại được tự do. Cho đến thời điểm đó, cơ bắp vốn đã mạnh mẽ hơn rất nhiều so với người thường của chàng đã có được sức mạnh của một người khổng lồ. Với những chiếc mái chèo mọi chuyện luôn diễn ra như vậy. Hoặc là anh sẽ gục chết vì kiệt sức, hoặc là anh sẽ trở nên mạnh mẽ dẻo dai tương xứng với công việc nặng nhọc. Sir Oliver trong sáu tháng này đã trở thành một người sắt thép, trơ lỳ trước mệt nhọc, với sức chịu đựng vượt quá giới hạn thông thường của con người.   
Chiếc tàu của họ đang quay về sau một chuyến đi tới Genoa khi vào một buổi tối, trong lúc nó đang ở ngoài khơi Minorca ở quần đảo Balearic thì họ bị tấn công bởi một hải đội gồm bốn chiếc galley Hồi giáo bất thần vòng qua một doi đất nhô ra biển để chặn đầu và bao vây họ.   
Trên chiếc tàu Tây Ban Nha vang lên những tiếng kêu kinh hoàng « Asad ed Din »- tên của tay cướp biển Hồi giáo đáng sợ nhất kể từ sau gã cải đạo người Ý Ochiali – cũng chính là tên Ali Pasha đã bỏ mạng ở Lepanto. Kèn hiệu và trống tập hợp vang lên trên tàu, và những người Tây Ban NHa, đội mũ sắt, mặc áo giáp, được vũ trang bằng súng và kích, chuẩn bị sẵn sàng để chiến đấu bảo vệ mạng sống và sự tự do của bản thân. Các pháo thủ lao tới các cỗ pháo. Nhưng mồi lửa cần phải nhóm và bùi nhùi được thắp, trong khi nhiều thời gian quý báu đã bị lãng phí trong cơn hỗn loạn - đến mức không phát đại bác nào kịp bắn ra trước khi những móc bám bằng sắt ngoạm chặt vào mạn chiếc tàu Tây Ban Nha. Chấn động gây ra khi hai chiếc tàu va vào nhau thật khủng khiếp. Mũi tàu bọc sắt của chiếc galley Hồi giáo – chính là chiếc tàu của Asad ed Din – đâm xiên vào giữa thân chiếc tàu Tây Ban Nha làm mười lăm chiếc mái chèo gãy tan tành.   
Từ đám nô lệ chèo thuyền vang lên một tiếng thét lớn kinh hoàng, sau đó là những tràng kêu rên thê thảm như của những kẻ chịu khổ hình dưới địa ngục. Bốn mươi nô lệ đã bị cán những chiếc mái chèo đập trở lại vào người. Một số chết ngay lập tức, một số bị đè bẹp nằm sóng sượt, vài người bị gãy sống lưng, số khác với tứ chi và xương sườn dập nát.   
Sir Oliver chắc chắn đã nằm trong số này nếu không có sự cảnh báo, lời khuyên và ví dụ của Yusuf, người đã quá quen thuộc với các trận giao chiến giữa những chiếc galley và lường trước được chuyện sẽ xảy ra. Anh này đẩy chiếc mái chèo về phía trước và lên trên cao nhất có thể được, buộc những người cùng mái chèo phải làm tương tự. Sau đó anh ta quỳ gối, bỏ tay ra khỏi mái chèo và phủ phục xuống cho đến khi hai vai chỉ còn nằm ngang với băng ghế. Anh ta hô lớn bảo Sir Oliver làm theo mình, và Sir Oliver, không biết làm như vậy để làm gì, nhưng hiểu được sự nghieê trọng qua giọng nói của người bạn , lập tức làm theo. Chỉ một lát sau chiếc mái chèo bị quẹt phải và trước khi gãy đôi nó dội ngược trở lại, đập vỡ óc một người nô lệ ngồi cùng băng ghế, làm tử thương những người còn lại, nhưng lướt qua ngay trên đầu Sir Oliver và Yusuf. Chỉ một khoảnh khắc sau thân hình của những người chèo thuyền ngay phía trước họ bị hất văng trở lại qua đầu hai người trong những tiếng kêu gào chửi rủa.   
Khi Sir Oliver đứng dậy chàng thấy trận đánh đã bắt đầu. Những người Tây Ban Nha đã phát hoả một loạt đạn từ súng hoả mai của họ, boong tàu mờ mịt khói thuốc súng ; nhưng từ sau làn khói xuất hiện bọn cướp biển, dẫn đầu bởi một người cao dong dỏng đã có tuổi với bộ râu trắng bay phất phơ và khuôn mặt diều hâu rám nắng. Một hình trăng lưỡi liềm bằng ngọc lục bảo sáng lấp lánh trên chiếc turban trắng của ông ta, từ trong chiếc turban nhô lên đỉnh của chiếc mũ sắt, còn cả người tay cướp biển được phủ mạng sắt. Ông ta cầm một thanh scimitar lớn, trước lưỡi gươm của ông những người Tây Ban Nha ngã gục như thân lúa mì dưới lưỡi hái. Người này giao chiến với sức mạnh của mười người, và để trợ chiến cho y ào ào kéo theo như thác lũ những chiến bình Hồi giáo không ngớt hô lớn « Din !Din ! Allah, Y Allah ! » Quân Tây Ban Nha lùi dần trước cuộc tấn công không gì cản nổi.   
Sir Oliver thấy Yusuf đang vật lộn một cách vô hiệu để thoát ra khỏi sợi xích của anh ta, và lao tới giúp một tay. Chàng cúi xuống, nắm sợi xích bằng cả hai tay, chân tỳ vào băng ghế, dồn hết sức mạnh và kéo bật được đinh móc ra khỏi ván gỗ. Yusuf đã tự do, tất nhiên nếu không kể tới đoạn xích lòng thòng vẫn còn đeo vào vòng xiềng ở khoeo chân anh ta. Đến lượt mình, anh này lại giúp Sir Oliver tự giải thoát, tuy không được nhanh như chàng đã làm, vì cho dù là người vạm vỡ, hoặc anh này không có được sức mạnh của chàng trai người Cornwall, hoặc vòng móc xích của chàng được đóng vào chỗ gỗ chắc hơn. Tuy vậy, cuối cùng nó cũng bung ra, và Sir Oliver cũng thoát khỏi xiềng xích. Sau đó chàng gác chân bị xích lên băng ghế, với chiếc móc vẫn còn gắn vào đầu sợi xích, chàng bẻ mở mắt xích gắn vào khoeo chân chàng.   
Xong việc, chàng bắt đầu chuyện báo thù. Hét lớn « Din ! » như tất cả đám Hồi giáo vừa áp mạn, chàng nhảy bổ vào phía sau đám Tây Ban NHa, vung tít sợi xích trên tay. Trong tay chàng nó đã trở thành một thứ vũ khí khủng khiếp. Chàng vung nó quật hết sang phải rồi sang trái, hết nện toác đầu một gã này rồi phang vỡ mặt một kẻ khác, cho đến khi chàng đã mở được một con đường xuyên qua đám Tây Ban Nha, những người này bất ngờ truớc cú tập hậu đã gần như không làm gì để giáng trả lại tay nô lệ chèo thuyền đào tẩu. Sau lưng chàng đến lượt Yusuf, tay cầm đoạn cán mái chèo gãy dài gần chục bộ.   
Sau này Sir Oliver thú nhận chàng hầu như không biết những gì đã xảy ra lúc đó. Chàng trở lại làm chủ được bản thân để nhận ra trận chiến đã kết thúc, và một đám đông cướp biển đội turban đang đứng bao vây đám Tây Ban Nha còn sống sót, trong khi những kẻ khác mở khoang tàu và lôi những chiếc rương chất trong đó ra, một số khác mang theo búa và đục đi dọc theo các băng ghế để giải thoát các nô lệ còn sống sót, trong đó phần lớn là những đứa con của Hồi giáo.   
Sir Oliver nhận ra mình đang đứng đối mặt với người đàn ông râu bạc chỉ huy toán cướp biển, lúc này đang đứng chống tay lên cán cây scimitar của mình nhìn chàng với ánh mắt vừa thú vị vừa tò mò. Thân hình trần trụi của chàng quý tộc của chúng ta nhuộm đỏ máu suốt từ đầu đến chân, và bàn tay phải của chàng vẫn còn cầm đoạn xích sắt dài một sải tay chàng đã dùng để gây ra cả một cuộc tàn sát. Yusuf đang đứng cạnh viên thủ lĩnh cướp biển nói rất nhanh.   
« Có Allah chứng giám, đã có ai từng thấy một chiến sĩ mạnh mẽ như thế ! » viên thủ lĩnh thốt lên. « sức mạnh của đấng Tiên tri đã nhập vào anh ta để tiêu diệt lũ lợn tà đạo. »   
Sir Oliver cau mặt một cách hung bạo.   
« Tôi đã trả lại chúng những vết roi quất – và còn có lãi nữa, » chàng nói.   
Và trong hoàn cảnh như vậy chàng đã làm quen với Asad ed Din lừng danh, Basha của Algiers, và đó là những lời đầu tiên hai người đã nói với nhau.   
Sau đó, khi đã ở trên chính chiếc galley của Asad đưa chàng tới Barbary, chàng được tắm rửa, mái tóc được cạo nhẵn trừ một chỏm để đấng Tiên tri nắm lấy nhấc chàng lên thiên đường khi định mệnh trần thế của chàng đã hoàn thành. Chàng chẳng hề phản đối. Bọn họ tắm rửa, cho chàng ăn uống nghỉ ngơi, và vì bọn họ đã cư xử với chàng như vậy, cứ để mặc họ muốn làm gì tuỳ thích. Cuối cùng, được mặc một bộ đồ thùng thình hoàn toàn lạ lẫm với mình, đầu đội một chiếc turban, chàng được dẫn đến boong lái, nơi Asad đang ngồi cùng Yusuf dưới một chiếc lọng, và chàng hiểu ra rằng nhờ có sự can thiệp của Yusuf mà chàng đã được đối xử như thể chàng đã là tín đồ Hồi giáo.   
Yusuf ben Moktar hoá ra là một nhân vật quan trọng, là cháu của Asad ed Din, cũng là một sủng thần của chính đấng thống lĩnh các tín đồ của Allah, và việc anh này bị người Thiên chúa giáo bắt đã bị coi là một tổn thất lớn lao. Cũng như thế, việc anh ta được thoát khỏi kiếp tù đày cũng được coi là một tin mừng lớn. Được giải thoát, anh ta nhớ tới người bạn chèo thuyền và chính Asad ed Din cũng bắt đầu tò mò chú ý đến, vì trên thế gian này không có gì làm tay cướp biển già ưa thích hơn một chiến binh can trường, và ông ta đã thừa nhận rằng suốt đời mình ông chưa hề thấy ai sánh được với gã nô lệ chèo thuyền lực lưỡng, cũng chưa hề nhìn thấy việc gì tương tự như gã đã làm với sợi xích chết người. Yusuf đã cho ông biết rằng người đàn ông này đã được đấng tiên tri lựa chọn, rằng an phước của Allah đã khai sáng người này, và về phần hồn đã có thể coi đây là một tín đồ Hồi giáo chân chính.   
Khi Sir Oliver, đã được tắm rửa, xức dầu thơm, bận một chiếc áo caftan và đội turban đều màu trắng khiến chàng có vẻ còn cao hơn thực tế, được đưa   
tới trình diện Asad ed Din, chàng được cho biết rằng nếu chàng chấp nhận đứng vào hàng ngũ những người trung thành với đấng tiên tri và cống hiến sức mạnh và sự can đảm mà Allah đấng duy nhất đã trao cho chàng để nêu cao chân giáo và diệt trừ kẻ thù của Hồi giáo, chàng sẽ có được chức tước, giàu sang và danh tiếng.   
Từ tất cả lời đề nghị này, được trình bày một cách màu mè và dài dòng văn tự theo đúng kiểu vòng vo của người phương Đông, chỉ có mỗi một câu đọng lại trong trí óc vẫn còn đang rối bời của chàng, đó là câu nói đến chuyện diêệttrừ kẻ thù của Hồi giáo. Kẻ thù của Hồi giáo, như chàng nhận thấy, cũng là kẻ thù của chính chàng, và chàng còn đi xa hơn khi tin rằng những kẻ này đúng là đáng bị diệt trừ càng sớm càng tốt, và góp một tay vào thực hiện nó có vẻ là một nghĩa vụ. Rồi chàng cân nhắc lời đề nghị được đưa ra dành cho chàng. Chàng cũng suy tính tới một khả năng thứ hai - nếu chàng từ chối chấp nhận cải đạo như được yêu cầu – là chàng sẽ phải quay trở lại làm bạn với mái chèo của một chiếc galley, lần này là một chiếc galley Hồi giáo. Tới lúc này thì đó là một thú vui mà chàng đã nếm quá đủ, và kể từ lúc chàng được tắm rửa và quay tở lại trạng thái thông thường của một người sạch sẽ, chàng nhận ra rằng cho dù chàng có can đảm đến đâu đi nữa cũng không đủ để khiến chàng chịu quay lại cầm mái chèo lần nữa. Chúng ta đã thấy chàng dễ dàng từ bỏ tôn giáo đã được nuôi dạy từ nhỏ ra sao để chấp nhận theo Công giáo Roma, và chàng sau đó đã thấy mình lỗ vốn lớn ra làm sao. Và cũng thoải mái y như vậy, lần này chàng lại chấp nhận chuyển sang đạo Hồi, và được hưởng lợi lớn hơn nhiều. Hơn nữa, chàng đã chấp nhận tín ngưỡng của Mohamet với một mức độ quả quyết kiên định không hề có ở lần cải đạo trước đó.   
Trong thời gian ở trên chiếc galley Tây Ban Nha, như chúng ta đã thấy, chàng đã đi tới kết luận rằng Thiên chúa giáo vào thời của chàng là một trò hề bỉ ổi tốt hơn cần loại bỏ khỏi thế giới này. Cũng không nên cho rằng niềm tin Thiên chúa giáo sai lầm dẫn chàng đi xa tới mức khiến chàng coi Hồi giáo là đúng, hay chuyện cải đạo của chàng sang Hồi giáo là cái gì đó hơn là vẻ bề ngoài. Nhưng trong hoàn cảnh bị ép phải lựa chọn giữa băng ghế chèo thuyền và chỗ ngồi trên boong lái, giữa mái chèo và thanh scimitar, chàng đã cả quyết chọn lấy con đường duy nhất dẫn tới sự sống và tự do trong hoàn cảnh của chàng.   
Vậy là chàng được đón nhận vào hàng ngũ những tín đồ sẽ được đón nhận lên thiên đường, với vườn cây không bao giờ hết trái ngọt, nằm giữa những dòng sông sữa, rượu vang và mật ong. Chàng trở thành Kâyi hay phó tướng cho Yusuf trên chiếc galley do gã cướp biển này chỉ huy, làm trợ thủ cho gã trong chừng chục cuộc hải chiến với năng lực và sự quả cảm khiến chàng nhanh chóng nổi danh trong hàng ngũ cướp biển Địa Trung Hải. Chừng saú tháng sau, trong một trận đánh ngoài khơi Sicily với một trong những chiếc galley của các hiệp sĩ Malta, Yusuf bị tử thương đúng vào giây phút chiến thắng. Gã chết một giờ sau trong tay Sir Oliver, cử chàng thay gã chỉ huy chiếc galley, và có quyền buộc tất cả phải phục tùng cho đến khi quay trở về Algiers và Basha có quyết định chính thức về thuyền trưởng mới.   
Quyết định của Basha cũng khẳng định lại sự chỉ định của người cháu , và Sir Oliver trở thành chỉ huy của một chiếc galley. Từ đó trở đi chàng trở thành Oliver Reis, nhưng chẳng bao lâu sau chiến công và lòng can đảm của chàng đã khiến chàng có biệt danh là Sakh el-Bahr, chim Ó biển. Tiếng tăm của chàng nổi lên nhanh chóng, lan theo mặt biển tới tận bên bờ Thiên chúa giáo. Rất nhanh chóng, chàng trở thành phó tướng của Asad, chỉ huy phó của tất cả galley tại Algiers, cũng có nghĩa trên thực tế chàng là tổng chỉ huy, vì Asad ngày càng già đi và ngày càng ít đi biển hơn. Sakh el-Bahr ra khơi dưới danh nghĩa của gã, và lòng can đảm, sự khôn ngoan và vận may đã khiến chàng không bao giờ ra khơi mà phải quay về tay trắng.   
Đối với mọi người thì rõ ràng chàng đã được Allah phù trợ, đã được Allah lựa chọn cho vinh quang của Hồi giáo. Asad, người luôn đánh giá cao chàng, dần dần trở nên quý mến chàng. Là một người cực kỳ sùng đạo, gã làm sao có thể làm ít hơn với người mà đấng bao dung đấng độ lượng đã sủng ái đến vậy ? Và mọi người đều ngầm chấp nhận rằng khi số mệnh của Asad ed Din chấm dứt, Sakh el-Bahr se kế thừa chức Basha của Algiers, và như vậy Oliver Reis sẽ nối gót Barbarossa, Ochiali cũng những kẻ thiên chúa giáo cải đạo khác đã trở thành những ông hoàng cướp biển Hồi giáo.   
Bất chấp vài sự thù địch do sự thăng tiến nhanh chóng của chàng gây ra, mà về những sự thù địch này chúng ta sẽ sớm được nghe nói tới nhiều hơn, chỉ có một lần quyền lực của chàng rơi vào nguy cơ bị chững lại. Vào một buổi sáng, khoảng sáu tháng sau khi lên chức thuyền trưởng, khi chàng đi tới chợ nô lệ của Algiers, chàng tìm thấy ở đó chừng hai chục người đồng hương, và chàng ra lệnh tháo xiềng lập tức và trả lại tự do cho những người này.   
Bị Basha triệu tới chất vấn về việc này, chàng đã đánh bài liều vì không còn cách nào khác. Chàng thề trên chòm râu của đấng tiên tri rằng nếu chàng mang thanh gươm của Mohamet đi phụng sự Hồi giáo trên biển cả, chàng muốn được phụng sự theo cách của mình, và một trong những nguyên tắc chàng đề ra là những người đồng hương của chàng sẽ không bị thanh gươm đó động đến. Chàng thề là Hồi giáo sẽ không phải chịu thiệt thòi, vì với mỗi người Anh chàng trả lại tự do, chàng sẽ mang hai người Tây Ban Nha, Pháp, Hy Lạp hay Ý vào vòng xiềng xích.   
Chàng thắng cuộc, nhưng chỉ với một điều kiện : vì các nô lệ bắt được là tài sản của nhà nước, nếu chàng muốn lấy lại những người này, trước hết chàng cần mua những nô lệ này làm tài sản riêng. Sau đó, vì những người này là tài sản của chàng chàng muốn làm gì họ tuỳ ý. Như vậy Asad công minh và khéo léo đã phân xử xong rắc rối, và Oliver Reis cũng khôn ngoan không kém chấp nhận phán quyết này.   
Từ đó về sau, tất cả nô lệ người Anh bị mang tới Algiers chàng đều mua lại, chăm lo tử tế và tìm cách đưa họ về nhà. Đúng là việc này làm chàng tốn kém không ít hàng năm, nhưng chàng cũng nhanh chóng không kém thu được những gia tài khổng lồ cho phép chàng thoải mái chịu đựng phí tổn nói trên.   
Khi bạn đọc cuốn sách của Lord Henry Goade, rất có thể bạn đi tới kết luận rằng trong cảnh giàu sang phú quý của cuộc đời mới Sir Oliver đã lãng quên hoàn toàn những gì xảy ra tại quê hương Cornwall của chàng cũng như người con gái chàng đã yêu, người đã dễ dàng tin rằng chàng chính là thủ phạm giết hại anh nàng. Bạn có thể tin như thế cho đến khi bạn đọc đến đoạn kể lại làm thế nào vào một ngày nọ chàng nhận ra trong đám thuỷ thủ Anh bị bắt tới Algiers bởi Biskaine el Borak - người đã trở thành phó tướng của chàng - một cậu thanh niên cùng quê người ở Helston mang họ Pitt mà trước đây chàng có quen người cha.   
Chàng đưa cậu thanh niên về ngôi biệt thự nơi chàng đang sống gần Bab-el-Oueb, cư xử với cậu như với một người khách danh dự, và ngồi suốt một buổi tối mùa hè nói chuyện với chàng trai, hỏi han cậu ta đủ điều về người này người khác, và như vậy dần dần biết được qua cậu thanh niên những gì đã xảy ra tại quê nhà trong hai năm kể từ ngày chàng rời nó ra đi. Tới đây chúng ta có thể nhận ra nỗi buồn nhớ quê hương da diết đã xâm chiếm lấy kẻ cải đạo và cố gắng làm dịu bớt nó qua vô vàn câu hỏi của chàng. Cậu thanh niên đã bất thần mang chàng một cách đột ngột và đau đớn quay trở lại quá khứ mà chàng đã quay lưng đoạn tuyệt khi chàng trở thành một người Hồi giáo và một tên cướp biển. Chỉ có một cách diễn giải duy nhất là vào đêm mùa hè đó quá khứ đã bùng sống dậy trong chàng, cùng khao khát đến điên cuồng muốn trở về. Rosamund sẽ giúp chàng mở lại cánh cửa mà chàng đã đóng sập lại khi bị sự không may truy bức đến cùng đường. Chàng đoan chắc nàng sẽ làm vậy một khi nàng được biết sự thật. Đến lúc này thì chẳng còn lý do nào buộc chàng phải che dấu sự thật, buộc chàng phải tiếp tục che chở cho đứa em cùng cha khác mẹ đê tiện của chàng, kẻ mà giờ chàng căm hận cũng sâu đậm như trước đây chàng đã từng quý mến.   
Chàng bí mật viết một lá thư dài kể lại những gì đã xảy đến với chàng kể từ khi bị bắt cóc, tường thuật lại toàn bộ sự thật về vụ bắt cóc cũng như về tội ác đã dẫn đến nó. Người thuật lại chuyện đời chàng cho biết đó là một lá thư hẳn khiến cho đá cũng phải rơi nước mắt. Và hơn nữa, đó không chỉ là chuyện thanh minh kêu oan suông hay một lời buộc tội em trai chàng không bằng chứng. Bức thư còn cho nàng biết sự tồn tại của một bằng chứng sẽ xua tan mọi nghi ngờ. Đó là biên bản do thẩm phán Baine soạn thảo và được ông mục sư làm chứng, biên bản sẽ được trao cho nàng cùng với bức thư. Hơn nữa, trong thư chàng khuyên nàng, nếu nghi ngờ, hãy tìm thẩm phán Baine để xác nhận sự trung thực của biên bản đó. Sau đó, bức thư xin nàng hãy trình bày toàn bộ vụ việc trước nữ hoàng, bằng cách đó đảm bảo cho chàng được an toàn trở về nước Anh và không bị truy cứu về việc cải đạo mà hoàn cảnh không may đã ép buộc chàng. Chàng tặng cậu thanh niên không biết bao nhiêu quà cáp, đưa cho cậu lá thư để cậu đích thân trao cho người nhận, kèm theo những chỉ dẫn cho phép cậu tìm thấy biên bản mà cậu cần trao cùng lá thư. Biên bản quý giá đó đã được kẹp vào một cuốn sách cổ viết về nuôi chim ưng săn để trong thư viện của Penarrow, nơi rất có thể nó vẫn nằm yên chưa bị động đến vì em trai chàng không biết đến sự tồn tại của nó và bản thân cậu ta cũng không ưa gì sách vở. Pitt cần đến Penarow gặp Nicholas và nhờ ông lão giúp đỡ để tìm biên bản đó, nếu nó vẫn còn tồn tại.   
Sau đó Sakh el-Bahr thu xếp phương tiện đưa Pitt tới Genoa, rồi giúp cậu thanh niên lên một chiếc tàu Anh tại đây.   
Ba tháng sau chàng nhận được câu trả lời - một lá thư của Pitt, đến tay chàng qua đường Genoa – lúc này đang đình chiến với Algiers và trở thành cửa ngõ liên lạc với thế giới Thiên chúa giáo. Trong thư Pitt cho chàng biết cậu đã làm theo tất cả những gì Sir Oliver yêu cầu ; cậu đã tìm thấy biên bản nhờ sự giúp đỡ của Nicholas, và đích thân cậu đã đến xin gặp tiểu thư Rosamund Godolphin, người hiện đang sống với Sir John Killigrew tại Arwenack, trao cho nàng lá thư và biên bản ; thế nhưng khi biết được cậu được ai cử đên, cô gái đã ngay trước mặt cậu thanh niên vứt cả hai vào lửa mà không mở ra xem, rồi lập tức đuổi cậu ra khỏi cửa khi cậu chưa kịp mở miệng.   
Sakh el-Bahr thức trắng đêm ngoài trời trong khu vườn cây ăn quả đầy hương thơm của chàng, và đám nô lệ trong nhà đã kinh hãi kháo nhau rằng chúng nghe thấy tiếng nức nở khóc than. Nếu quả thực trái tim chàng đã khóc, thì đó là lần cuối cùng ; từ đó trở đi chàng trở nên lạnh lùng hơn, tàn bạo hơn, khinh mạn hơn người ta đã từng thấy trước đây, và cũng từ ngày đó chàng không bao giờ đoái hoài đến một nô lệ người Anh nào nữa. Trái tim chàng đã trở nên chai lạnh.   
Cứ như thế năm năm trôi qua kể từ buổi tối mùa xuân khi chàng bị Jasper Leigh bắt cóc, tiếng tăm chàng lan rộng, tên chàng trở thành nỗi kinh hoàng trên biển, và hàng hải đội ra khơi từ Malta, Naples, từ Venice để chấm dứt những cuộc cướp bóc của chàng. Nhưng Allah luôn dõi theo chàng, và Sakh el-Bahr không bao giờ xuất trận mà không đem về chiến thắng cho những thanh scimitar Hồi giáo.   
Rồi cũng vào mùa xuân của năm thứ năm này, chàng nhận được một lá thư nữa từ cậu thanh niên Pitt, một lá thư cho chàng thấy trên thế gian này lòng biết ơn chưa hẳn đã chết hoàn toàn như chàng vẫn nghĩ, vì cậu thanh niên đã viết thư cho chàng biết một số sự việc có liên quan đến chàng hoàn toàn do bị thúc đẩy bởi lòng biết ơn với người đã giúp cậu thoát kiếp nô lệ. Lá thư này lại làm hé miệng vết thương cũ ; không chỉ có thế, nó còn gây cho chàng thêm một vết thương mới. Chàng được biết rằng người viết thư đã bị Sir John Killigrew ép buộc phải làm chứng về việc Sir Oliver cải sang đạo Hồi để giúp toà án có thể tuyên bố Sir Oliver coi như đã chết trước pháp luật, và trao quyền thưad kế cho em trai chàng, quý ngài Lionel Tressilian. Pitt thừa nhận cậu rất phẫn nộ vì bị ép buộc phải làm hại Sir Oliver như vậy sau nhưng ân huệ nhận được từ chàng, cũng nói thêm rằng nếu cậu biết trước hậu quả với chàng do lời chứng của cậu gây ra, cậu thà để bị treo cổ còn hơn chịu làm chứng.   
Đến đây, Sir Oliver đọc bức thư một cách dửng dưng với cảm giác duy nhất là sự khinh bỉ lạnh lùng. Thế nhưng đó chưa phải là tất cả. Lá thư tiếp tục cho chàng biết tiểu thư Rosamund mới quay về Anh sau hai năm sống tại Pháp để đính hôn với em trai cùng cha khác mẹ Lionel của chàng, và hai người sẽ thành hôn vào tháng Sáu. Chàng còn được biết thêm cuộc hôn nhân đã được tác thành bởi Sir John Killigrew theo ý nguyện của quý ngài muốn được thấy cuộc sống của Rosamund được thu xếp ổn định dưới sự bảo trợ của một người chồng vì bản thân quý ngài cũng đang định ra khơi và đang chuẩn bị một con tàu để đi tới Tân Thế Giới. Người viết thư cũng thêm rằng cuộc hôn nhân rất được tán thưởng, được coi là tuyệt vời cho cả hai nhà, vì nó hợp nhất làm một hai lãnh địa láng giềng Penarrow và Godolphin Court.   
Oliver Reis phá lên cười khi chàng đọc tới đây. Xem ra cuộc hôn nhân được tán thưởng không phải vì chính nó, mà vì nó mà hai khoảnh đất được hợp làm một. Đây là đám cưới giữa hai tư viên, hai lãnh địa, hai khu rừng, và hai người liên quan đến nó có vẻ chỉ là một chi tiết phụ.   
Rồi sự mỉa mai của cuộc hôn nhân này ngấm dần vào tâm hồn chàng, làm nó ngập tràn đắng cay uất hận.   
Sau khi đã cấm cửa chàng vì cái chết của người anh trai mà chàng không hề liên quan đến, nàng lại chuẩn bị cưới chính tên thủ phạm. Còn hắn, còn tên đê tiện hèn hạ đó !- Từ âm ty địa ngục nào hắn đã có được sự can đảm trâng tráo để đi đến trò hề này ? Chẳng lẽ hắn là một kẻ không tim, không lương tâm, không danh dự, không sợ Chúa ?   
Chàng xé vụn lá thư thành từng mảnh và cố xoá nỗi ám ảnh ra khỏi đầu. Pitt có ý tốt, nhưng đã hành hạ chàng tàn nhẫn. Trong lúc tìm cách thoát khỏi những hình ảnh lờn vờn tra tấn trong đầu, chàng ra khơi cùng ba chiếc galley và đó là lý do vì sao chừng hai tuần sau chàng đứng đối diện với thuyền trưởng Jasper Leigh trên chiếc tàu buồm Tây Ban Nha chàng vừa chiếm dưới mũi Spartel.

Rafael Sabatini

Chim Ó Biển (The Seahawk)

Phần 2: Sakh el-Bahr

P2 - Chương 3

Đường về nhà

Trong khoang chiếc tàu Tây Ban Nha vừa bị chiếm, tối hôm đó Jasper Leigh, bị hai gã Nubia hộ pháp của chàng cướp biển điệu tới, lại mặt đối mặt với Sakh el-bahr.   
Sakh el Bahr vẫn chưa nói chàng sẽ làm gì lão thuyền trưởng hải tặc, và thuyền trưởng Leigh, tự biết lão là một gã đê tiện, thầm lo sợ điều tệ hại nhất, và trải qua hàng giờ khổ sở trong khoang mũi tàu chờ đợi giờ tận số mà lão nghĩ đã gần kề.   
« Vị trí của chúng ta đã thay đổi, thuyền trưởng Leigh, kể từ lần cuối chúng ta nói chuyện với nhau trong một khoang tàu, » kẻ cải đạo mỉa mai chào đón lão.   
« Quả có vậy, » Leigh đồng ý. « Nhưng tôi xin ngài nhớ cho lúc đó tôi đã cư xử như một người bạn với ngài. »   
« Với một cái giá, » Sakh el-Bahr nhắc nhở lão. « Và với một giá nhất định lão sẽ thấy có thể hôm nay ta cũng sẽ là bạn lão. »   
Lão thuyền trưởng du đãng thấy tim lão đập rộn khấp khởi hy vọng.   
« Hãy đưa ra giá ngài muốn, Sir Oliver, » lão hối hả lên tiếng. « Chỉ cần nằm trong khả năng khốn khổ của tôi tôi xin thề sẽ trả nó chu toàn. Tôi đã làm nô lệ quá đủ rồi, » lão rùng mình. « Năm năm trời, trong đó bốn năm trên những chiếc galley Tây Ban Nha, trong suốt thời gian ấy không có ngày nào tôi không cầu nguyện xin được chết đi cho rảnh. Giá ngài biết tôi đã phải chịu đựng ra sao. »   
« Chưa bao giờ sự trừng phạt lại thích đáng hơn, chưa bao giờ công lý lại đầy thi vị đến thế, » Sakh el Bahr nói bằng giọng khiến lão thuyền trưởng thấy máu mình lạnh ngắt. « Lão đã muốn đem bán ta, một người không hề làm gì hại lão, thực ra là người đã từng làm bạn với lão, lão đã muốn đem bán ta làm nô lệ để đổi lấy hai trăm đồng bảng… »   
« Không, không, » lão hốt hoảng kêu lên, » có Chúa làm chứng, tôi chưa bao giờ có ý đó. Ngài không thể không nhớ những gì tôi đã nói với ngài, tôi đã đề nghị đưa ngài trở về nhà. »   
« Với một giá hời, phải, » Sakh el-Bahr lặp lại. « Và thật may cho lão hôm nay lão lại có cơ hội trả một giá có thể giúp cái cổ bẩn thỉu của lão được hoãn cuộc làm quen với sợi thừng. Ta cần một hoa tiêu, » chàng giải thích thêm, « và những gì năm năm trước lão đã muốn làm để đổi lấy hai trăm bảng, hôm nay lão sẽ làm để đổi lấy mạng sống của mình. Lão nói sao : lão sẽ cầm lái chiếc tàu này cho ta chứ ? »   
« Thưa ngài, » Jasper Leigh kêu lên, không dám tin rằng tất cả những gì lão được yêu cầu chỉ có vậy, « nếu ngài muốn tôi sẵn sàng lái nó xuống địa ngục. »   
« Ta không muốn tới Tây Ban Nha, » Sakh el Bahr trả lời. « Lão sẽ đưa ta theo đúng hành trình lão đã muốn làm năm năm trước, quay lại mũi Fal, để ta đổ bộ lên đó. Lão có đồng ý không ? »   
« Có, và một cách vui vẻ, » Leigh lập tức trả lời không chút ngần ngừ.   
« Điều kiện của ta là lão sẽ được tha chết và trả lại tự do, » Sakh el-Bahr giải thích. « Nhưng đừng cho rằng khi tới Anh lão sẽ được phép ra đi. Lão phải đưa chúng ta trở lại, sau khi làm xong ta sẽ tìm cách đưa lão về nhà nếu lão muốn, thậm chí ta sẽ thưởng cho lão nếu lão phục vụ ta trung thành trong suốt chuyến đi. Nếu lão ngựa quen đường cũ định phản bội ta thì lão sẽ hết kiếp. Hai bông hoa huệ sa mạc này sẽ giám sát lão liên tục, » và chàng chỉ vào hai gã hộ pháp Nubia đang đứng gần như chìm vào bóng tối, chỉ còn trông rõ hai hàm răng và tròng mắt. « Chúng sẽ canh chừng lão, và không để chuyện gì không hay xảy ra với lão chừng nào lão tỏ ra trung thành với ta, và chỉ cần lão tỏ ý làm phản chúng sẽ giết lão lập tức. Lão có thể lui ra. Lão được tự do đi lại trên tàu, nhưng lão không được phép rời tàu trong bất cứ hoàn cảnh nào trừ khi ta có lệnh. »   
Jasper Leigh quay lui, tự cho mình là tốt số hơn mức lão tưởng hay đáng được hưởng, và theo sau lão là hai gã Nubia không rời nửa bước như hai bóng ma sinh đôi.   
Đến lượt Biskaine vào gặp Sakh el-Bahr với bản tường trình chiến lợi phẩm thu được. Ngoài số tù binh và bản thân con tàu còn nguyên vẹn không bị hư hại, hàng hoá trên tàu không có giá trị gì mấy. Với một chiếc tàu từ châu Âu đi Tân Thế Giới, thực ra cũng khó có thể trông đợi nó đem theo một kho báu đáng giá nào. Đám cướp biển tìm thấy một lượng lớn vũ khí, thuốc súng, một ít tiền ; nhưng ngoài ra chẳng có gì khác đáng quan tâm theo quan niệm cướp biển.   
Sakh el – Bahr ngắn gọn nói với viên phó tướng những mệnh lệnh thật bất ngờ.   
« Biskaine, ngươi hãy đưa bọn tù binh lên một chiếc galley và tự mình đưa chúng về Algiers để bán. Những thứ còn lại ngươi để lại đây cùng với hai trăm người theo ta làm một chuyến viễn dương, gồm cả thuỷ thủ và chiến binh. »   
« Người không quay về Algiers sao, hỡi Sakh el-Bahr ? »   
« Chưa. Ta dự định làm một chuyến đi xa hơn. Hãy thay ta tới chào Asad ed Din, người được Allah sủng ái và che chở, và nói với người rằng ta sẽ trở về sau sáu tuần nữa. »   
Quyết định bất ngờ của Sakh elBahr gây ra không ít xôn xao trên những chiếc galley. Đám cướp biển không hề có kinh nghiệm về đi biển trên đại dưõng, thậm chí chưa có ai trong cả bọn trước đây đã đi xa về phía tây tới tận mũi Spartel, và khó có thể nghĩ rằng chúng sẽ sẵn sàng đi theo một đầu lĩnh nào khác làm một chuyến đi đầy mạo hiểm trên Đại Tây Dương rộng lớn. Nhưng Sakh el Bahr, con cưng của vận may, người ðược Allah bảo trợ, đã luôn chỉ dẫn chúng tới chiến thắng, và chỉ cần chàng ra lệnh tập hợp là chúng sẵn sàng theo chàng đi bất cứ đâu chàng muốn. Vì vậy không có khó khăn gì trong việc tìm đủ hai trăm tay Hồi giáo cho thuỷ thủ đoàn của chuyến đi sắp tới. Ngược lại khó khăn chính là giới hạn số những kẻ tình nguyện đi theo xuống con số chàng đã định trước.   
Chắc hẳn bạn đọc cũng không cho rằng quyết định này của Sir Oliver xuất phát từ một dự định đã lên kế hoạch trước. Khi chàng nằm trên đỉnh vách đá dõi theo chiếc tàu tuyệt đẹp nhẹ nhàng chống chọi với gió ngược, chàng chợt thoáng có ý nghĩ rằng với một chiếc tàu như vậy trong tay mình chàng có thể thực hiện một chuyến phiêu lưu thú vị tới nýớc Anh, đổ bổ lên bờ biển Cornwall bất ngờ như một tia chớp, và thực hiện một chuyến thăm hỏi đứa em khốn kiếp. Chàng mơ màng với ý nghĩ này như một người xây lâu ðài trên chín tầng mây. Sau đó trong cơn hăng say của trận chiến chàng đã quên khuấy đi trong chốc lát ý tưởng này, để rồi nó lại quay trở lại thành một quyết định dứt khoát khi chàng thấy mình đối mặt với Jasper Leigh.   
Lão thuyền trưởng cùng con tàu chiến lợi phẩm đã cho chàng tất cả những gì cần thiết để thực hiện giấc mơ. Lúc này không có ai để chống đối lại ý nguyện của chàng, không lý lẽ nào lại không ủng hộ ý đồ báo thù của chàng. Có lẽ, chàng sẽ gặp lại cả Rosamund nữa, để bắt cô ta phải nghe sự thật. Và còn có cả Sir John Killigrew. Chàng chưa bao giờ hiểu nổi ông ta đã là bạn hay là thù trong quá khứ; nhưng vì chính ông ta đã là kẻ đặt Lionel lên thế chỗ Sir Oliver- bằng cách vận động triều đình công nhận cái chết của Sir Oliver với lý do rằng một khi đã cải đạo chàng cần bị coi như đã chết trýớc pháp luật- và vì cũng chính Sir John đã mối lái đám cưới giữa Lionel và Rosamund, thế thì được lắm, cả Sir John cũng sẽ được ghé thăm và được mở mắt cho biết về bản chất những việc ông ta đã làm.   
Với lực lượng trong tay lúc đó, khi chàng đang là chúa tể nắm quyền sinh sát dọc duyên hải bắc Phi, với Oliver Reis mong muốn chỉ là màn đầu cho thực hiện. Thói quen thực hiện lập tức mọi ý muốn của mình đã ăn rễ vào con người chàng, và lúc này chính thói quen đó đang vạch đường hành động cho chàng.   
Chàng nhanh chóng hoàn tất những chuẩn bị cần thiết, và ngày hôm sau chiếc tàu buồm Tây Ban Nha - trước đó có tên Nuestra Senora de las Llagas , nhưng cái tên này đã bị xoá khỏi than tàu – giương hết buồm tiến ra Đại Tây Dương, do Jasper Leigh cầm lái. Ba chiếc galley dưới quyền chỉ huy của Biskaine el Borak thong thả chèo về phía đông quay trở lại Algiers men theo bờ biển theo thói quen của đám hải tặc.   
Gió rất thuận cho Sir Oliver, đến mức chỉ mười ngày sau khi vượt qua mũi St Vincent chàng đã thấy bờ biển Lizard thấp thoáng phía chân trời.

Rafael Sabatini

Chim Ó Biển (The Seahawk)

Phần 2: Sakh el-Bahr

P2 - Chương 4

Cuộc đột kích

Bên bờ sông Fal một chiếc tàu lộng lẫy, mà ng ười ta đã thuê những thợ cả giỏi nhất và không tiếc tiền của để đóng, kiêu hãnh buông neo ngay ngoài Smithick dưới ngọn đồi mà trên đỉnh vươn cao toà dinh thự kiểu cách của Arwenack. Chiếc tàu ðược đóng để chuẩn bị cho một chuyến viễn dương xa và từ nhiều ngày nay, lương thực và vũ khí đã được vận chuyển xuống tàu, khiến cho cái lò rèn nhỏ và dãy nhà của khu làng chài tấp nập hơn thường lệ rất nhiều, như thể để báo trước cho những hoạt động sôi động trong tương lai tại nơi này. Vì có vẻ cuối cùng Sir John Killigrew cũng đạt ðược ý nguyện về một bến cảng lớn mà ông vẫn mơ ước.   
Tình bạn giữa ông và quý ngài Lionel Tressilian đã đóng góp không ít vào việc này. Sự cản trở gây ra bởi Sir Oliver, cũng như sự ủng hộ, phần lớn cũng theo gợi ý của Sir Oliver, dành cho Truno và Helston, đã ðược Lionel rút lại hoàn toàn; hơn thế nữa, Lionel còn đi xa hơn theo hướng ngược lại đến mức ủng hộ Sir John trong bản tường trình của ông trước Nghị viện và nữ hoàng. Và hệ quả rất tự nhiên là nếu sự đối lập của Sir Oliver đã là ngọn nguồn của sự thù địch trước đây giữa Arwenack và Penarrow, thì lúc này sự ủng hộ của Lionel lại trở thành nền tảng cho một tình bạn keo sơn giữa quý ngài và Sir John.   
Nếu Lionel thiếu lý trí sáng suốt của người anh, quý ngài đã bù lại thiếu sót này bằng sự khôn ranh. Quý ngài nhận ra rằng cho dù rất có thể trong tương lại đến lúc nào đó Helston và Truno, cũng như lãnh địa Tressilian sẽ phải chịu thiệt thòi vì sự xuất hiện của một bến cảng ở vị trí thuận lợi hơn, thì điều đó chưa chắc đã đến trong đời quý ngài; và trước khi chuyện ấy xảy đến quý ngài sẽ nhận được sự ủng hộ của Sir John trong chuyện đeo đuổi cầu hôn Rosamund Godolphin và như thế lãnh địa Godolphin sẽ nhập vào tài sản của quý ngài. Với Lionel lợi ích tức thời này đáng đồng tiền bát gạo hơn nhiều so với khả năng thua thiệt trong một tương lại xa xăm nào đó.   
Tuy thế, bạn đọc cũng đừng nghĩ rằng chuyện cầu hôn của Lionel đã hoàn toàn thuận buồm xuôi gió. Cô chủ của Godolphin Court không hề thể hiện chút ân huệ nào với quý ngài và chủ yếu cũng vì muốn thoát khỏi sự đeo bám lẵng nhẵng của ngài mà cô gái đã xin phép và ðược Sir John Killigrew đồng ý cho đi theo em gái ông sang Pháp khi cô này theo chồng tới đó làm đại sứ Anh quốc tại Louvre. Sir John đã trở lại làm người bảo trợ cho cô thiếu nữ sau cái chết của anh trai cô.   
Anh chàng Lionel buồn phiền ngõ ngẩn trong khi cô vắng mặt, nhưng được động viên bởi lời cam đoan của Sir John rằng cuối cùng thế nào quý ngài cũng lọt được vào mắt xanh người đẹp, chàng thanh niên liền rời Cornwall lên ðường đi khám phá thế giới. Quý ngài trải qua một thời gian tại triều đình ở London, tuy nhiên ở đó có vẻ quý ngài cũng không ðược phát tài cho lắm, rồi sau đó chàng thanh niên vượt biển tới nýớc Pháp để tìm tới người đẹp ngài vẫn hằng mong nhớ.   
Sự kiên trì, nhẫn nại đến cam chịu của quý ngài trong cuộc tỏ tình, cũng như tình cảm rõ ràng là chân thành và sâu đậm của ngài cuối cùng cũng xua tan dần sự chống đối của cô thiếu nữ, như người ta vẫn nói “nước chảy đá mòn”. Thế nhưng cô vẫn không thể cho phép mình quên rằng anh chàng thanh niên này là em trai Sir Oliver – em trai của người ðàn ông nàng đã yêu, và cũng là em trai của kẻ đã hãm hại chính anh trai nàng. Vậy là giữa họ đã có hai bức tường ngăn cách; bóng ma ám ảnh của tình yêu cũ của cô gái và máu của Peter Godolphin.   
Nàng đã nhắc lại những điều này với Sir John khi quay trở về Cornwall sau chừng hai năm vắng mặt, viện chúng ra làm lý do vì sao một cuộc hôn nhân giữa nàng và Lionel là không thể.   
Sir John hoàn toàn không đồng ý với cô gái trẻ.   
“Cháu yêu quý,” ông nói, “cần phải nghĩ đến tương lai của cháu. Giờ cháu đã trưởng thành và làm chủ hành động của bản thân. Thế nhưng một phụ nữ quý tộc mà sống độc thân thì không hay chút nào. Chừng nào ta còn sống, hay chừng nào ta vẫn còn ở nước Anh, thì không có gì đáng nói. Cháu có thể sống tại đây ở Arwenack chừng nào cháu muốn, và ta nghĩ cháu đã làm đúng khi rời bỏ sự cô quạnh ở Godolphin Court. Thế nhưng hãy thử nghĩ xem khi ta không còn ở đây một lần nữa cháu sẽ lại rất cô đơn.”   
“Cháu thà chấp nhận sự cô đơn còn hơn người chồng ngài định chọn cho cháu,” nàng trả lời ông.   
“Cháu nói thế mà được sao?” ông phản đối. “ Chẳng lẽ đó là sự biết ơn cháu dành cho sự tôn thờ say mê, sự kiên nhẫn, sự chu đáo lịch thiệp của cậu ta sao?”   
“Cậu ta là em trai Sir Oliver Tressilian, » nàng đáp lại.   
« Về chuyện đó cậu ta đã chẳng phải chịu đựng quá đủ rồi hay sao ? Chẳng lẽ cậu ta cứ mãi mãi phải trả giá cho tội ác của người anh ? Bên cạnh đó, nói gì thì nói họ cũng không hoàn toàn là anh em. Mà chỉ là anh em cùng cha khác mẹ thôi . »   
« Nhưng vẫn là thân thích, » cô gái đáp. « Nếu ngài muốn cháu lấy chồng xin ngài chọn cho cháu một ông chồng khác. »   
Về vấn đề lựa chọn này quý ông liền trả lời rằng sau khi đã suy xét kỹ càng ông thấy không người chồng nào có thể tốt hơn người ông đã chọn cho cô. Ông nói đến chuyện lãnh địa hai nhà vốn là láng giềng với nhau, và sẽ thật tuyệt vời và tiện lợi ra sao nếu được hợp nhất làm một.   
Ông tỏ ra rất kiên trì, và còn cả quyết hơn nữa khi ông quyết định thực hiện một chuyến viễn dương. Lương tâm sẽ không cho phép ông nhổ neo cho đến khi đã thu xếp cho cô thiếu nữ được yên ổn chăm lo bằng một cuộc hôn nhân. Lionel cũng kiên trì không kém, bằng một thái độ rất ý tứ gần như chịu đựng, không bao giờ thử thách sự kiên nhẫn của cô gái, một cách theo đuổi do đó rất khó bị chối từ.   
Cuối cùng cô thiếu nữ ðành chịu thua sự nhẫn nại và ý chí của hai người ðàn ông, và và làm với thái độ dễ chịu nhất cô có thể có được, sau khi đã quyết định sẽ gỡ bỏ khỏi trái tim và khối óc mình vật cản thực sự duy nhất mà vì xấu hổ với chính bản thân cô đã không dám thú nhận với Sir John. Sự thật đó là bất chấp những chuyện đã xảy ra, tình yêu của cô dành cho Sir Oliver vẫn chưa bị xoá nhoà. Đúng là nó đã lắng dần xuống cho đến lúc chính bản thân cô gái cũng không biết thực ra tình cảm đó nên gọi là gì nữa. Nhưng nàng vẫn thường xuyên nghĩ đến chàng một cách buồn bã ; nàng thấy mình luôn so sánh chàng với em trai chàng ; và cho dù ngoài lời nàng đã xin Sir John hãy tìm cho nàng một người chồng khác ngoài Lionel, song nàng biết quá rõ rằng bất cứ ứng cử viên nào rồi cũng sẽ bị nàng so sánh một cách tương tự và bị trái tim nàng loại bỏ. Tất cả chuyện đó nàng tự trách mình như một tội lỗi. Một cách vô vọng nàng bắt tâm trí mình phải nhớ rằng Sir Oliver là kẻ sát hại Peter. Thế nhưng cùng với thời gian trôi qua, nàng thấy mình thực ra đã hoàn toàn tha thứ cho người ðàn ông nàng đã từng yêu ; nàng thừa nhận rằng chính Peter đã đẩy chàng đến hành động như vậy, rằng vì nàng Sir Oliver đã chịu đựng hết sự xúc phạm này đến sự xúc phạm khác từ Peter, cho đến khi, cũng chỉ là một con người, giới hạn chịu đựng của chàng đã bị vượt qua, và thế là quá đủ với việc nhẫn nại nín nhịn sự sỉ nhục, chàng đã vùng lên ra tay.   
Nàng muốn nguyền rủa chính mình vì những ý nghĩ như vậy, nhưng không làm sao xua đuổi chúng đi được. Trong hành động nàng có thể tỏ ra cứng cỏi – như chúng ta đã thấy nàng đã làm gì với lá thư Oliver gửi cho nàng từ Barbary qua tay Pitt – nhưng nàng không sao khống chế ðược ý nghĩ của bản thân, và ý nghĩ lại thường xuyên phản lại lý trí của chính nàng. Trong tim mình nàng không thể dập tắt ðược nỗi nhớ Oliver, thậm chí nàng có lúc còn nuôi hy vọng chàng sẽ một ngày kia quay trở về, cho dù nàng quá hiểu sẽ chẳng có gì để chờ đợi từ một cuộc trở về như thế.   
Khi Sir John cuối cùng ðã dập tắt những tia hy vọng về cuộc trở về đó, ông đã làm một việc khôn ngoan hơn là ông tưởng. Từ khi Oliver biến mất họ chưa bao giờ nghe ðược tin gì về chàng cho tới khi Pitt tìm đến Arwenack với lá thư và câu chuyện của cậu. Họ, cũng như cả bàn dân thiên hạ, đều đã nghe nói tới tên hải tặc Sakh el Bahr, thế nhưng chẳng bao giờ họ ngờ rằng y có liên quan đến Oliver Tressilian. Lúc này, khi thân thế thật của tên hải tặc đã ðược Pitt chứng thực, việc thuyết phục toà án coi chàng như đã chết và trao quyền thừa kế cho Lionel quả là dễ như trở bàn tay.   
Với Rosamund thì việc này chẳng có gì quan trọng. Nhưng quan trọng là ở chỗ Sir Oliver đã chết trước mắt pháp luật, và sẽ chết trên thực tế nếu chàng dám đặt chân lên đất Anh lần nữa. Thực tế này đã dập tắt niềm hy vọng vô vọng đến kỳ lạ và gần như vô thức của nàng rằng một ngày kia chàng sẽ quay về. Rất có thể nó cũng giúp nàng nhìn thẳng vào thực tế và chấp nhận tương lai mà Sir Oliver đã thu xếp cho nàng.   
Chuyện đính hôn của nàng ðược công bố rộng rãi, và nếu nàng không tỏ ra là một cô thiếu nữ đang yêu say đắm, thì ít nhất cũng là một vị hôn thê dịu dàng và tuân phục. Về phần mình, vị hôn phu hoàn toàn hài lòng. Lúc này không thể đòi hỏi nhiều hơn, và chàng thanh niên ðược nâng ðỡ bởi sự tự tin của tất cả những kẻ đang yêu rằng có được cơ hội và thời gian cậu ta sẽ tìm được cách đánh thức tình cảm của Rosamund. Cũng cần phải thừa nhận rằng chỉ trong thời gian đính hôn giữa hai người quý ngài đã có bằng chứng cho thấy sự tự tin của mình có cơ sở. Cô thiếu nữ đã luôn cô ðơn, Lionel đã xua tan sự cô ðơn của nàng bằng sự ân cần quên mình, sự chu đáo hiếm có, gần như quý ngài đã từ tốn rón rén thận trọng từng bước trên con đường mà những kẻ vụng về hẳn đã sốt ruột guồng chân chạy, và sự thận trọng của ngài đã giúp hai người xích lại gần nhau hơn, sự có mặt của ngài trở nên ngày càng dễ chịu hơn với cô gái. Từ bước khởi đầu đó tình cảm của cô thiếu nữ dần dần hình thành, và quan sát hai người trẻ tuổi bên nhau như những ngýời bạn tâm đầu ý hợp, Sir John tự chúc mừng sự sáng suốt của ngài rồi bắt tay vào việc chuẩn bị một con tàu tuyệt đẹp –chiếc Én Bạc – cho chuyến đi sắp tới.   
Lúc này chỉ còn cách ngày hôn lễ một tuần, Sir John đang nóng lòng hơn lúc nào hết. Tiếng chuông mừng đám cưới cũng sẽ là tín hiệu khởi hành của ngài ; khi chúng ngừng tiếng cũng là lúc chiếc Én Bạc giương buồm.   
Đó là buổi tối ngày mồng Một tháng Sáu, trời đã tối hẳn và gian phòng ăn lớn của Arwenack nõi bữa tối sắp diễn ra đang ðược thắp sáng. Đây là một bữa tiệc nhỏ. Chỉ có Sir John, Rosamund và Lionel, người đã ở lại làm khách hôm đó, và Lord Henry Goade- người thuật truyện của chúng ta – tư lệnh đồn binh của nữ hoàng ở Cornwall cùng phu nhân của ngài. Hai người đang ở chơi nhà Sir John và sẽ còn lưu lại đó một tuần để cùng dự đám cưới sắp diễn ra.   
Bên ngoài ngôi nhà công việc chuẩn bị cho việc ra đi của Sir John và cô gái ngài bảo trợ, một người tới những vùng biển xa lạ, người kia về nhà chồng, đang được hối hả tiến hành. Trong căn phòng ở trên tháp một tá thợ may đang chuẩn bị bộ đồ cô dâu dưới sự giám sát của Sally Pentreat, người trước đây cũng đã cẩn thận giám sát việc sửa soạn quần áo tã lót để đón Rosamund chào đời.   
Ðúng lúc Sir John mời mọi người vào bàn, Sir Oliver Tressilian ðặt chân lên bờ cách đó chưa đầy một dặm. Chàng tính rằng tốt nhất không nên vòng qua mỏm Pendennis. Vậy là chàng buông neo gần bãi biển nằm phía trên Swanpool nằm ở phía tây doi đất khi bóng ðêm sẫm dần. Chàng cho hạ thuỷ hai chiếc xuồng của con tàu, trên đó chàng cho đổ bộ chừng ba chục người trong đám thủ hạ. Những chiếc xuồng còn quay lại thêm hai lần nữa, cho đến khi một trăm gã cướp biển đã đứng dàn hàng trên bãi biển lạ. Số còn lại chàng để lại coi tàu. Chàng đem theo một số người đông đến vậy trong một chuyến đi mà chỉ một phần tư số đó là đủ để bảo đảm bằng số lượng áp đảo chàng sẽ tránh được bạo lực không cần thiết.   
Hoàn toàn không bị phát hiện, chàng dẫn chúng đi theo sườn dốc hướng tới Arwenack trong bóng ðêm tối mịt. Chàng gần như trào nước mắt khi một lần nữa lại đặt chân lên mảnh đất quê hương. Con đường mà chàng đang tự tin lần theo ngay cả trong bóng tối này mới quen thuộc làm sao ; chàng gần như nhận ra từng bụi cây tảng đá trong lúc bước đi, đám thủ hạ câm lặng theo sát sau lưng. Ai có thể tiên đoán được cho chàng một ngày trở về như thế này ? Khi chàng dắt chó đi săn theo con đường này lúc còn là một cậu thiếu niên, làm sao chàng có thể ngờ rằng một ngày kia chàng sẽ lần đi trong ðêm giữa những đụn cát này, một tên cải đạo Hồi giáo dẫn theo một đám cướp biển tà giáo đến tấn công tư dinh của Sir John Killigrew, chủ nhân của Arwenack ?   
Những ý nghĩ đó khiến chàng trở nên yếu đuối trong khoảnh khắc, nhưng chàng nhanh chóng bừng tỉnh khi nghĩ tới tất cả những bất công đã phải chịu đựng, khi chàng nhắc nhở mình rằng chàng tới đó để báo thù.   
Đầu tiên là tới Arwenack gặp Sir John và Rosamund để buộc hai người cuối cùng cũng phải nghe sự thật, và sau đó là Penarrow để tính sổ với Lionel. Những dự định đó đã làm người chàng nóng lên, xua đi cảm giác yếu đuối và thúc giục chàng rảo bước nhanh hơn lên phía đỉnh đồi và toà dinh thự cho tường luỹ bao quanh nằm trên đỉnh.   
Chàng thấy cánh cổng lớn đánh đai sắt khoá trái, một điều có thể thấy trước vào giờ này. Chàng gõ cửa, lập tức một cánh cửa ngách mở ra, một ngọn ðèn tiến lại gần. Ngay lập tức ngọn ðèn bị gạt sang bên và Sir Oliver lách mình vọt vào trong sân.Với một tay bịt miệng người gác cổng không cho hô hoán, chàng bàn giao anh chàng lại cho đám thủ hạ, bọn này nhanh chóng trói gô anh ta lại.   
Xong xuôi, cả đám cùng im lặng lách qua cánh cửa ngách vào khoảng sân rộng. Chàng dẫn đầu cả toán, gần như chạy, hướng về phía những khung cửa sổ tràn ngập ánh sáng vàng như chỉ ðường cho họ.   
Với những người hầu bắt gặp trong sảnh toán cướp biển cũng ra tay nhanh nhẹn và im lặng như với người gác cổng, chúng ra tay nhanh chóng và thận trọng đến mức Sir John và đám khách không hề nghờ vực gì về sự có mặt của đám người lạ cho đến khi cánh cửa phòng ăn mở tung ra trước mắt họ.   
Những gì trông thấy đã làm họ ngỡ ngàng choáng váng một hồi. Lord Henry đã thuật lại với chúng ta lúc đầu ngài đã cho rằng đây là một trò ðùa, một sự bất ngờ mà các tá điền của Sir John hay dân chúng của Smithick và Penycumwick chuẩn bị dành cho đôi bạn trẻ sắp thành hôn, và ngài còn nói thêm rằng niềm tin của ngài vào giả thuyết này càng ðược cổ vũ bởi lẽ trong tay đám người vừa ập vào không có bất cứ thứ khí giới nào.   
Cho dù đám cướp biển đổ bộ lên bờ ðược vũ trang đầy đủ để đề phòng mọi bất trắc, nhưng thủ lĩnh của chúng đã có lệnh không được rút vũ khí ra. Tất cả phải được tiến hành bằng tay không và không được gây đổ máu. Đó là lệnh của Sakh el Bahr, và Sakh el Bahr không ra lệnh để bị bất tuân.   
Bản thân chàng tiến lên đứng phía trước đám thủ hạ da ngăm ngăm bận quần áo mang đủ bảy sắc cầu vồng, trên đầu đội những chiếc turban đủ màu. Chàng lặng im gườm gườm nhìn đám người trong phòng ăn, và nhóm người đang bàng hoàng cũng thầm quan sát gã hộ pháp đội turban với khuôn mặt đầy quyền uy rám nắng, bộ râu rậm đen nhánh, và đôi mắt sáng khác thường với tia nhìn lạnh như thép nằm dưới đôi lông mày đen.   
Sự im lặng kéo dài trong khoảnh khắc, rồi Lionel bật kêu thảng thốt, loạng choạng ngồi phịch xuống chiếc ghế bành như sắp xỉu.   
Đôi mắt sắc sảo của kẻ lạ mặt nhìn thẳng vào quý ngài cười cợt, tàn nhẫn.   
« Ta thấy ít nhất mi cũng đã nhận ra ta, » Sakh el Bahr lên tiếng bằng giọng nói trầm trầm. « Ta luôn tin rằng có thể trông cậy vào cái nhìn của tình huynh đệ để gạt bỏ những thay đổi mà thời gian và khổ ải đã để dấu ấn trên con người ta. »   
Sir John đứng bật dậy, khuôn mặt xương xương của ông tái xám, quý ông thốt lên một câu rủa kinh ngạc. Rosamund đứng dậy cứng người như hoá đá vì kinh hoàng, nhìn chằm chằm vào Sir Oliver với đôi mắt lạc thần mở to, trong khi hai tay cô gái chới với bám vào thành bàn. Cả họ cũng đã nhận ra chàng, và đều hiểu rằng đây không phải là chuyện bông ðùa. Sir John không nghi ngờ chàng đang dự định một ý đồ tàn nhẫn nào đó. Nhưng ý định đó là gì thì ông chịu không đoán ra nổi. Đây là lần đầu tiên người ta nhìn thấy bọn cướp biển Barbary ở nước Anh. Cuộc tập kích nổi tiếng của chúng ở Baltimore trên đất Ireland phải hõn ba mươi năm sau mới xảy ra.   
« Sir Oliver Tressilian ! » Killigrew kêu lên thảng thốt, và Lord Henry Goade lặp lại như một cái máy « Sir Oliver Tressilian ! » trước khi thêm « Chúa ơi ! »   
« Không phải Sir Oliver Tressilian”, câu trả lời tới lập tức, « mà là Sakh el Bahr, nỗi ám ảnh trên biển, nỗi kinh hoàng của Thiên chúa giáo, tên cướp biển tuyệt vọng liều lĩnh mà sự dối trá, tham lam, thất tín của các người đã tạo ra từ một kẻ vốn trước đây là một nhà quý tộc Cornwall. » Chàng chỉ vào họ với một cử chỉ như buộc tội. « Hãy coi đây, ta và những con ó biển của ta đến đây để đòi lại một món nợ đã quá lâu ngày. »   
Thuật lại những gì ngài đã mắt thấy tai nghe, Lord Henry cho chúng ta biết làm thế nào mà Sir John đã lén rút một món vũ khí treo trên tường xuống ; và Sakh el Bahr đã hét lên một từ Arab duy nhất, và chỉ với một từ ra lệnh ấy sáu tên thủ hạ của chàng đã nhảy bổ vào nhà hiệp sĩ như thế nào để vật ngài xuống sàn nhà.   
Phu nhân Henry kêu thét lên, chồng bà ta có vẻ đã không hành động gì, hoặc giả sự khiêm tốn đã khiến ngài bỏ qua phản ứng của bản thân lúc đó. Rosamund, trắng bệch đến tận môi, tiếp tục trân trối đứng nhìn, trong khi Lionel, tuyệt vọng, run rẩy ðưa hai tay lên bưng mặt. Tất cả họ đều chờ đợi một màn đổ máu man rợ chuẩn bị diến ra, sau khi nạn nhân xấu số đã bị quật gục xuống sàn một cách lạnh lùng tàn nhẫn. Nhưng không có giọt máu nào đổ ra. Đám cướp biển chỉ ðè sấp Sir John xuống sàn, trói giật hai tay ông ra sau lưng, và sau khi đã thực hiện xong bổn phận một cách mau lẹ, chúng lặng lẽ bỏ ông nằm đó và lui lại sau.   
Sakh el Bahr nhìn bọn thủ hạ ra tay với ánh mắt cười cợt đầy thù hận. Sau đó chàng ðưa tay chỉ vào Lionel, lúc này chợt đứng bật dậy vì kinh hãi với một tiếng kêu lạc giọng. Những cánh tay da nâu tóm chặt lấy anh chàng như một ðàn rắn. Bất lực, cậu ta bị nhấc bổng lên và khuân ra ngoài. Trong khoảnh khắc đứa em trai mặt đối mặt với người anh đội turban. Đôi mắt kẻ cải đạo nhìn sắc lạnh như hai lưỡi dao vào khuôn mặt méo mó vì kinh hãi của gã. Rồi một cách khinh bỉ theo phong cách của người Hồi giáo, chàng nhổ vào khuôn mặt đó.   
« Ðưa hắn đi ! » chàng gầm lên, và một khoảng trống lập tức được mở ra qua đám thủ hạ đang xúm xít sau lưng chàng , Lionel lập tức bị điệu ra và biến mất khỏi tầm mắt của những người trong phòng.   
« Ngươi định mưu tính sát nhân chăng ? » Sir John gầm lên phẫn nộ. Ông đã gượng dậy được và đứng sững hầm hầm căm tức trong vòng dây trói.   
“Ngài định ám hại em trai ngài như đã từng giết hại anh trai tôi chăng?” Rosamund hỏi, lên tiếng lần đầu tiên, vừa nói vừa đứng dậy, khuôn mặt tái nhợt của nàng hơi đỏ lên. Cô thiếu nữ thấy chàng cau mày; rồi vẻ căm thù pha lẫn giễu cợt mỉa mai phụt tắt trên khuôn mặt chàng, khiến nó trở nên vô cảm trong giây lát. Rồi khuôn mặt đó lại tối sầm đi với một quyết định mới. Những lời nói của nàng đã làm thay đổi toàn bộ ý định ban đầu của chàng. Chúng thổi bùng lên trong chàng một cơn căm hận sắt đá. Chúng làm im lặng hết những lời giải thích mà chàng đã định nói ra, sau những gì vừa được nghe chàng không định mất công giải thích ở đây nữa.   
“Tôi thấy là cô yêu cái ... cái kẻ đã từng là em trai tôi đó,” chàng bĩu môi đáp. “Tôi chỉ tự hỏi liệu cô có còn tiếp tục yêu được hắn ta nữa hay không khi cô biết hắn ta rõ hơn? Tuy rằng quả thật không còn gì có thể làm tôi ngạc nhiên về một người ðàn bà và mối tình của cô ta. Dù thế tôi vẫn tò mò muốn thấy, rất tò mò.” Chàng phá lên cười. “Tôi sẽ không chia lìa hai vị đâu – chưa đâu.”   
Chàng tiến lại phía nàng. “Đi theo tôi, thưa quý tiểu thư,” chàng ra lệnh, và đưa tay ra.   
Đến lúc này đến lượt Lord Henry bị thúc đẩy đến một hành động vô ích.   
“Đến lúc đó,” ngài viết,”tôi lao vào giữa hai người để che chở cho cô gái.’ Đồ chó’, tôi quát,’mi sẽ phải chịu trừng phạt!’   
‘Trừng phạt’, gã lặp lại, rồi cười gằn chế giễu tôi,’Ta đã bị trừng phạt đủ rồi. Đó là lý do ta có mặt ở đây.’   
‘Và ngươi sẽ bị trừng phạt nữa, đồ cướp biển khốn kiếp!’ tôi cảnh cáo gã. ‘Thề có Chúa ngươi sẽ phải trả giá cho sự hỗn xược này!’   
‘Thật chăng?’ gã đáp lại, thái độ lạnh lùng đe doạ. ‘Bởi tay ai vậy thưa quý ông?’   
‘Bởi chính ta,’ tôi hét lớn, lúc đó tôi đang rất căm phẫn.   
‘Ngươi ư?’ gã bĩu môi. ‘Ngươi đòi đi săn ó biển ư? Ngươi? Đồ gà trụi lông! Cuốn xéo! Đừng làm ta mất thì giờ!’   
Và quý ngài kể thêm rằng Sir Oliver lại hô lên từ Arab nọ, và để tuân lệnh một tá đầu trâu mặt ngựa ập tới lôi ngài tư lệnh của nữ hoàng sang một bên và trói nghiến ngài vào một chiếc ghế.   
Lúc này Sir Oliver và Rosamund đứng mặt đối mặt với nhau - đối diện nhau sau năm năm trời đằng đẵng, và lúc này chàng chợt nhận ra trong mỗi khoảnh khắc của khoảng thời gian dài đó chàng luôn đoan chắc rằng sẽ có ngày một cuộc gặp gỡ như thế này sẽ tới.   
“Lại đây, tiểu thư,” chàng nghiêm nghị ra lệnh.   
Trong khoảnh khắc cô gái đứng nhìn chàng với sự căm hận và kinh tởm hiện rõ trên đôi mắt xanh trong sâu thẳm. Rồi nhanh như chớp, nàng quơ lấy một con dao trên bàn và đâm thẳng nó vào tim chàng. Nhưng bàn tay chàng cướp biển cũng nhanh nhẹn không kém chộp lấy cổ tay nàng, con dao rõi xuống sàn trước khi tới đích.   
Cô thiếu nữ rùng mình nấc lên nghẹn ngào, vừa kinh hoàng trước việc nàng định làm, vừa ghê sợ người đàn ông đang nắm lấy nàng. Nỗi kinh hoàng dâng lên cho đến khi khuất phục hoàn toàn cô gái, nàng ngất đi, người ngã đổ về phía chàng.   
Theo bản năng chàng đưa tay ra ôm lấy nàng, và trong chốc lát chàng ôm lấy nàng như vậy, nhớ lại lần cuối cùng nàng ngả đầu tựa vào ngực chàng một buổi tối hơn năm năm về trước dưới chân bức tường xám của Godolphin Court bên dòng sông. Nhà tiên tri nào có thể cho chàng biết vào lúc đó rằng lần tiếp theo chàng ôm nàng trong vòng tay lại trong hoàn cảnh như thế này? Tất cả thật khó tin và vô lư, nhý một giấc mõ cuồng loạn của một đầu óc không bình thường. Thế nhưng tất cả lại là sự thật, và một lần nữa nàng lại nằm trong vòng tay chàng.   
Chàng ðưa tay xuống ôm lấy eo nàng, đặt nàng lên bờ vai vạm vỡ của mình như thể nàng là một bao lúa mì và đi ra ngoài, những gì chàng muốn thực hiện ở Arwenack đã hoàn tất - quả thực một số điều còn hoàn tất trọn vẹn hõn ý định của chàng, và cũng có một số điều ít trọn vẹn hơn.   
“Đi thôi, đi thôi!” chàng ra lệnh cho đám thủ hạ, và đoàn cướp biển rút lui cũng lặng lẽ và nhanh chóng như khi xuất hiện, không có ai dám hô hoán ngăn trở.   
Đám cướp biển đi qua sảnh ngoài, băng qua sân rời khỏi khu dinh thự qua cánh cổng mở ngỏ, xuôi theo sườn đồi thoai thoải xuống phía bãi biển nơi những chiếc xuồng đang đợi sẵn. Sakh el Bahr lao đi nhanh nhẹn như thể người phụ nữ đang nhất xỉu chàng mang theo chỉ như một chiếc áo khoác vắt qua vai. Phía trước chàng là sáu tên thủ hạ đang vác gã em trai chàng, lúc này đã bị trói chặt và bịt mồm.   
Chỉ một lần duy nhất trong khi họ đi xuống quả đồi Arwenack Oliver chợt dừng bước. Chàng dừng lại đưa mắt nhìn qua dải nước tối sẫm đến khu rừng che khuất ngôi biệt thự của Penarrow khỏi tầm nhìn. Như chúng ta đã biết, một trong những dự định của chàng là đảo qua đó một chút. Nhưng lúc này thì không còn cần thiết nữa, và chàng chợt cảm thấy nhói đau thất vọng, chợt khao khát muốn nhìn lại nhà mình một lần nữa. Nhưng dòng suy nghĩ của chàng đã bị cắt ngang bởi sự xuất hiện của hai gã sĩ quan – Othmani và Ali, lúc này đang thì thầm trao đổi với nhau. Đến bên cạnh chàng, Othmani nắm lấy cánh tay chàng rồi chỉ về phía những đốm sáng của Smithick và Penycum wick.   
« Chủ nhân, » gã khẽ reo lên, « ở dưới kia không thiếu gì thanh niên và thiếu nữ có thể bán với giá hời tại sôk-el-Abeed. »   
« Không nghi ngờ gì, » Sakh el Bahr đáp, hầu như không để ý xem tên thủ hạ nói gì, lúc này tâm chí chàng chẳng còn để ý đến chuyện gì trên đời ngoài nỗi nhớ nhà.   
« Vậy thuộc hạ có thể lấy năm mươi tín đồ chân giáo để tấn công chúng không ? Sẽ rất dễ dàng, vì bọn chúng không hề biết chúng ta đang ở đây. »   
Sakh el Bahr bừng tỉnh khỏi cơn suy tư. « Othmani, » chàng nói, « mi là một tên khùng, kẻ điên rồ nhất trong những tên khùng, nếu không hẳn mi phải biết rằng những người vốn là đồng bào với ta, những người cũng sinh ra từ mảnh đất đã sinh thành ra ta, đều thiêng liêng đối với ta. Tại đây chúng ta sẽ không bắt thêm nô lệ nào ngoài những kẻ chúng ta đã bắt. Thế nên, nhân danh Allah, tiếp tục rút lui ! »   
Nhưng Othmani không dễ bị át giọng. « Chẳng lẽ cả chuyến đi đầy mạo hiểm qua những vùng biển lạ đến miền đất xa xôi này lại chỉ để đổi lấy có hai tù binh thôi sao ? Liệu đây có phải là một chiến công tương xứng với Sakh el Bahr không ? »   
« Hãy để Sakh el Bahr tự phán xét, » là câu trả lời lạnh lùng gã nhận được.   
« Nhưng hãy thử nghĩ xem, ôi chủ nhân : còn có một người nữa cũng sẽ phán xét. Liệu Basha của chúng ta, Asad ed Din vinh quang, sẽ đón tiếp người ra sao khi người trở về với thành quả nhỏ nhoi như vậy ? Chúa công rồi sẽ hỏi chủ nhân những gì, và chủ nhân sẽ trả lời ngài ra sao về việc đã mạo hiểm tính mạng của từng ấy tín đồ chân giáo để đổi lấy lợi ích nhỏ nhoi như vậy ? »   
« Chúa công sẽ hỏi ta những gì ngài muốn, và ta sẽ trả lời ngài theo ý ta, như Allah chỉ dẫn. Đi thôi, ta ra lệnh ! »   
Và họ tiếp tục đi, Sakh el Bahr lúc này hầu như không cảm thấy gì khác ngoài hơi ấm từ thân hình đang nằm trên vai chàng, và với tâm trạng rối bời lúc đó, chàng không còn hiểu nổi nó đã làm bùng lên trong chàng tình yêu hay lòng thù hận.   
Họ xuống tới bãi biển, rồi ra tới chiếc tàu mà sự xuất hiện vẫn chưa ai biết. Gió thuận và bọn cướp biển lập tức khởi hành. Đến lúc bình minh không chúng đã biến mất không để lại chút vết tích nào. Cứ như thể chúng đã từ trên trời rơi xuống bờ biển Cornwall buổi tối hôm đó, và nếu không có những dấu chân chúng để lại trong cuộc tập kích chớp nhoáng lặng lẽ, cũng như sự biến mất của Rosamund và Lionel, câu chuyện này hẳn đã bị coi chỉ là một giấc mơ của một số ít người đã tận mắt chứng kiến.   
Trên boong chiếc thuyền buồm, Sakh el Bahr đưa Rosamund vào một căn buồng, cẩn thận khoá trái cửa dẫn ra hành lang. Còn Lionel chàng ra lệnh quẳng xuống một xó xỉnh tối tăm dưới hầm tàu, gã nằm xỉu ở đó, kiệt sức vì kinh hãi, cho đến khi ông anh trai quyết định số phận gã - về việc này chàng cải đạo vẫn còn phân vân.   
Còn bản thân chàng nằm dưới trời sao suốt đêm hôm đó nghĩ ngợi đủ chuyện. Một trong những ý nghĩ chợt đến với chàng, một thứ sẽ đóng một vai nhất định trong câu truyện này, cho dù nó chỉ loáng thoáng lướt qua tâm trí chàng, là những lời Othmani đã nói. Quả thực, Asad sẽ chào đón chàng ra sao nếu chàng quay về Algiers sau một chuyến đi dài đến vậy, mạo hiểm tính mạng của hai trăm tín đồ chân giáo, mà không có gì để trình diện trừ hai người tù, mà hơn nữa hai người này chàng hoàn toàn có ý định giữ lại cho riêng mình? Chẳng phải đó sẽ là cái cớ tuyệt vời để lợi dụng cho kẻ thù của chàng ở Algiers cũng như cô vợ người Sicily của Asad, người luôn căm ghét chàng với tất cả sự thâm thù của lòng căm hận bắt rễ từ ghen tức?   
Rất có thể những suy nghĩ này đã góp phần đẩy chàng vào một cuộc giao chiến rất mạo hiểm ngay rạng sáng ngày hôm sau, khi Định Mệnh dường như đã đưa tới cho chàng câu trả lời dưới dạng một chiếc tàu Hà Lan với những cột buồm cao đang trên đường quay về nhà. Chàng ra lệnh đuổi theo, bất chấp việc biết rõ mười mươi trận chiến chàng đang tìm kiếm là một hình thức hải chiến mà thủ hạ của chàng không hề có chút kinh nghiệm nào, và nếu không phải với chàng mà là với một đầu lĩnh khác, hẳn chúng sẽ ngần ngại phải tham gia. Nhưng ngôi sao chiếu mệnh của Sakh el Bahr đã luôn chỉ tới chiến thắng, và niềm tin của bọn cướp vào chàng, mũi lao sắc bén của Allah, đã mạnh hơn nỗi e ngại mà trong hoàn cảnh khác hẳn chúng đã cảm thấy khi đối mặt với một kiểu tàu chưa từng gặp phải và trên mặt đại dương xa lạ đầu sóng gió.   
Trận đánh này đã được Lord Henry tả lại rất chi tiết từ những thông tin Jasper Leigh thuật lại cho ngài. Nhưng nói chung nó cũng chẳng khác gì các trận hải chiến khác thời ấy, và tôi không hề có ý định làm độc giả mất thì giờ về những chi tiết nhỏ nhặt rườm rà. Chỉ cần biết rằng cuộc giao tranh đã diễn ra ác liệt không khoan nhượng, và cả hai bên tham chiến đều tổn thất lớn về nhân mạng; một trận chiến trong đó đại bác không đóng vai trò quan trọng, vì biết rõ người của mình, Sakh el Bahr đã gấp rút cho áp mạn. Chàng đã đạt được mục đích của mình, cũng như mọi lần, nhờ vào sự quyết đoán và lòng can đảm của bản thân. Chàng là người đầu tiên lao sang boong chiếc tàu Hà Lan, mình mặc áo giáp bằng mạng sắt, tay vung cao thanh scimitar, và đám thủ hạ của chàng ùa theo thét vang tên chàng và tên của Allah.   
Trong các trận giao tranh, sự dũng mãnh của chàng đã luôn luôn lây sang thủ hạ và nguồn khích lệ lớn lao động viên chúng. Cả lần này cũng vậy, và những người Hà Lan khôn ngoan đã nhận ra chàng chính là trái tim và khối óc của đám người hỗn độn điên cuồng này. Họ liền tập trung số đông tấn công chàng, quyết tâm hạ chàng bằng mọi giá, linh cảm một cách chắc chắn rằng nếu chàng gục xuống, họ sẽ dễ dàng chiến thắng. Và cuối cùng họ cũng thành công. Một cây kích Hà Lan đã chặt đứt vài mắt xích trên áo giáp chàng cướp biển và khiến chàng bị thương nhẹ vào phần mềm, nhưng trong lúc đang hăng máu chàng không hề để ý đến; một thanh kiếm Hà Lan nhờ đó tìm thấy điểm yếu của chàng, đâm xuyên qua áo giáp khiến chàng gục xuống, máu tràn ra từ vết thương. Nhưng lập tức chàng đã gượng đứng dậy, hiểu rõ không kém đối phương rằng nếu chàng gục xuống thất bại sẽ là không tránh khỏi. Vớ lấy một chiếc rìu cán ngắn nằm ngay dưới tay chàng lúc chàng ngã xuống, Sakh el Bahr mở một con đường tới mạn tàu, đứng tựa vào ván gỗ của thành tàu, và bằng giọng khản đặc, khuôn mặt tái nhợt đi vì mất máu, chàng không ngớt thúc giục người của mình xông lên cho đến khi bọn cướp giành được phần thắng- và cũng may là khá nhanh chóng. Sau đó, như thể chàng chỉ được giữ đứng trên hai chân cho tới thời điểm này bằng sức mạnh của ý chí, chàng khuỵu xuống nằm vật ra giữa đám xác chết và những người bị thương, người tựa vao mạn tàu.   
Đám cướp biển rầu rĩ mang chủ tướng trở lại chiếc tàu buồm của chúng. Nếu chàng không qua khỏi, chiến thắng của chúng quả là vô nghĩa. Chúng đặt thủ lĩnh xuống chỗ nằm đã được thu xếp ở giữa boong chính của tàu, nơi chiếc tàu ít lắc lư nhất. Một bác sĩ phẫu thuật người Moore xem xét vết thương của chàng cướp biển, tuyên bố rằng vết thương tuy có nặng nhưng chưa đến mức hoàn toàn tuyệt vọng.   
Lời chẩn đoán này đã cho đám cướp tất cả sự bảo đảm chúng cần. Không có lý nào Người Làm Vườn lại sớm trảy đi một quả quý như vậy trong khu vườn của Allah. Đấng Nhân Từ hẳn sẽ cho Sakh el Bahr được sống vì vinh quang của Hồi giáo.   
Thế nhưng bọn cướp đã đến eo Gibralta trước khi cơn sốt của người bị thương hạ xuống và chàng tỉnh táo hoàn toàn trở lại, để được kể lại kết quả trận giao tranh mạo hiểm mà chàng đã dẫn những đứa con của Đấng Tiên Tri vào.   
Chiếc tàu Hà Lan, Othmani thông báo với chàng, đang theo sau họ, do Ali và một số người khác điều khiển, luôn bám sát chiếc tàu của họ lúc này vẫn do con chó tà đạo Jasper Leigh cầm lái. Khi Sakh el Bahr được biết giá trị của cải cướp được, khi chàng được thông báo rằng bên cạnh một trăm tù binh có thể bán được tại chợ nô lệ sôk- el –Abeed, còn có hàng hoá bao gồm vàng, bạc, ngọc trai, trầm hương, gia vị, và ngà voi, cùng những thứ ít giá trị hơn như hàng kiênj đồ tơ lụa sang trọng, nói tóm lại là đáng giá hơn bất cứ chiến quả nào trước đây trên biển, chàng cảm thấy đã không đổ máu vô ích.   
Giờ thì chàng có thể thanh thản quay về Algiers với hai chiếc tàu chiếm được nhân danh Allah và đấng tiên tri của người, một trong số đó mang đầy chiến lợi phẩm quý giá, một kho báu nổi thực sự, và chàng chẳng phải e ngại nhiều về những gì kẻ thù của chàng và người đàn bà Sicily nham hiểm đã dựng ra chống lại chàng trong lúc chàng vắng mặt.   
Sau đó chàng hỏi đến hai tù nhân người Anh, và được biết Othmani đã tiếp tục cư xử với hai người này như Sakh el Bahr đã làm khi họ được đưa lên tàu.   
Chàng hoàn toàn hài lòng, và chìm vào một giấc ngủ nhẹ nhàng của một người đang hồi phục, trong khi trên mặt boong, thủ hạ của chàng đang tạ ơn Allah đấng nhân từ đấng độ lượng, thượng đế của ngày phán xét cuối cùng, là đấng duy nhất toàn năng, toàn trí.

Rafael Sabatini

Chim Ó Biển (The Seahawk)

Phần 2: Sakh el-Bahr

P2 - Chương 5

Con sư tử của đức tin

Asad ed Din, Con Sư Tử của đức tin, Basha của Algiers, đang đi dạo buổi chiều trong khu vườn cây ăn quả của cung điện nằm trên đồi cao nhìn xuống thành phố, bên cạnh đức ông, rảo bước một cách kiêu kỳ duyên dáng, là Fenzileh, vợ ngài, người chủ hậu cung, người 18 năm trước ngài đã bắt mang đi trong vòng tay rắn chắc của mình từ một ngôi làng nhỏ với những ngôi nhà quét vôi trắng gần eo biển Messina mà đức ông cùng thủ hạ đã đổ lên cướp phá.   
Bà ta lúc đó còn là một cô thiếu nữ mười sáu tuổi tuyệt đẹp, con gái của một gia đình nông dân nghèo, và cô thiếu nữ đã chấp nhận bị mang đi trong vòng tay của gã cướp biển lực lưỡng mà không chút phàn nàn. Lúc này, đã bước vào tuổi ba mươi tư, bà ta vẫn xinh đẹp, thậm chí còn đẹp hơn khi bà ta lần đầu tiên làm bùng lên ngọn lửa đam mê của Asad-Reis- như người ta gọi ông ta lúc đó, một trong những tuỳ tướng của Ali Basha lừng danh. Mái tóc đen óng ả dài và nặng của bà ta long lanh ánh đỏ, làn da mềm mại trắng hồng, không chút tỳ vết như một viên ngọc trai hảo hạng, đến mức có thể tưởng như trong suốt, đôi mắt to màu vàng nâu long lanh như có lửa, đôi môi đầy đặn, quyến rũ. Người đàn bà này có vóc người cao ráo, với thân hình có thể được coi là hoàn hảo ở châu Âu, cũng có nghĩa là hơi quá mảnh mai với sở thích phương đông; bà rảo bước bên cạnh người chồng vương giả của mình với dáng đi kiêu kỳ duyên dáng, tay khẽ phe phẩy chiếc quạt lông đà điểu. Bà không che mạng; quả thực bà ta luôn có thói quen đi ra ngoài để lộ mặt một cách thiếu ý tứ như vậy khá thường xuyên, nhưng đó cũng chỉ là một trong vô số thói quen khó chấp nhận của những kẻ tà đạo mà bà ta vẫn giữ lại cho mình sau khi quy thuận đức tin Hồi giáo - một điều kiện bắt buộc trước khi Asad, một người mộ đạo đến độ cuồng tín, chấp nhận cưới bà làm vợ chính thức. Và đức ông đã tìm thấy ở người đàn bà này một người vợ mà chắc chắn không bao giờ ngài có thể kiếm được ở nhà; một người phụ nữ, không cam phận làm vật mua vui giải trí cho đức ông trong những lúc thư nhàn, đã xen vào việc chính sự của ngài, đòi hỏi và dần dần chiếm được lòng tin của ngài, và thao túng ảnh hưởng ngài chẳng khác gì phu nhân của một ông hoàng Âu châu với chồng mình. Trong những năm ông ta còn bị mê hoặc bởi sắc đẹp của cô vợ trẻ, đức ông đã chấp nhận tình thế này một cách khá dễ dãi; sau đó, khi ngài muốn gạt ảnh hưởng của bà vợ sang một bên thì đã quá muộn; bà ta đã siết chặt dây cương, và Asad cũng chẳng hơn gì vô số ông chồng người Âu - một tình thế thật bất bình thường và khó chấp nhận với một Basha thuộc đức tin của Đấng tiên tri. Tình thế này cũng nguy hiểm với cả chính Fenzileh; vì nếu gánh nặng do bà ta gây ra vào lúc nào đó trở nên quá sức chịu đựng của quý ông chồng, ông ta hoàn toàn có thể rũ bỏ bà vợ một cách dễ dàng. Cũng không nên cho rằng bà ta ngu ngốc đến mức không nhận ra mối nguy đó – bà ta luôn ý thức được đầy đủ nguy cơ đang đe doạ mình; nhưng tâm hồn Sicily của người phụ nữ này táo tợn đến mức liều lĩnh; chính bản lĩnh đã giúp bà ta khống chế được đấng phu quân ở mức độ chưa từng có với một bà vợ Hồi giáo nào khác đã thúc giục bà ta tiếp tục duy trì nó, bất chấp mọi nguy hiểm phải đối đầu.   
Ngay cả trong lúc này bà ta cũng đang đùa với lửa, trong khi rảo bước trong bầu không khí mát dịu của khu vườn, dưới những tán cây anh đào nở đầy hoa trắng và hồng, những cây lựu đang ra hoa đỏ thắm, và qua những hàng cây cam trĩu quả vàng ươm lấp ló dưới tán lá màu xanh sẫm. Bà ta đang bận rộn với công việc muôn thuở của mình nhằm đầu độc ý nghĩ của đức ông chồng chống lại Sakh el Bahr, trong sự ghen ghét xuất phát từ bản năng làm mẹ, bà ta đã bất chấp nguy hiểm có thể rơi xuống đầu khi dèm pha như vậy, vì bà biết quá rõ chàng hải tặc cải đạo đang vắng mặt có chỗ đứng quan trọng thế nào trong tim của Asad ed Din. Chính sự quý mến mà Basha dành cho viên phó tướng đã khiến bà căm thù Sakh el Bahr, vì tình cảm đó đã khiến Asad xa cách chính đứa con trai của mình và bản thân bà hơn, dẫn tới tin đồn rằng Sakh el Bahr đã được chỉ định làm người kế vị chức Basha sau Asad.   
“Thiếp cần phải cho chàng hay rằng hắn đang lợi dụng chàng, ôi nguồn sống của đời thiếp.”   
“Ta đang nghe bà đây,” Asad lạnh lùng trả lời. “ Và nếu bà không nặng tai đến thế, hẳn bà đã nghe ta trả lời rằng những lời nói của bà không là gì cả đối với ta bên cạnh những chiến công của anh ta. Lời nói có thể chỉ là một chiếc mặt nạ che dấu ý nghĩ của chúng ta; hành động là biểu hiện của những gì chúng ta nghĩ. Bà hãy nhớ kỹ điều này, Fenzileh.”   
“Chẳng lẽ thiếp lại không ghi nhớ từng lời của chàng sao, ôi ngọn nguồn của sự thông thái?” bà ta phản đối, và như thường lệ lại khiến ông chồng tự hỏi không biết cô vợ trẻ đang trách móc hay mỉa mai. “Và thiếp chỉ muốn nhắc đến những hành động của hắn ta, chứ không phải những lời nói khốn khổ của thiếp, những gì hắn nói thì lại càng không.’   
“Vậy thì, nhân danh Allah, hãy để những hành động ấy tự nói về chúng, còn bà thì im đi.”   
Giọng nói trách cứ bực dọc và vẻ khinh bỉ trên khuôn mặt kiêu hãnh của ông chồng đã khiến bà ta im bặt trong khoảnh khắc. Đức ông quay đi.   
“Lại đây,” ông lên tiếng. “Sắp đến giờ cầu nguyện rồi.” Và ngài sải bước hướng tới những bức tường màu vàng của Kasbah vươn cao lên trên tấm thảm xanh của khu vườn thơm ngát.   
Ông ta là một người cao lớn, đôi vai đã hơi còng dưới gánh nặng của tuổi tác; nhưng khuôn mặt diều hâu của ông đầy vẻ quyền uy, và trong đôi mắt sẫm màu vẫn loé lên vài tia sáng mãnh liệt của thời trai trẻ còn lưu lại. Có vẻ trầm ngâm, ông đưa một bàn tay đeo đầy trang sức lên vuốt nhẹ chòm râu dài trắng; cánh tay còn lại của đức ông tựa vào cánh tay mềm mại tròn trịa của bà vợ, vì thói quen hơn là cần chỗ dựa, vì ông ta vẫn còn vạm vỡ.   
Từ trên bầu trời xanh ngắt một con chim chiền chiện vụt cất tiếng hót, và từ trong khu vườn vọng lên những tiếng rì rầm khe khẽ của lũ bồ câu như muốn tạ ơn thượng đế vì cái nóng ghê gớm đã dịu đi nhiều vào lúc này, khi mặt trời đang lặn nhanh xuống phía chân trời và bóng nắng trên mặt đất dài dần ra.   
Giọng nói của Fenzileh lại vang lên, du dương ngọt ngào hơn bao giờ hết, thế nhưng chứa đầy những lời xúc xiểm, một thứ thuốc độc được khéo léo bọc ngoài bằng mật ngọt.   
“Ôi chủ nhân yêu dấu của thiếp, chàng đang giận thiếp mất rồi. Khổ thân thiếp quá! Chẳng bao giờ thiếp khuyên nhủ chàng như trái tim thiếp mách bảo vì vinh quang của chính chàng, mà thiếp nhận được gì khác hơn sự lạnh nhạt của chàng.”   
“Đừng dèm pha người mà ta yêu quý,” Basha đáp ngắn gọn. “Ta đã nói với nàng bao lần rồi.”   
Người thiếu phụ nép sát hơn vào đức ông, giọng nói của bà trở nên nhỏ nhẹ hơn, gần hơn với những tiếng thì thầm tỏ tình của những con bồ câu. “Chẳng lẽ thiếp không yêu chàng sao, ôi chủ nhân của tâm hồn thiếp? Liệu trên thế gian này có trái tim nào trung thành với chàng hơn thiếp chăng? Chẳng phải cuộc sống của chàng chính là của thiếp sao? Chẳng phải mỗi ngày trong đời thiếp đều hiến dâng cho hạnh phúc của chàng được trọn vẹn sao? Và không lẽ chàng lại cau mày phật ý với thiếp chỉ vì thiếp sợ cho chàng mối đe doạ từ bàn tay của một kẻ mới hôm qua còn là người xa lạ?”   
“Sợ cho ta?” đức ông lặp lại, và cười mỉa mai. “Nàng có gì để sợ cho ta từ Sakh el Bahr?”   
“Những gì mà tất cả tín đồ chân giáo cần luôn cảnh giác từ một kẻ không phải là một ngýời Hồi giáo chân chính, từ một kẻ đã lôi chân giáo ra làm trò cười và bậc thang để tiến thân.”   
Basha dừng bước, giận dữ quay ngoắt sang phía người thiếu phụ.   
“Cầu cho lưỡi của mụ bị thối rữa đi, mẹ đẻ của sự dối trá!”   
“Thiếp có khác gì cát bụi dưới chân ngài, ôi chủ nhân yêu dấu của thiếp, nhưng thiếp không phải hạng người mà cơn giận vô cớ của ngài đã gọi.”   
“Vô cớ?” đức ông lặp lại. “Không phải vô cớ mà hoàn toàn xác đáng khi phải nghe một người mà Đấng Tiên tri bảo trợ, ngọn lao của Hồi giáo chĩa vào ngực quân tà đạo, người trút cơn giận dữ của Allah xuống đầu bọn người Âu vô đạo, bị mụ mạ lị như vậy! Không một lời nào nữa, ta nhắc lại! Ta cũng muốn nhắc mụ từ giờ nói năng cho cẩn thận, nếu không mụ sẽ phải trả giá như một kẻ dối trá.”   
“Và liệu thử thách đó có làm thiếp sợ?” người thiếu phụ đáp trả, không hề bị khuất phục. “ Thiếp xin nói với ngài, cha của Marzak, rằng thiếp sẽ vui lòng chấp nhận nó. Bây giờ hãy nghe thiếp nói. Ngài đòi hỏi chứng cớ chứ không phải lời nói suông. Vậy, hãy cho thiếp biết, liệu phung phí tiền bạc vì bọn nô lệ tà đạo, mua chúng để sau đó hắn có thể trả tự do cho chúng, có phải là hành động của một người chân giáo hay không?”   
Asad tiếp tục im lặng bước đi. Thói quen lạ lùng trước đây của Sakh el Bahr quả là khó biện hộ. Việc này đã gây ra cho đức ông những giây phút khó nghĩ, và đã hơn một lần ngài chất vấn viên phó tướng để rồi luôn nhận được duy nhất một câu trả lời, cũng chính là câu trả lời ngài dùng để đáp lại Fenzileh. “Cứ mỗi nô lệ hắn thả đi như vậy, hắn đã mang về một tá nô lệ khác để bù lại.”   
“Hắn buộc phải làm vậy thôi, nếu không thì ai để cho hắn yên. Đó chỉ là một tấm mạng để che mắt những người Hồi giáo chân chính mà thôi. Việc phóng thích nô lệ cho thấy hắn vẫn còn lưu luyến với quê hương tà giáo của hắn. Liệu có thể có chỗ cho một tình cảm như vậy trong trái tim của một thành viên của Ngôi nhà vĩnh hằng của đấng Tiên tri không? Đã từng có ai nghe thấy thiếp than vãn nhớ nhung bờ biển Sicily nơi chàng đã dùng sức mạnh mang thiếp đi, hay thiếp đã từng bao giờ cầu xin với chàng vì mạng sống của một gã Silicy tà đạo nào trong suốt những năm thiếp hầu hạ chàng không? Thiếp nói với chàng rằng, nỗi nhớ quê đó chứng tỏ hắn vẫn lén lút theo tà đạo cũ của hắn, và một tình cảm như vậy không có chỗ ở một người đã giũ sạch quá khứ tà đạo khỏi trái tim mình. Và bây giờ hãy nói đến chuyến đi ra biển lớn của hắn - mạo hiểm một con tàu hắn chiếm được từ những kẻ thù không đội trời chung của Hồi giáo, con tàu không phải thuộc về hắn để mạo hiểm mà thuộc về chàng, vì hắn chỉ hành động nhân danh chàng; thêm vào đó hắn lại đùa bỡn với tính mạng của hai trăm tín đồ chân giáo. Để làm gì? Để đưa hắn đến bên kia đại dương, để hắn có thể nhìn lại mảnh đất đáng nguyền rủa đã sinh ra hắn. Biskaine đã thông báo lại như vậy. Và chuyện gì xảy ra nếu hắn bỏ mạng dọc đường?”   
“Ít nhất thì bà cũng sẽ hài lòng, mẹ đẻ của sự hiểm độc,” Asad gầm lên.   
“Hãy gọi thiếp bằng những cái tên tàn nhẫn, ơi mặt trời sưởi ấm thiếp! Chẳng phải thiếp là của chàng để sử dụng và hành hạ như ý thích của chàng hay sao? Hãy rắc muối lên trái tim chàng đã làm thương tổn; vì đó là bàn tay chàng thiếp sẽ không bao giờ hé môi oán thán một lời. Nhưng hãy nghe thiếp - - hãy nghe lời thiếp; hay nếu lời nói không có ý nghĩa gì với chàng, vậy thì hãy nghe thiếp cho chàng hay những sự việc bấy lâu chàng không biết. Thiếp nói, xin chàng hãy lắng nghe, như tình yêu của thiếp thúc giục, cho dù chàng sẽ ra lệnh phạt đòn hay giết thiếp vì sự liều lĩnh này.”   
“Người đàn bà kia, lưỡi của mụ khua dẻo quẹo như một chiếc chuông được quỷ dữ kéo dây vậy. Mụ còn muốn bịa đặt gì nữa đây?”   
“Không gì nữa, vì chàng sẽ lại chỉ giễu cợt thiếp, và không còn cho kẻ nô tỳ này được hưởng tình yêu của chàng nữa.”   
“Thế thì cảm ơn Allah,” đức ông nói, “lại đây, đến giờ cầu nguyện rồi!”   
Thế nhưng quý ngài đã tạ ơn Allah quá sớm. Giống như phụ nữ vẫn làm, cho dù khẳng định là đã nói hết, nhưng kỳ thực người thiếu phụ mới chỉ bắt đầu.   
“Vẫn còn con trai của chàng , ôi cha của Marzak.”   
“Đúng vậy, mẹ của Marzak.”   
“Với một người đàn ông, con trai của ông ta phải là một phần linh hồn của người đó. Nhưng Marzak đã bị bỏ qua bởi gã lạ mặt gặp thời kia; và kẻ mới hôm qua còn xa lạ đã chiếm mất chỗ trong trái tim và bên cạnh chàng đáng lẽ thuộc về Marzak.”   
“Liệu Marzak có thể đảm đương được vị trí đó không?” Ông chồng hỏi lại. “Liệu một thằng bé râu còn chưa mọc có thể dẫn dắt thủ hạ như Sakh el Bahr đã dẫn dắt họ, hay giương cao thanh scimitar chống lại kẻ thù của Hồi giáo và khiến vinh quang của giới luật thiêng liêng của đấng Tiên tri trên thế gian này được nâng cao như Sakh el Bahr đã làm không?”   
“Nếu Sakh el Bahr làm được chúng, đó là nhờ ân huệ của chàng, ôi chủ nhân của thiếp. Và Marzak cũng sẽ làm được như vậy, cho dù còn trẻ tuổi. Sakh el Bahr chỉ là những gì chàng đã tạo ra từ hắn – không hơn, không kém.”   
“Đến đây thì bà nhầm lẫn rồi đấy, ôi mẹ đẻ của sự sai lầm. Sakh el Bahr là những gì mà Allah đã tạo ra. Cậu ta là gì mà Allah muốn. Và cậu ta sẽ trở thành người mà Allah tiên định. Bà vẫn chưa học được rằng chính Allah đã buộc số phận lên cổ mỗi người sao ? »   
Lúc đó một ráng vàng lộng lẫy chợt xoá nhoà đi nền trời màu xanh ngọc báo hiệu lúc hoàng hôn xuống và cũng chấm dứt luôn cuộc đôi co do người thiếu phụ khởi xướng với sự táo bạo cũng độc nhất vô nhị như sự kiên nhẫn của người đối thoại đã chịu đựng nó. Đức ông rảo bước nhanh hơn về phía sân toà dinh thự. Ráng vàng nhạt đi cũng nhanh như lúc xuất hiện, và màn đêm buông xuống đột ngột như thể một tấm màn nhung vừa được hạ.   
Dưới màn đêm, nền đá trắng của khoảng sân nổi bật lên toả sáng mờ mờ như thứ ánh sáng phản chiếu từ những viên ngọc trai. Hình dáng tối sẫm của các nô lệ đi qua đi lại không ngớt trong lúc Asad đi từ vườn vào, theo sau là Fenzileh, khuôn mặt lúc này đã được che bằng một tấm mạng mỏng bằng lụa màu xanh. Người thiếu phụ lướt qua khoảng sân hình vuông và biến mất dưới một hàng mái vòm, ngay cả khi giọng của một Mueddin từ xa vọng lại phá vỡ màn đêm yên tĩnh, đọc lời kinh Shehad—   
« La illaha, illa Allah ! Wa Muhammad er Rasool Allah ! »   
Một nô lệ trải một tấm thảm ra sân, một nô lệ thứ hai bê một chiếc chậu bạc, một nô lệ thứ ba đổ nước vào đó. Basha, sau khi đã rửa tay và mặt, quay người về hướng Mecca, và bày tỏ niềm tin vào sự duy nhất của Allah, đấng Bao dung, đấng Độ lượng, Chủ nhân của ngày phán xử cuối cùng, giữa tiếng cầu kinh của viên Mueddin vang vọng khắp thành phố từ ngọn tháp này đến ngọn tháp khác.   
Khi đức ông đứng dậy sau khi đã cầu nguyện, có tiếng bước chân hối hả ở bên ngoài vọng lại, và tiếng hô ra lệnh gay gắt. Toán janissary Thổ cận vệ của Basha, gần như vô hình trong bộ y phục rộng thùng thình màu đen, lao tới đáp lại lời gọi và quát hỏi ai đang đến.   
Từ cổng vòm của lối vào sân hắt lại ánh sáng của một lồng đèn đựng một chiếc đèn bằng đất nung được thắp sáng bởi một sợi bấc nhúng vào mỡ cừu. Asad, đứng đợi xem ai tới, dừng lại ở chân bậc cấp màu trắng nhẵn bóng, trong khi từ các khung cửa và cửa sổ áp mái của cung điện , ánh sáng ngập tràn chiếu xuống sân làm những viên đá cẩm thạch lát sân sáng long lanh.   
Chừng một tá lính phóng lao người Nubia tiến lại, xếp thành hàng ở một bên, trong khi trong vầng ánh sáng xuất hiện thân hình phương phi, ăn mặc sang trọng của Tsamanni, thượng thư của Asad. Sau lão còn có một người nữa mặc áo giáp bằng mạng sắt, các mắt sắt hơi loé sáng theo mỗi cử động của người mặc.   
« Bình yên và ân phước của đấng tiên tri ở cùng người, ôi Asad hùng mạnh ! » viên thượng thư cất tiếng chào.   
« Bình yên ở cùng nhà ngươi, Tsamanni, » Basha đáp. « Ngươi mang tin tới chăng ? »   
« Tin về chiến thắng và vinh quang, ôi chủ nhân quyền uy ! Sakh el Bahr đã trở về. »   
« Tạ ơn Người ! » Basha kêu lên, hai tay giơ lên trời ; và giọng nói đầy xúc động của đức ông không cho phép ai hiểu nhầm.   
Có tiếng bước chân nhẹ nhàng vang lên sau lưng ngài và một bóng người nhô ra khỏi ngưỡng cửa. Đức ông quay lại. Một thân hình đội turban và mặc áo caftan dát đầy vàng cúi chào ngài từ trên đỉnh bậc cấp. Khi người này đi lại gần, ánh sáng của lồng đèn chiếu sáng toàn bộ khuôn mặt người mới tới, làm lộ ra một khuôn mặt trắng trẻo khôi ngô đến mức có thể coi là một khuôn mặt của phụ nữ, nếu tính đến những đường nét mềm mại tròn trịa và sự vắng mặt hoàn toàn của bộ râu.   
Asad thầm mỉm cười dưới bộ râu trắng của mình, đoán rằng cậu thiếu niên đã được bà mẹ lúc nào cũng cảnh giác đa nghi phái tới để xem ai tới và mang theo tin gì.   
« Con đã nghe chăng, Marzak ? » ông nói. « Sakh el Bahr đã trở về. »   
« Chiến thắng, con hy vọng, » cậu bé lúng túng đáp.   
« Chiến thắng chưa từng có, » Tsamanni trả lời. « Chàng vừa vào cảng lúc mặt trời lặn, toàn bộ thủ hạ ở trên hai chiếc tàu hùng mạnh kiểu châu Âu, mà đó cũng chỉ là phần nhỏ nhất trong chiến lợi phẩm khổng lồ mà chàng mang về. »   
« Allah thật vĩ đại, » Basha cất tiếng chào mừng câu trả lời dành cho những lời tiên đoán của bà vợ người Sicily của ngài. « Nhưng sao cậu ta không tự tới đây thuật lại tin mừng cho ta ? »   
« Trách nhiệm giữ chàng lại trên tàu, thưa chủ nhân, » viên thượng thư đáp. « Nhưng chàng đã gửi viên kayia Othmani tới đây để báo tin với người. »   
« Chào mừng ngươi, Othmani. » Đức ông vỗ tay, lập tức đám nô lệ mang đệm ngồi vào đặt xuống sàn. Ngài ngồi xuống, và ra hiệu cho Marzak đến ngồi bên cạnh. « Bây giờ hãy kể lại câu chuyện của ngươi ! »   
Và Othmani bắt đầu thuật lại họ đã hành trình tới nước Anh xa xôi trên chiếc tàu Sakh el Bahr đã cướp được ra sao, qua những vùng biển chưa tay hải tặc nào biết tới, và làm thế nào trên đường về họ đã tấn công một chiếc tàu Hà Lan mạnh hơn cả về trang bị lẫn quân số ; và tuy vậy Sakh el Bahr vẫn dành được chiến thắng nhờ sự trợ giúp của Allah, người bảo trợ của chàng, và chuyện chàng đã bị một vết thương đáng lẽ đã giết chết bất cứ người nào khác, trừ một người được phép màu cứu vớt lại cho những vinh quang lớn hơn của Hồi giáo, cũng như về chiến lợi phẩm giàu có chưa từng thấy mà sáng hôm sau sẽ được đặt dưới chân Asad để đức ông phân phát.

Rafael Sabatini

Chim Ó Biển (The Seahawk)

P2 - Chương 6

Cải đạo

Câu chuyện của Othmani do con trai thuật lại chẳng khác gì mật đắng và gai nhọn cứa vào tâm hồn ghen tuông của Fenzileh. Biết rằng Sakh el Bahr đã quay về an toàn bất chấp việc bà ta đã không ngừng cầu nguyện mong tai hoạ giáng xuống đầu chàng, những lời cầu nguyện được gửi tới cả Chúa trời của cha mẹ bà cũng như Thượng đế mà bà ta đã chấp nhận sau này, đã là một điều đáng nguyền rủa. Nhưng chàng cướp biển lại còn quay về trong ánh vinh quang, mang theo một lượng lớn chiến lợi phẩm mà chắc chắn sẽ làm địa vị của chàng được củng cố hơn nữa trong sự tín nhiệm của Asad và sự thán phục của dân chúng, thì quả là sự cay đắng tột cùng. Tin xấu làm người thiếu phụ choáng váng sững sờ im lặng hồi lâu, trước khi bà ta lấy lại được đủ sức lực để nguyền rủa đối thủ của mình.   
Sau đó, khi thần trí đã hồi phục lại sau cú sốc, bà ta chợt nghĩ tới một điều mà ban đầu dường như chỉ là một chi tiết thoảng qua không quan trọng trong câu chuyện của Othmani mà Marzak thuật lại.   
« Thật lạ lùng khi hắn ta thực hiện chuyến đi dài tới tận nước Anh chỉ để bắt về từ đó hai tù binh ; và khi tới đó hắn ta lại không ra tay như một cướp biển thực thụ và bắt đầy một tàu nô lệ. Quả là lạ lùng ! »   
Hai mẹ con đang ở một mình sau một tấm bình phong màu xanh lục để lọt vào mùi thơm toả lại từ khu vườn và tiếng hót của một con chim sơn ca. Fenzileh ngồi xuống một chiếc divan phủ thảm lụa Thổ, một chiếc hài dát vàng rơi ra khỏi bàn chân móng nhuộm đỏ bằng cây henna. Đôi tay yêu kiều của người thiếu phụ đỡ lấy đầu, và bà nhìn đăm đăm vào ngọn đèn lồng nhiều màu treo trên trần nhà.   
Marzak sải bước đi đi lại lại dọc căn phòng, bầu không khí hoàn toàn yên lặng trừ những tiếng động nhẹ từ đôi hài của cậu ta.   
« Thế nào, » người thiếu phụ sốt ruột lên tiếng hỏi, « Chẳng lẽ con không thấy lạ lùng sao ? »   
« Có chứ, thưa mẹ, » cậu thiếu niên trả lời, dừng bước trước mặt người mẹ.   
« Và con không thể đoán ra nguyên do của nó sao ? »   
« Nguyên do ? » cậu thiếu niên lặp lại, khuôn mặt dễ thương trẻ trung của cậu ta, được thừa hưởng rất nhiều vẻ đẹp của người mẹ, trông có vẻ ngơ ngẩn trống rỗng.   
« Phải, nguyên do của nó, » người mẹ lớn tiếng bực bội. « Chẳng lẽ con chỉ biết trố mắt ra nhìn thế thôi sao ? Chẳng lẽ ta là mẹ của một thằng ngốc ? Liệu con cứ tiếp tục hoài phí của đời mình như thế cho đến khi con chó người Âu đó đạp lên người con, biến con thành cái bục đặt chân cho hắn bước tới quyền lực đáng lẽ thuộc về chính con ? Nếu thế, Marzak, ta ước gì con đã chết ngay từ trong bụng ta. »   
Cậu thiếu niên bật lùi lại trước cơn giận dữ Italia của bà mẹ, uất ức bực bội, cảm thấy những lời nói như vậy từ một người đàn bà, cho dù bà ta có là mẹ cậu hai chục lần đi nữa, có gì đó xúc phạm đến lòng tự ái đàn ông của cậu ta.   
« Con có thể làm gì đây ? » Cậu ta kêu lên.   
« Con hỏi ta ư ? Chẳng lẽ con không phải là đàn ông để quyết đoán và hành động sao ? Ta nói cho con hay rằng gã con hoang của một tay Thiên chúa giáo và một ả Do thái đó sẽ nhấn con xuống bùn. Hắn cũng tàn khốc như nạn châu chấu, hiểm độc như một con rắn độc, và hung dữ như một con báo săn. Có Allah chứng giám ! Ta ước gì ta không bao giờ có một đứa con trai. Thà rằng thiên hạ chỉ vào ta khinh miệt mà gọi ta là mẹ của gió (đồ vô sinh) còn hơn mang nặng đẻ đau ra một gã không biết làm thế nào để trở thành một đấng nam nhi. »   
« Hãy chỉ cho con hay cần làm gì,” đứa con trai kêu lên. « Hãy giao cho con một nhiệm vụ; hãy bảo con phải làm gì và mẹ sẽ không thấy con vô dụng, ôi mẹ yêu quý. Từ giờ đến lúc đó hãy ngừng những lời xúc phạm này, nếu không con sẽ không tới gặp mẹ nữa. »   
Trước lời đe doạ này, người thiếu phụ lạ lùng nọ bật dậy khỏi divan. Bà ta lao tới phía con trai, đưa tay ra ôm lấy cổ đứa con, tựa má vào má cậu thiếu niên. Cả 18 năm trong hậu cung của Basha cũng không dập tắt được người mẹ châu Âu trong người phụ nữ Sicile đầy đam mê này, hung dữ như một con cọp cái trong tình mẫu tử của mình.   
« Ôi con của ta, con trai đáng yêu của ta, » bà gần như nức nở. « Chỉ vì lo sợ cho con mà mẹ trở nên cáu bẳn. Nếu mẹ giận dữ thì đó chỉ là tình mẫu tử đang lên tiếng, là sự phẫn nộ của mẹ vì con khi thấy một kẻ xa lạ cướp mất chỗ đứng của con bên cạnh cha con. Ôi ! Nhưng chúng ta sẽ thắng, con trai yêu dấu của mẹ. Mẹ sẽ tìm cách khiến gã xa lạ đó trở lại với rác rưởi nơi hắn đã trồi lên. Hãy tin mẹ, ôi Marzak ! Suỵt ! Cha con đang tới. Đi đi ! Hãy để mẹ ở lại một mình với ông ấy. »   
Bà ta đã hành động một cách khôn ngoan, vì bà biết khi chỉ có hai người bà sẽ dễ dàng khống chế Asad hơn, vì lúc đó sẽ không có sự kiêu hãnh sẽ khiến ông ta đuổi bà đi lập tức nếu bà nói những điều tương tự trước mặt người khác. Marzak biến mất sau tấm rèm che một cửa ra vào đúng lúc Asad xuất hiện ở một ngưỡng cửa khác.   
Đức ông mỉm cười tiến lại, những ngón tay dài mảnh màu nâu vuốt dọc những sợi râu dài, chiếc áo choàng màu trắng dài quét đất kéo lê sau lưng.   
« Nàng hẳn đã nghe tin rồi, Fenzileh,” đức ông lên tiếng. « Nàng đã được trả lời đầy đủ rồi chứ ? »   
Người thiếu phụ lại ngồi xuống chiếc trường kỷ, uể oải ngắm mình qua một tấm gương bằng thép phủ bạc.   
« Được trả lời ? » bà uể oải lặp lại, giọng nói đầy khinh miệt hơi thoáng vẻ cười cợt. « Đúng là đã được trả lời. Sakh el Bahr mạo hiểm mạng sống của hai trăm người con của Hồi giáo và một con tàu đã trở thành tài sản của nhà nước sau khi chiếm được cho một cuộc hành trình tới nước Anh không với mục đích nào hơn ngoài để bắt hai tù nhân – hai tù nhân, trong khi nếu ý định của hắn là nghiêm chỉnh, thì phải là hai trăm. »   
« Ha ! Đó là tất cả những gì bà đã nghe được chăng ? » đức ông chồng mỉa mai đáp trả.   
« Chỉ có điều đó là đáng kể, » bà vợ đáp, vẫn tiếp tục soi gương. « Thiếp có nghe một chuyện ít quan trọng hơn rằng trên đường trở về, bắt gặp một cách tình cờ một chiếc tàu châu Âu chở đầy hàng hoá đắt tiền, hắn đã chiếm lấy nó nhân danh chàng. »   
« Bà nói là tình cờ ư ? »   
« Có thể nào khác ? » Người thiếu phụ hạ chiếc gương xuống, và đôi mắt can đảm, thách thức của bà nhìn thẳng vào mắt đấng phu quân không chút e sợ. « Chàng không định bảo thiếp rằng đó là một phần dự định của hắn lúc lên đường đấy chứ ? »   
Đức ông cau mày, đầu cúi xuống trầm ngâm. Quan sát thấy lợi thế vừa đạt được, bà vợ tiếp tục tấn công. « Đó là một ngọn gió may mắn đã đẩy chiếc tàu Hà Lan nọ vào con đường của hắn, và còn may mắn hơn là chiếc tàu này lại giàu có đến thế, khiến hắn có thể làm chàng loá mắt bởi vàng và đá quý, qua đó che mắt chàng mục đích thực sự của chuyến đi của hắn. »   
« Mục đích thực ? » đức ông nặng nề hỏi. « Mục đích thực nào đây ? » Người thiếu phụ nở nụ cười đầy tự tin của một người biết tất cả để che dấu sự mù tịt của mình, vì bản thân bà ta lúc này cũng không thế đưa ra một lý do nào nghe có vẻ thuyết phục.   
« Chàng hỏi thiếp sao, ôi Asad sáng suốt ? Chẳng lẽ ít nhất trí tuệ của chàng không sáng suốt hơn, đôi mắt của chàng không tinh tường hơn thiếp sao, mà một điều hiển nhiên như thế với thiếp lại có thể che dấu được chàng ? Hay là tay Sakh el Bahr này đã mê hoặc chàng bằng pháp thuật tà đạo rồi ? »   
Đức ông lao tới, hai bàn tay già nua rám nắng tàn nhẫn bóp chặt lấy cổ tay bà vợ.   
« Mục đích của cậu ta, mụ nói gì ! Hãy nói hết ý nghĩ bẩn thỉu của mụ ra. Nói ! »   
Người thiếu phụ đứng bật dậy, mặt đỏ bừng thách thức.   
« Thiếp không nói, » bà ta trả lời.   
« Không ư ? Thề có Allah, bây giờ lại còn thế nữa ! Mụ dám đứng trước mặt ta và thách thức ta, chủ nhân của mụ ư ? Ta sẽ cho phạt roi mụ, Fenzileh. Ta đã quá nuông chiều mụ trong quá nhiều năm- dễ dãi đến mức mụ đã quên mất hình phạt dành cho những bà vợ không vâng lời. Nói ngay trước khi da thịt mụ bị thâm tím hay nói sau đó, tuỳ mụ chọn. »   
« Thiếp sẽ không nói, » người thiếu phụ lặp lại. « Cho dù thiếp có bị vứt xuống vực, thiếp cũng sẽ không nói một lời nào nữa về Sakh el Bahr. Thiếp nói ra sự thật làm gì để rồi bị mỉa mai hạ nhục, bị gọi là kẻ dối trá, là mẹ đẻ của sự dối trá ? » Rồi bất ngờ bà ta ngồi sụp xuống bật khóc. « Ôi nguồn sống của đời thiếp ! » người thiếu phụ kêu lên van nài, « chàng mới tàn nhẫn và bất công với thiếp làm sao ! » Lúc này người thiếu phụ đã quỳ xuống, một tạo vật mềm mại duyên dáng, đôi tay tuyệt đẹp ôm lấy đầu gối đức ông. « Khi tình yêu của thiếp dành cho chàng khiến thiếp nói ra những gì thiếp nhìn thấy, thiếp chỉ nhận được những cơn thịnh nộ của chàng, như thế thật quá sức chịu đựng của thiếp. Thiếp đã bị chà đạp dưới sức nặng của chúng. »   
Đức ông sốt ruột đẩy bà vợ ra. « Miệng lưỡi đàn bà mới khó chịu làm sao ! » ông kêu lên, và sải bước ra ngoài, hiểu quá rõ từ kinh nghiệm trong quá khứ rằng nếu ngài cứ nấn ná lại thì chính ngài sẽ bị nhận chìm dưới một cơn lũ những lời than vãn.   
Nhưng nọc độc của người thiếu phụ đã được châm một cách khéo léo, và từ từ phát huy tác dụng. Nó ngấm dần vào đầu óc đức ông, tra tấn đức ông bởi sự nghi ngờ, cũng chính là tác dụng chết người nhất của nó. Không lý do nào, cho dù có lý đến mấy, mà bà vợ có thể đưa ra giải thích cho cách hành xử kỳ lạ của Sakh el Bahr lại có thể gây ấn tượng cho dù chỉ bằng một nửa so với sự dèm pha của bà ta là có một lý do nào đó. Nó khiến đức ông bị dày vò ám ảnh bởi một cái gì đó mơ hồ. Cái gì đó đức ông không thể lý giải được vì không có bằng chứng nào vững chắc. Ngài bồn chồn đợi buổi sáng, khi chính Sakh el Bahr sẽ tới trình diện, nhưng không còn với sự sốt ruột của một người cha chờ đợi đứa con trai yêu dấu trở về.   
Bản thân Sakh el Bahr rảo bước trên boong lái chiếc tàu buồm và nhìn ánh sáng tắt dần từ phía ngôi làng nhỏ nằm trên sườn đồi phía trước mặt. Trăng mọc, toả ra một quầng sáng trắng nặng nề, in xuống mặt đất bóng đen sẫm sắc nét của những hàng cây cọ và tháp cầu nguyện, rải những dải ánh bạc xuống mặt nước bình yên của vịnh biển.   
Vết thương của chàng đã liền miệng và chàng đã hoàn toàn bình phục. Hai ngày trước chàng đã lên boong lần đầu tiên kể từ trận chiến với chiếc tàu Hà Lan, và sau đó chàng trải qua mỗi lúc một nhiều thời gian hơn ở đó. Chàng mới chỉ đi thăm các tù nhân của mình một lần duy nhất. Ngay khi đứng dậy được, chàng đã đi lập tức tới cabin khoang lái nơi Rosamund vẫn bị giam. Chàng thấy nàng xanh xao, mệt mỏi, nhưng sự can đảm của nàng vẫn không hề bị lay chuyển. Dòng họ Godolphin luôn là những người cứng cỏi, và Rosamund mang trong thân hình mảnh mai của nàng ý chí của một người đàn ông. Cô thiếu nữ ngước mắt nhìn lên khi chàng bước vào, hơi ngạc nhiên đôi chút khi cuối cùng cũng thấy mặt chàng, vì đó là lần đầu tiên chàng cướp biển đứng đối diện với nàng kể từ vụ bắt cóc ở Arwenack chừng bốn tuần trước. Rồi cô gái quay mặt đi, ngồi yên, chống khuỷu tay lên mặt bàn, như một pho tượng tạc bằng gỗ, hoàn toàn như không nhìn thấy chàng và không nghe thấy những gì chàng nói.   
Trước những lời xin lỗi của chàng – những lời xin lỗi thực sự chân thành, vì chàng đã bắt đầu tự trách mình về cách hành xử thiếu suy nghĩ của bản thân đối với nàng – cô thiếu nữ không trả lời lấy một lời, thậm chí không hề tỏ ra đã nghe thấy một lời nào. Bối rối, chàng đứng cắn môi một lúc, và dần dần, hầu như vô lý, bừng lên giận dữ. Chàng quay người đi ra. Sau đó chàng đến thăm đứa em trai, im lặng quan sát một lúc gã thanh niên hốc hác, mắt tái dại, bẩn thỉu, đang co người dúm lại trước mặt chàng trong ý thức của một kẻ có tội. Cuối cùng chàng quay trở lên boong, và ở đó, như tôi đã nói, chàng trải qua phần lớn thời gian trong ba ngày cuối cùng của của cuộc hành trình lạ lùng đó, tận hưởng ánh nắng mặt trời để lấy lại sức lực.   
Buổi tối nay, khi chàng đang rảo bước dưới ánh trăng, một bóng người vạm vỡ trèo lên boong kẽ gọi chàng bằng tên Anh của chàng   
« Sir Oliver ! »   
Chàng giật mình như thể có một hồn ma bất thần hiện lên chào chàng. Kẻ đã làm chàng giật mình đó là Jasper Leigh.   
« Lên đây, » chàng nói. Và khi lão đã đứng trước mặt chàng --- « Ta đã nói với lão rằng ở đây không có Sir Oliver nào cả. Ta là Oliver- Reis hay Sakh el Bahr, tuỳ lão chọn, một tín đồ thuộc ngôi nhà của đấng tiên tri. Lão muốn gì ? »   
« Không phải tôi đã phục vụ ngài trung thành và chu đáo sao ? » thuyền trưởng Leigh rào đón.   
« Có ai nói là không đâu ? »   
« Không ai cả. Nhưng cũng chưa ai công nhận. Khi ngài bị thương năm dưới kia nếu tôi muốn trở mặt chẳng khó khăn gì. Tôi đã có thể đưa những chiếc tàu này tới mỏm Tagus. Có Chúa chứng dám tôi có thể làm vậy ! »   
« Nếu thế lão đã bị băm thành từng mảnh tại chỗ, » Sakh el Bahr đáp.   
« Tôi có thể làm cho tàu mắc cạn, chấp nhận rủi ro bị bắt rồi sau đó xin được trả lại tự do. »   
« Và tìm lại những chiếc galley của đức Hoàng thượng Công giáo. Nhưng thôi ! Ta công nhận lão đã trung thành với ta. Lão đã hoàn thành phần mình trong thoả thuận. Ta sẽ hoàn tất phần của mình, không cần nghi ngờ. »   
« Tôi đâu dám thế. Nhưng phần thoả thuận của ngài là đưa tôi về nhà. »   
« Thế thì sao ? »   
« Chết tiệt ở chỗ là tôi chẳng biết kiếm đâu ra một ngôi nhà nữa, tôi không còn biết nhà mình ở đâu sau tất cả những năm tháng đã qua. Nếu ngài thả tôi đi, tôi sẽ trở thành một gã lang thang không cửa không nhà. »   
« Thế thì ta biết làm gì với lão đây ? »   
« Quả thực là tôi cũng đã quá đủ với Thiên chúa giáo như ngài khi đám người Hồi chiếm chiếc galley mà ngài phục dịch. Tôi là một người hữu ích, Sir Oli ... Sakh el Bahr. Người ta chưa từng tìm thấy ở các hải cảng nước Anh một hoa tiêu khá hơn tôi, và tôi đã tham gia không ít giao tranh và biết rõ về hải chiến. Ngài có thể có việc gì cho tôi ở đây không ? »   
« Lão cũng muốn trở thành một kẻ cải đạo như ta sao ? » Giọng chàng đầy chua chát.   
« Tôi nghĩ « cải đạo » là một từ phụ thuộc vào việc ta ở phía nào. Tôi muốn nói là tôi mong được cải theo tôn giáo của Mahound. »   
« Cải theo tôn giáo của những tên hải tặc và kẻ cướp, đó là điều lão muốn nói, » Sakh el Bahr nói.   
« Không. Về cái này thì tôi không cần cải đạo nữa, vì tôi đã là tất cả từ trước rồi, » thuyền trưởng Leigh thẳng thắn thừa nhận. « Tôi chỉ muốn đi biển dưới một lá cờ khác hơn Jolly Roger thôi. »   
« Lão sẽ phải bỏ rượu, » Sakh el Bahr nói.   
« Sẽ có những thứ khác bù lại, » lão Leigh đáp.   
Sakh el Bahr cân nhắc. Đề nghị của lão đã khiến trái tim chàng chợt rung động. Thật tốt có một người đồng bào ở bên cạnh chàng, cho dù là một tên cặn bã.   
« Sẽ như lão muốn, » cuối cùng chàng nói. « Lão đáng bị treo cổ bất chấp những gì ta đã hứa với lão. Nhưng không quan trọng. Nếu lão trở thành một người Hồi giáo, ta sẽ để lão phục vụ dưới quyền ta, để bắt đầu lão sẽ là một trong các phó tướng của ta, và chừng nào lão trung thành với ta, Jasper, mọi chuyện sẽ ổn cả. Nhưng ngay khi ta có nghi ngờ đầu tiên rằng lão trở mặt, một sợi thừng và thanh giằng buồm, anh bạn thân mến, sau đó là một vũ điệu trên không tới địa ngục cho lão. » Lão thuyền trưởng đạo tặc xúc động quỳ xuống, cầm tay Sakh el Bahr mà hôn. « Đồng ý, » lão nói. « Ngài đã khoan hồng cho một kẻ không hề xứng đáng được nhận nó từ tay ngài. Đừng bao giờ nghi ngại lòng trung thành của tôi. Mạng sống của tôi thuộc về ngài, và cho dù nó không đáng một đồng xu, ngài có thể sử dụng nó theo ý mình. »   
Sakh el Bahr bất giác siết chặt lấy bàn tay lão đạo tặc, và Jasper đứng dậy đi xuống khoang dưới, lần đầu tiên trong cuộc đời lưu manh trái tim của lão thực sự rung động trước một sự khoan dung mà lão biết rõ không xứng đáng, nhưng lão thầm thề sẽ trở nên xứng đáng với nó.

Rafael Sabatini

Chim Ó Biển (The Seahawk)

P2 - Chương 7

Cần không ít hơn bốn mươi con lạc đà để chở số hàng của chiếc tàu Hà Lan từ dưới bến lên Kasbah, và đoàn diễu hành này - được sắp xếp cẩn thận bởi Sakh el Bahr, người biết rõ giá trị của những cuộc trình diễn như vậy trong việc gây ấn tượng với đám đông – là một cảnh tượng chưa từng thấy trên các đường phố chật hẹp của Algiers sau sự trở về của bất cứ tay cướp biển nào. Nó hoàn toàn xứng đáng với người chinh phục của Hồi giáo vĩ đại nhất đã từng giương buồm ra khơi, với người mà, không hài lòng hạn chế mình ở Địa Trung Hải lặng sóng cho tới lúc đó vẫn là giới hạn của bọn cướp biển, đã mạo hiểm thử vận may của mình ngoài đại dương.   
Dẫn đầu là một trăm tay cướp biển thủ hạ của chàng trong những chiếc áo caftan ngắn đủ màu, đai lưng dắt đầy dao kiếm, có gã trang bị cả một kho khí giới đủ loại ; nhiều gã mặc áo giáp hộ thân bằng mạng sắt, dưới turban nhô lên chỏm mũ sắt sáng loáng. Sau chúng, ủ rũ trong xiềng xích, đến lượt một trăm tù nhân bị bắt trên chiếc tàu Hà Lan, bị thúc giục bằng làn roi của những tên cướp đi áp tải. Sau đó đến lượt một toán cướp biển nữa, và sau đám này đến lượt một hàng dài lạc đà cao ngễu ngện, vừa đi vừa thở ra phì phì, được dắt đi bởi những gã quản la hét luôn mồm. Sau đoàn lạc đà lại đến lượt một toán cướp biển nữa, và cuối cùng, cưỡi một con ngựa thuần giống Arab trắng muốt, đến lượt Sakh el Bahr xuất hiện, đầu đội một chiếc turban dát vàng. Trong các con phố hẹp, với những ngôi nhà quét vôi trắng và vàng, tường kín mít không cửa sổ trừ vài khe hẹp trổ ra chỗ này chỗ khác để lấy ánh sáng và không khí, đám khán giả hốt hoảng đứng dạt vào trong khung cửa để tránh bị dẫm bẹp bởi đám lạc đà thồ nặng, các kiện hàng lớn trên lưng chúng gần như chật khít những con hẻm nhỏ này. Nhưng những chỗ rộng rãi hơn, như dọc hai bên bờ đê, ở quảng trường phía trước chợ và đường vào pháo đài của Asad, đều đầy ních những đám đông ồn ào đủ màu sắc. Có thể bắt gặp những người Moore bệ vệ mặc áo dài rộng thùng thình đứng kề vai với những người da đen cởi trần tới từ phía Nam ; những người Arab xương xương, dẻo dai trong bộ djellabas trắng phau không tỳ vết chen chân cạnh những người Berber từ trên núi xuống trong những chiếc áo choàng bằng lông lạc đà ; cũng có thể thấy những người Thổ đến từ phía đông, người Do thái tỵ nạn từ Tây Ban Nha vẫn giữ lại cho mình trang phục kiểu châu Âu, được chấp nhận vì gắn bó với người Moore bởi nỗi thống khổ chung và chịu cùng thân phận bị trục xuất khỏi nơi đã từng là quê hương họ.   
Dưới ánh nắng châu Phi gay gắt, đám đông đáng kinh ngạc này đứng chen chúc nhau để chào đón Sakh el Bahr, và quả thật đám người này đang chào đón chàng với những tràng hô vang như sấm động đến mức tiếng vọng của chúng âm vang từ dưới con đê lên đến tận Kasbah trên đúng đỉnh đồi, báo trước sự xuất hiện của chàng cướp biển.   
Tuy vậy, đến khi chàng lên đến pháo đài đoàn diễu hành đã giảm đi hơn nửa. Tại chợ đám tuỳ tùng của chàng đã chia ra, và thủ hạ của chàng, do Othmani chỉ huy, đưa đám tù nhân tới nhà giam (bagnio hay banyard như Lord Henry đã gọi), trong khi đoàn lạc đà tiếp tục cuộc hành trình lên đỉnh đồi. Đi qua cổng vào lớn của Kasbah, đám lạc đà tiến vào khoảng sân rộng, được đám quản sắp xếp thành hai hàng, chúng bắt đầu quỳ gối nằm xuống. Sau đám lạc đà đến lượt chừng bốn chục tên cướp biển đóng vai đội tuỳ tùng danh dự cho chủ tướng của chúng. Đám này đứng dọc hai con đường vào sau khi đã cúi gập người chào Asad ed Din. Basha ngồi trên một chiếc divan kê trên bục dưới bóng một nhà rạp, bên cạnh đức ông là viên thượng thư Tsamanni và Marzak, cùng sáu lính janissary đứng hộ vệ, trang phục màu cát của chúng làm nổi bật chiếc áo dài màu xanh lục dát vàng ngài đang mặc. Trên chiếc turban trắng của Basha lóng lánh một vầng trăng lưỡi liềm bằng ngọc lục bảo.   
Khuôn mặt Basha tối sầm đăm chiêu khi đức ông quan sát đoàn lạc đà thồ nặng. Tâm trí của ngài vẫn vật lộn với nỗi nghi ngờ về Sakh el Bahr mà những lời lẽ khéo léo và sự ám chỉ còn khéo léo hơn của Fenzileh đã gieo vào đầu óc ngài. Nhưng khi vừa nhìn thấy chàng cướp biển khuôn mặt đức ông đột nhiên đổi khác, rạng rỡ hẳn lên, đôi mắt ông sáng lên, và ông đứng dậy đón chàng như một người cha đón chào một người con trai đã trải qua hiểm hoạ chết người để phụng sự một mục đích thiêng liêng với cả hai.   
Sakh el Bahr, sau khi đã xuống ngựa ngay từ ngoài cổng, đi bộ vào trong sân. Cao lớn và kiêu hãnh, đầu ngẩng cao, chàng nghiêm trang bước tới chiếc divan, theo sau là Ali và một gã nước da đồng hun, đầu đội turban, trên cằm mang một bộ râu đỏ quạch, mà chỉ cần nhìn thoáng qua cũng có thể nhận ra lão du đãng Jasper Leigh, lúc này đã hoàn toàn chỉn chu trong bộ dạng của một kẻ cải giáo.   
Sakh el Bahr quỳ một gối, cúi chào trân trọng chủ nhân của chàng.   
« Ân sủng của Allah và bình yên của Ngài ở cùng Người, hỡi chủ nhân, » chàng lên tiếng chào.   
Và Asad, cúi xuống đỡ chàng cướp biển oai hùng dậy, chào mừng chàng bằng những lời nói khiến Fenzileh đang nghe lén sau tấm bình phong phải nghiến chặt hai hàm răng lại.   
« Tạ ơn Allah và chủ nhân Mohammet của chúng ta vì con đã quay về và mạnh khỏe, con trai của ta. Trái tim già nua của ta đã sẵn vui mừng vì tin chiến thắng con dành được khi phụng sự đức tin. »   
Sau đó đến lượt màn trình bày tất cả kho báu cướp đoạt được của chiếc tàu Hà Lan, và cho dù Asad đã trông đợi rất nhiều vào chiến lợi phẩm thu được qua những gì Othmani đã thuật lại, cảnh tượng bày ra trước mắt đức ông lúc này vẫn vượt quá xa những gì ông trông đợi.   
Cuối cùng, tất cả được đưa tới cất ở công khố, và Tsamanni được lệnh tới đó quy tất cả ra tiền để chia cho những người có liên quan – vì trong những món chiến lợi phẩm như thế này tất cả mọi người đều được chia phần, từ bản thân Basha, người đại diện chính quyền, cho tới những tên cướp biển thấp kém nhất thuộc thuỷ thủ đoàn của những chiếc tàu vinh quang của đức tin, tất cả đều có phần của mình, nhiều hay ít tuỳ theo địa vị, một phần hai mươi giá trị chiến lợi phẩm rơi vào túi của chính Sakh el Bahr.   
Trong sân lúc này chỉ còn lại Asad, Marzak, đám janissary, Sakh el Bahr và Ali cùng Jasper. Đến lúc này Sakh el Bahr giới thiệu viên sĩ quan mới của mình cho Basha như một người đã được Allah soi sáng, một chiến binh lão luyện và một thuỷ thủ giàu kinh nghiệm, người đã đem tài năng và tính mạng của mình ra phụng sự Hồi giáo, người đã được Sakh el Bahr chấp nhận, và lúc này đến trình diện để chính thức được Asad bổ nhiệm.   
Marzak bực bội chen vào, nói rằng đã có quá nhiều kẻ trước kia là những con chó tà đạo trong hàng ngũ các chiến sĩ của đức tin, và nâng số lượng chúng lên một cách quá đáng là một quyết định sai lầm và Sakh el Bahr đã quá lộng hành khi tự cho mình nhiều quyền như vậy.   
Sakh el Bahr nheo mắt nhìn cậu thiếu niên, ánh mắt của chàng pha trộn cả sự ngạc nhiên lẫn coi thường.   
« Cậu cho rằng thuyết phục được một người đứng dưới lá cờ của đức Mohamet là lộng quyền chăng ? » chàng đáp. « Hãy đi đọc cuốn sách cao quý nhất và xem xem những gì đã được quy định như là bổn phận của các tín đồ chân giáo. Và hãy nhớ, hỡi con trai của Asad, rằng trong khi với trí tuệ trẻ con của mình cậu mỉa mai những người đã được Allah soi sáng, và đã từ bỏ bóng tối ra đứng dưới ánh mặt trời của chân giáo, cậu đã mỉa mai tôi và chính mẫu thân cậu, điều này cũng chỉ là chuyện nhỏ, nhưng đồng thời cậu đã báng bổ danh hiệu thiêng liêng của Allah, một hành động sẽ mở ra con đường dẫn tới hoả ngục. »   
Bực tức nhưng bị đánh bại và đành im tịt, Marzak lùi lại cắn môi nhìn chàng cướp biển gườm gườm, trong khi Asad gật đầu mỉm cười tán đồng.   
« Đúng là ngươi đã học rất chu đáo về chân giáo, Sakh el Bahr, » đức ông lên tiếng. « Ngươi đúng là cha đẻ của sự sáng suốt. » Và ông lên tiếng chào mừng thuyền trưởng Leigh, mà ông chấp nhận đưa vào hàng ngũ những người chân giáo với tên Jasper- Reis.   
Xong việc, cả gã cải đạo lẫn Ali đều được cho lui ra ngoài, đám janissary cũng rời vị trí sau lưng Asad đến đứng canh trước cổng vào. Sau đó Basha vỗ hai tay vào nhau, và ngài ra lệnh cho gã nô lệ tới nhận lệnh chuẩn bị thức ăn, đồng thời đức ông cũng lệnh cho Sakh el Bahr đến ngồi trên divan bên cạnh ngài.   
Nước được mang tới cho họ rửa tay. Sau đó, nô lệ mang tới một khay đồ ăn thơm lừng đựng thịt và trứng nấu với quả olive, chanh và gia vị.   
Asad bẻ bánh mì với lời tạ ơn thành kính « Bismillah ! » và đưa tay ra bốc thức ăn, Sakh el Bahr và Marzak cũng làm theo, và trong khi dùng bữa đức ông yêu cầu chàng cướp biển thuật lại chuyến phiêu lưu của chàng.   
Khi chàng đã kể xong, và Asad lại một lần nữa tạ ơn thượng đế bằng những lời cầu nguyện đầy nhiệt thành, Marzak đặt cho chàng cướp biển một câu hỏi.   
« Có phải chỉ để bắt hai nô lệ người Anh mà ngươi đã thực hiện chuyến đi mạo hiểm tới nơi xa xôi đó ? »   
« Đó chỉ là một phần dự định của tôi, » chàng bình thản đáp lại. « Tôi đi tuần trên biển để phụng sự đấng tiên tri, và kết quả của chuyến đi đã cho thấy bằng chứng. »   
« Vậy là ngươi biết rằng chiếc tàu Hà Lan đó sẽ gặp ngươi trên đường, » Marzak nói, lặp lại đúng những gì được mẹ mớm lời.   
« Chẳng lẽ lại không ? » Sakh el Bahr đáp, và chàng mỉm cười tự tin, quá tự tin đến mức Asad chẳng cần nghe đến câu trả lời đã được lựa chọn rất khôn ngoan. « Chẳng phải tôi luôn đặt lòng tin vào Allah đấng toàn trí, Người biết tất cả sao ? »   
« Trả lời hay lắm, thề có Koran ! » Asad khoan khoái tán thưởng chàng, càng khoan khoái hơn vì nó đã xoá đi sự nghi ngờ mà đức ông mong đợi hơn hết được nghe bác bỏ.   
Nhưng Marzak vẫn chưa chịu thua. Cậu thiếu niên đã được người mẹ Sicily cơ trí huấn luyện kỹ càng.   
« Nhưng vẫn còn vài điều trong tất cả chuyện này ta vẫn không hiểu, » cậu ta lẩm bẩm, vờ làm ra vẻ ngây ngô.   
« Với Allah mọi điều đều có thể ! » Sakh el Bahr đáp, với giọng làm ra vẻ ngạc nhiên, như thể chàng cho rằng – không hẳn không với một chút giễu cợt - thật không thể tin được có gì trên đời có thể qua khỏi sự sắc sảo của Marzak.   
Cậu thiếu niên gật đầu thừa nhận. « Hãy nói cho tôi biết, hỡi Sakh el Bahr hùng mạnh, » cậu vặn hỏi, « có thể nào sau khi đã tới được bờ biển xa xôi đó ngài lại tự hài lòng với chỉ hai kẻ nô lệ còm cõi đó, trong khi với thủ hạ của mình và sự bảo trợ của Allah đấng toàn năng ngài đã có thể bắt được dễ dàng gấp năm mươi lần số đó. » Và cậu ta làm ra bộ ngây ngô nhìn thẳng vào khuôn mặt rám nắng của chàng cướp biển, trong khi Asad cau mày nghĩ ngợi, vì cả ông cũng đã có ý nghĩ này trước đó.   
Đến lúc này Sakh el Bahr cần phải nói dối để thanh minh cho mình. Bây giờ không còn câu cao đạo viện dẫn đức tin nào có thể làm cứu cánh được nữa. Một lời giải thích là không thể tránh khỏi, và chàng hoàn toàn ý thức được rằng chàng không được phép đưa ra một lý do nghe có vẻ khập khiễng.   
« Sao chứ, về chuyện này, » chàng nói, « các tù nhân này bị bắt ở ngôi nhà đầu tiên mà chúng tôi tấn công, và việc bắt giữ chúng đã gây ra báo động. Hơn nữa, khi chúng tôi đổ bộ trời đã tối, và tôi không dám mạo hiểm tính mạng thuộc hạ của mình để dẫn họ đi xa hơn khỏi tàu và tấn công một ngôi làng, vì rất có thể đường rút của chúng tôi sẽ bị cắt đứt. »   
Vầng trán của Asad vẫn cau lại, trong khi Marzak kín đáo quan sát.   
« Thế nhưng Othmani đã hối thúc ngươi tấn công một ngôi làng đang hoàn toàn không biết đến sự có mặt của ngươi, song ngươi đã từ chối không thực hiện, » cậu ta lên tiếng.   
Nghe đến đây, Asad vụt ngẩng lên nhìn chàng sắc lạnh, và Sakh el Bahr nhận ra với trái tim hơi se lại rằng đang có âm mưu ngấm ngầm chống lại chàng, khiến người ta khổ công tìm kiếm mọi thông tin có thể đẩy chàng vào chỗ chết.   
« Có thật thế không ? » Asad hỏi, đưa mắt nhìn hết con trai lại đến viên phó tướng với đôi mắt nheo lại gườm gườm khiến khuôn mặt ông ta trở nên tàn nhẫn ma quái.   
Sakh el Bahr quyết định đánh bài liều. Chàng nhìn thẳng vào đôi mắt Basha thách thức.   
« Nếu đúng thì sao, thưa chúa công ? » chàng hỏi.   
« Ta hỏi ngươi có đúng vậy không ? »   
« A, vì biết đến sự sáng suốt của người thần quả là không tin nổi vào tai mình nữa, » Sakh el Bahr nói. « Những gì Othmani đã nói thì có ý nghĩa gì ? Không lẽ thần phải nhận lệnh hay chỉ dẫn của Othmani sao ? Nếu thế, tốt nhất xin hãy để Othmani thay thế thần, hãy để ông ta chỉ huy và chịu trách nhiệm về tính mạng của các tín đồ chân giáo chiến đấu bên cạnh ông ta. » Chàng chấm dứt với vẻ bất bình.   
« Ngươi dễ nổi nóng quá đấy, » Asad đáp lại còn bực bội hơn.   
« Thề có Allah, ai có thể nói là thần không có quyền đó ? Có thể nào thần sau khi đã chỉ huy cuộc viễn dương này và trở về mang theo thành quả rực rỡ như vậy, lại bị vặn hỏi bởi một cậu bé con râu chưa mọc rằng tại sao thần không làm theo chỉ dẫn của Othmani ? »   
Chàng đứng phắt dậy đứng sừng sững trong cơn bực bội đóng kịch. Chàng cần phải tỏ ra kiêu hãnh, và dập tắt mọi nghi ngờ bằng điệu bộ ngạo ngễ, thậm chí giận dữ.   
« Liệu Othmani có thể chỉ dẫn thần đến cái gì ? » chàng hỏi trách móc. « Liệu anh ta có thể dẫn thần tới chiếm được nhiều hơn những gì thần đã đặt dưới chân người hôm nay không ? Những gì thần đã làm đã quá đủ để tự biện hộ cho chúng. Những gì anh ta hối thúc thần làm rất có thể đã khiến chúng thần rơi vào tai hoạ. Nếu sự tình kết thúc như vậy, liệu trách cứ có trút xuống đầu anh ta chăng ? Không, có Allah chứng dám, sẽ là xuống đầu thần. Và như vậy, chiến công này cũng thuộc về thần, và thần không muốn ai vặn hỏi nó mà không có lý do nào hay hơn. »   
Quả thực đó là những lời táo tợn để nói với một kẻ quyền uy vô hạn như Asad, và còn ngạo mạn hơn là giọng nói đã tuôn ra những lời lẽ này, cùng ánh mắt long lên bực tức và những cử chỉ nhanh, mạnh, đầy khinh miệt đi kèm theo câu nói. Nhưng ưu thế chàng dành được trước Asad thì không nghi ngờ gì. Bằng chứng có thể thấy được ngay lập tức.   
Asad gần như ngỡ ngàng trước cơn giận dữ của chàng cướp biển. Vẻ nghi ngờ biến mất khỏi khuôn mặt đức ông thay bằng vẻ lo ngại thấy rõ.   
« Không, không, Sakh el Bahr, giọng điệu này ! » Ông lớn tiếng.   
Sakh el Bahr, sau khi đã đóng sập cánh cửa hoà khí trước mặt Basha, lại mở nó ra lần nữa. Chàng lập tức trở lại tuân phục.   
« Hãy tha thứ cho thần, » chàng nói. « Hãy trách cứ sự nhiệt thành của kẻ tôi tớ này với người và với đức tin mà hắn đã phụng sự không tiếc mạng sống của bản thân. Trong chính chuyến đi này thần đã bị thương suýt chết. Vết sẹo còn mới của nó là bằng chứng cho sự trung thành của thần. Nhưng vết sẹo của ngươi ở đâu, Marzak ? »   
Marzak cúi mặt tiu nghỉu trước câu hỏi bất ngờ này, và Sakh el Bahr khẽ mỉm cười coi thường.   
« Ngồi xuống, » Asad nói với chàng. « Ta đã không công bằng với nhà ngươi. »   
« Người chính là cội nguồn của công lý, ôi chủ nhân của thần, và sự phán xử của người đã nói lên điều đó, » chàng cướp biển đón lời. Chàng lại ngồi xuống, hai chân xếp bằng. « Thần xin thú nhận với chúa công rằng khi đi sát bờ biển nước Anh trong chuyến đi vừa rồi, thần đã quyết định đổ bộ và bắt giữ một kẻ nhiều năm trước đã ám hại thần, giữa hắn và thần có món nợ cần phải trả. Thần đã vượt quá dự định ban đầu và bắt đi hai tù nhân thay vì một người. Những tù nhân này, » chàng tiếp tục, tính toán rằng lúc này tâm trạng của Asad đang là lý tưởng nhất để đề cập đến yêu cầu của chàng, « không bị nhốt chung ở trại giam với những tù nhân khác. Họ vẫn còn bị giam trên chiếc tàu buồm thần đã chiếm được. »   
« Tại sao vậy ? » Asad hỏi, nhưng lần này không có vẻ gì nghi ngờ.   
« Bởi vì, thưa chủ nhân, thần xin được hưởng một ân huệ như là phần thưởng cho sự phục vụ của thần. »   
« Cứ nói, con trai của ta. »   
« Xin người hãy cho thần giữ hai tù nhân này lại cho mình. »   
Asad nhìn chàng, vầng trán lại hơi cau lại. Bất chấp bản thân mình, bất chấp tình cảm quý mến dành cho Sakh el Bahr, cũng như mong muốn của đức ông tìm lại sự thanh thản trong đầu, nọc độc Fenzileh đã châm vào tâm trí ngài lại bùng lên.   
« Ta có thể chấp nhận, » ông đáp, « nhưng luật lệ thì không, và luật lệ quy định rằng không cướp biển nào được giữ riêng một phần chiến lợi phẩm cho dù chỉ đáng một xu cho đến khi việc phân chia đã được thực hiện và phần thuộc về anh ta được phân bổ. » Câu trả lời thật nghiêm nghị.   
« Luật lệ, » Sakh el Bahr lặp lại. « Nhưng người chính là luật lệ, ôi chủ nhân cao quý. »   
« Không phải vậy, con trai của ta. Luật lệ cao hơn Basha, bản thân ông ta cũng phải tuân thủ nó để được coi là một người công minh, xứng đáng với bổn phận cao quý của mình. Và luật lệ ta vừa dẫn ra được áp dụng ngay cả khi Basha chính là người chiếm được chiến lợi phẩm. Những nô lệ đó của ngươi sẽ phải đưa tới khu nhà giam cùng những người khác và đem ra bán ở chợ vào ngày mai. Hãy tự mình đảm bảo rằng việc này được thực hiện, Sakh el Bahr. »   
Chàng cướp biển đã toan năn nỉ, nhưng đôi mắt chàng đã bắt gặp khuôn mặt trắng trẻo của Marzak cũng đôi mắt đang chăm chú xăm xoi chờ đợi, hy vọng sự thất sủng của chàng. Chàng lập tức kìm mình, cúi đầu tuân lệnh với vẻ thản nhiên.   
« Vậy xin người hãy định giá, và thần sẽ trả lập tức cho công khố. »   
Nhưng Basha lắc đầu. « Quyền ra giá không thuộc về ta mà của những người mua, » ông trả lời. « Ta có thể định giá quá cao, như thế là bất công với ngươi, hay quá thấp, và như thế sẽ bất công cho những người khác cũng muốn mua chúng. Hãy đưa chúng tới khu giam nô lệ. »   
« Ý nguyện của người sẽ được thực hiện, » Sakh el Bahr nói, không dám mạo hiểm nằn nì thêm nữa và cố dấu sự thất vọng của mình.   
Ngay sau đó chàng đi thực hiện quyết định của Basha, nhưng cũng ra lệnh thêm rằng Rosamund và Lionel được giam riêng khỏi những tù nhân còn lại cho đến khi phiên chợ mở màn vào sáng hôm sau, khi hai người này bắt buộc phải ra chợ cùng những nô lệ còn lại.   
Marzak vẫn nán lại bên người cha sau khi Oliver đã cáo từ, và ngay lập tức trong sân xuất hiện Fenzileh, người phụ nữ mà như nhiều người nói, đã mang những thói xấu Âu châu của Shaitan tới Algiers.